

NGÀY 1 THÁNG 5 NĂM 1964

# BACH KHOA

*năm thứ tám*

ĐOÀN - THÊM **VÀI BIỆN PHÁP PHÁT TRIỂN VĂN HÓA** • TRÀNG - THIÊN *các trào lưu lớn của tư tưởng hiện đại* • NGUYỄN - PHƯƠNG *việc dạy sử ở các trường trung học* • NGUYỄN - HIỂN, LÊ *lại sắp đến mùa thi* • HỒ - HỮU - TƯỜNG **TRẦM TƯ VỀ NẠN ĐÓI KÉM** • CÔ - LIÊU *giao diềm lãnh độ* • HƯƠNG - TỬ *phải tìm ra duyên cớ* • TRẦN - THỨC - LINH **TỘI NGHIỆP CHO THANH THIẾU NIÊN** • 12 NHÀ THƠ 14 bài thơ • TÚY - HỒNG *vòng tay anh* • HOÀNG - MINH - TRÍ *một nhà vô địch nhện đoi* • HOÀNG - ĐÔNG - PHƯƠNG *vòng tay học trò* • NGUYỄN-TRẦN-HUÂN *kỷ niệm Nguyễn-Du* • PHẠM-THẾ - MỸ *môn âm nhạc trong kỳ thi Trung-Học* • NGUYỄN - NGU - Í *hai giờ với các vị chức sắc đại Đạo tam kỳ phổ độ* •

176





Thanh thoát

Fine  
Dịu dàng

Racée  
Tonique

NUỐC HOA  
NGÔI SAO  
EAU  
DE  
COLOGNE  
L'ÉTOILE



DESORMAIS FABRIQUEE SOUS LICENCE AU VIETNAM PAR LA S<sup>IE</sup> F<sup>AB</sup> DES DISTILLERIES DE L. I. G. DIC

L'EAU DE COLOGNE "L'ÉTOILE"  
EST SI BONNE QU'ELLE EST SOUVENT CONTREFAITE

Assurez-vous de l'authenticité de votre achat,  
en vérifiant que la capsule inviolable  
que comportent les bouteilles  
d'origine sous leur bouchon à  
vis est bien en place



NUỐC HOA "NGÔI SAO"  
RẤT TỐT, THƯỜNG BỊ LÀM GIÀ TẠO

Muôn tìm được thứ thiệt, khi  
mua quý ngài nên đề dặt kiểm  
soát lại nắp chì giữa gian  
bọc ở miệng chai chính giữa  
nằm phía trong nắp vụn  
đinh ốc còn nguyên vẹn.



ATP



# BÁCH

# KHOA *trong số này*

Số 176 ngày 1-5-64

ĐOÀN - THÊM <i>vài biện pháp phát triển văn học</i>	3
TRÀNG - THIÊN <i>các trào lưu lớn của tư tưởng hiện đại</i>	9
TRẦN - THỨC - LINH <i>tội nghiệp cho thanh thiếu niên</i>	15
NGUYỄN - PHƯƠNG <i>việc dạy sử ở các trường Trung học</i>	21
NGUYỄN - HIỂN - LÊ <i>lại sắp đến mùa thi</i>	29
HỒ - HỮU - TƯỜNG <i>trăm tư : về nạn đói kém</i>	35
CÔ - LIÊU <i>giao diềm lãnh độ</i>	41
HƯƠNG - TỬ <i>phải tìm ra duyên cớ</i>	49
HÀ - NGUYỄN - THẠCH <i>2 bài thơ</i>	53
THÁI - TƯ - HẠP <i>hậu chiến (thơ)</i>	54
TÚY - HỒNG <i>vòng tay anh (truyện)</i>	55
NGUYỄN-NHO-SA-MẠC <i>tâm sự TẦN-HOÀI-ĐẠ-VŨ còn đi (thơ)</i>	67
THÁI - HỒNG ghen — TRẦN - QUANG - LONG <i>bài thơ của người đi đêm — YẾN - NGUYỄN - THANH chiến tranh và mục tàn</i>	68
HOÀNG - MINH - TRÍ <i>(dịch Kafka) một nhà vô địch nhìn đói</i>	69
TỪ - THỂ - MỘNG <i>lời gọi quyến rũ của thác (thơ) — HOÀNG-THỊ - BÍCH - NI của đất — lần cuối (thơ)</i>	78
HOÀNG-ĐÔNG-PHƯƠNG <i>vòng tay học trò (truyện dài)</i>	79
XUÂN - THAO <i>chống đói (thơ)</i>	84
NGUYỄN - NGU - Í <i>giáo sư Đoàn - Văn - An trình luận án tiến sĩ văn chương tại Nhật-Bản</i>	89
PHẠM - THỂ - MỸ <i>góp ý kiến về môn âm nhạc trong kỳ thi Trung-Học đệ I cấp</i>	93
NGUYỄN - TRẦN - HUÂN <i>kỷ niệm Nguyễn-Du</i>	97
NGUYỄN - NGU - Í <i>hai giờ với các vị chức sắc Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ — ngày giỗ Tò Hùng-Vương</i>	98



# BACH-KHOA

những bài trong số tới

Vấn đề lập hiến

Đi tìm dấu vết Hùng-Vương

Tôn giáo và chính trị

Một hình thức xâm nhập mới  
của Cộng sản

Nhạc Jazz

Nhiễm-sắc-thê và di-truyền tính

Một công cuộc nghiên cứu ngoại  
ngữ

Lược-khảo về tiểu-thuyết trinh-  
thám Anh

Giao điểm lãnh độ không gian

Biện chứng pháp và nhân bản học

Đàn hỏa và Xá-Lợi

Mấy ý nghĩ về sứ mệnh đạo  
Phật

Những xu hướng mới trong âm  
nhạc

Hai giờ với Minh-Đức Hoài-  
Trình

Một ngày của Ivan (Dịch A. Sol-  
jénitsyne)

Tình yêu đất (truyện ngắn)

An ủi (truyện ngắn)

Gió trên đồi (truyện ngắn)

Lạnh tuổi vàng (truyện ngắn)

ĐOÀN-THÊM

ĐỖ-TRỌNG-HUỆ

LÊ-QUÝ-THÀNH

ĐÀO-QUANG-HUY

TRẦN-VĂN-KHÊ

VÕ-QUANG-YẾN

NGUYỄN-THIẾU-NGUYỄN

NGUYỄN-TRẦN-HUÂN

CÔ-LIÊU

TRẦN-HƯƠNG-TỬ

NGUYỄN-VĂN-THƯ

PHÙNG-KHÁNH và

LÊ-VĂN-HAO

TÔN-THẮT-TIỆT

NGUYỄN-NGU-Í

NGUYỄN-MINH-HOÀNG

VÕ-HỒNG

LÊ-TẮT-ĐIỀU

TRÙNG-DƯƠNG

TRẦN-THI-NHÃ-CA



## Vài biện-pháp phát triển Văn-Hóa

● ĐOÀN THÊM

**S**Ự thành-lập một cơ-quan chuyên-trách về văn-hóa như Viện Văn-Hóa Việt-Nam (1) đòi hỏi những phương-tiện nhân-sự và tài-chánh mà ngân-sách quốc-gia chưa chắc đã cung cấp ngay được.

Vậy trong khi chờ đợi, có thể áp dụng những biện-pháp gì để thi-hành hơn, và tuy không toàn-bị, cũng thỏa mãn phần nào những nhu-cầu hiện-tại ?

Thiết nghĩ chỉ có cách khuếch trương, xúc tiến và hợp-lý-hóa những công-tác đã thử làm với sự dè-dặt buổi đầu của một cuộc thí-nghiệm, ở mọi ngành nghiên-cứu và sáng-tác nghệ-thuật.

Song sự nâng đỡ lẻ tẻ từng cá-

nhân văn-nghệ-sĩ, thường khó thực-hiện ở nhiều trường-hợp, vì phải có những cơ-quan đủ uy-tín để xét đoán hoạt-động hoặc tác-phẩm, mới tránh bớt được sự suy bì khiếu nại.

Nên tốt hơn hết, là chánh-quyền trợ cấp cho những tổ-chức hay những nhóm nào đáng tin cậy, để thực hiện những công-cuộc hữu-ích : rồi các tập-thể đó sẽ liệu giúp những cá-nhân nào tham gia.

..

### **Soạn sách và dịch sách**

Xin phân biệt loại nghiên-cứu và loại sáng tác.

(1) Xin coi B.K. số 175 ngày 15-4-64



A) — *Đối với loại thứ nhất, nên hướng vào các chương-trình trung-học và đại-học, nghĩa là cung cấp cho học-sinh và sinh-viên những sách cần đọc thêm để bổ túc các bài giảng, thì mới chóng giỏi được : đó là một điều hiển-nhiên mà bất-cứ ai đã dạy học hoặc đi học, đều phải thừa nhận. Song những sách này lại thường là sách ngoại-ngữ, nên dịch-thuật cần hơn và lệ hơn biên-soạn.*

Dù sao, các công việc này, ở cấp trung-học có thể giao cho sở Tu-Thư và Dịch-Thuật bộ Giáo-Dục, và ở cấp trên, cho các trường Đại-học tùy theo các môn học.

Sở Tu-Thư Dịch-Thuật và các trường Đại-học sẽ lập chương-trình hàng năm, với bảng kê-khai các thứ sách cần soạn hay dịch, để được cấp những ngân-khoản thù-lao và kinh-phí ăn-loát.

Nhưng chương-trình cần được nghiên-cứu kỹ-lưỡng, với sự cộng-tác của những giới am hiểu. Vì sách được dịch hay soạn không thể chỉ tùy sở-thích riêng của một vài cá-nhân, song phải vừa ích-lợi cho giới hiểu-học, vừa hấp dẫn đa-số để dễ tiêu thụ. Hơn nữa, giá bán phải rẻ, chỉ tính sao cho hòa vốn, vì mục-dịch ở đây là phát triển văn-hóa. Mà đã phát triển văn-hóa, thì số xuất-bản hàng năm sẽ không còn là dăm bảy cuốn, nhưng hàng trăm cuốn khác nhau.

Song có hai trở-ngại cần phải tránh : lập Ủy-Ban khảo sát, và trả công theo đúng thủ-tục hành-chánh.

Các thề-lệ đó làm tốn nhiều thời-giờ và có hiệu-lực tai hại là dập-tan nhiều thiện chí. Sau sáu tháng hay một năm cặm cụi viết lách, người dịch hay soạn còn phải đợi rất lâu mới lãnh được tiền : nào chờ xét, sửa chữa, chấp nhận, nào chờ in và cấp ngân-phiếu. Ấy là chưa kể nỗi thất-vọng đắng cay, bị từ chối sau khi nộp bản.

Nên chỉ còn có cách chọn mặt gửi vàng, tìm các giáo-sư chuyên-khoa, các chuyên-viên đủ đảm-bảo, hoặc tác-giả nào đã có thành-tích đáng kể. Rồi Sở hoặc Trường giao phó cho soạn hay dịch. Người nào ưng thuận, sẽ đem tên tuổi ra chịu trách-nhiệm trước dư-luận, ký một khế-ước, làm cho đúng hạn, nộp bản nhận tiền.

Sở hay Trường sẽ được chánh-quyền cho một ngân-khoản đặc-biệt gửi tại Kho Bạc, cứ việc ký phiếu cho lãnh, khỏi phải mất nhiều giấy tờ và ngày tháng như ở trường-hợp lập ngân-phiếu theo thường-lệ.

Ngoài sách học, còn những sách phổ-thông : nên trợ cấp cho các hội hoặc các nhóm tư-nhân, để phụ-trách soạn hay dịch, theo một chương-trình được thỏa-hiệp trước. Dịch cho đại-chúng, cần hướng rước hết vào hiện-đại, lấy ngay những cuốn mà dư-luận quốc-tế đã tán thưởng thì đỡ phải chọn, tức là những cuốn được các giải thưởng lớn, hoặc bán chạy nhất.

B) — *Đối với loại sáng-tác, như tiểu-thuyết, kịch, thơ v.v... không*



thề nhằm vào lượng, nhưng vào phẩm. Truyện kiếm-hiệp chẳng cần ai khuyến-khích cũng vẫn nhan nhản, còn bộ truyện nào phản chiếu được sống động thời-đại bi-đát của chúng ta, thì vẫn chưa chịu ra đời. Muốn giúp các chân-tài còn ần-tích, chỉ có cách treo giải thưởng.

Song đã thưởng thì xin cho xứng, không phải là triệu tới ban cho tám ngàn-phiếu với mảnh giấy chứng-nận như cho cậu học-trò nhất lớp (1).

Người văn-hóa, tuy không chê tiền, mong muốn nhiều hơn về tinh-thần, và cách cho cũng cần như của đem cho :

Ở nhiều nước, trước khi, trong khi và sau khi phát những giải thưởng lớn, thì dư-luận giới văn-nghệ xôn xao; báo chí loan tin, phỏng vấn, phê bình; các nhà xuất-bản đón chờ in... Mọi sự tấp-nập sốt-sắng gây nên một bầu không-khí hào-hứng rất lợi cho người được thưởng và kích thích cả người không trúng giải. Còn ở V.N, những cuộc phát thưởng thi văn, nếu chưa được như thế kia, ít ra cũng có thể tổ-chức cho long-trọng hơn, và sau đó, tác-phẩm sẽ được giới-thiệu trên đài phát thanh và các báo, trưng bày ở các tiệm sách lớn v.v. Muốn cho thiết-thực, nên in hộ những tác-phẩm được thưởng, và mua một số đề dùng làm phần thưởng cho học sinh; hoặc trợ cấp đề tác-giả du-lich một thời-gian ở ngoại-quốc.

Ngoài các giải thưởng hàng năm, rất nên đặt ra một giải Văn-hóa

Quốc-gia, tương-tự như Grand Prix National des Lettres, của Pháp, không căn cứ vào riêng một tác-phẩm nào, nhưng vào cả sự-nghiệp của một đời văn-hóa, dù chuyên về nghiên-cứu hay về sáng-tác.

Sau hết, các tác-phẩm Việt-Nam cần được dịch, và chuyển ra các nước ngoài, để các tác-giả góp phần họp mặt với giới văn-nghệ quốc-tế; cũng lại thành vấn-đề ần-loát và phổ-biến cần giải quyết giúp, nhờ cả thiện-chí của các tòa Đại-sứ hoặc Lãnh-sự V.N.

### Nâng đỡ nghệ-thuật

A) Các nghệ-thuật tạo-hình (hội-họa, điêu-khắc, kiến-trúc, v.v...) Những phương-thức giúp đỡ có thể như sau :

— Họa-sĩ, điêu-khắc-sĩ cần giấy, màu, bột, và các dụng-cụ chuyên-môn phải mua của ngoại-quốc. Vậy nên dành cho một số ngoại-tệ, để nhập cảng và bán rẻ; nha Mỹ-thuật Học-Vụ bộ Giáo-Dục chắc sẽ vui lòng đảm nhiệm việc này.

— Xưởng vẽ hay nặn, thì chẳng thể cấp cho từng người, nhưng sẽ dành cho các nhóm, một nơi lui tới làm việc chung, và trao đổi ý-kiến về nghệ-thuật.

(1) Ô. Lê-Ngô-Cát được vua Tự-Đức ban cho kim-tiền và một tấm nhiễu điều vì đã viết được cuốn « Quốc-Sử diễn-ca ». Ông có câu rằng :

Vua khen thưởng Cát có tài  
Ban cho cái khổ với hai đồng tiền



— Nghệ sĩ VN cần có dịp ra nước ngoài học hỏi, xem xét các kho tàng nghệ-thuật, cọ sát với các giới phục vụ sự Đẹp, như vậy mới dễ nảy nở toàn-năng. Trong vài trăm học-bổng hàng năm, xin dành một số cho những nghệ-sĩ có nhiều triển-vọng, và những cuộc viễn-du quan-sát chắc chắn sẽ có ích-lợi mở rộng nhân-giới và gọi nhiều sáng-kiến.

— Các giải thưởng, muốn đủ hiệu lực khích-lệ, cũng nên được xét và đặt lại: không có lý gì thưởng thi-văn-sĩ bằng tiền, mà chỉ cho họa-sĩ một chiếc huy-chương. Giải nhất về thơ là 4 vạn, thì về họa cũng phải chừng ấy. Hoặc chánh-quyền sẽ mua giúp những bức đẹp nhất, đem in thành những tập nhỏ để quảng cáo ở nước ngoài, hoặc thành nhiều bản đủ màu mà bán rẻ cho dân chúng (reproductions en couleur). Còn các bức chính, thì dành lại để làm tặng-phẩm ngoại-giao, gửi đi tham dự các cuộc triển-lãm quốc-tế, và nhất là để sau này lựa vào viện Bảo-tàng.

Viện Bảo-Tàng Hội Họa (Pinacothèque) cần được lập càng sớm càng hay, vì là nơi quan-sát tối-cần cho những nghệ-sĩ chưa có dịp ra nước ngoài, và cũng là nơi chỉ dẫn cho quần-chúng có ý-thức nghệ-thuật. Nếu chưa đủ tiền mua bản chính của các họa-phẩm nổi tiếng trên thế giới, ít ra ta cũng có thể theo gương Nhật-Bản mà mua các ấn-bản tốt của Ý, của Hoa-Kỳ,

của Pháp v.v... Trong khuôn-kho viện trợ Văn Hóa, xin tặng cũng chẳng khó gì, nhưng cũng phải đòi thì mới được cấp, và theo chỗ tôi biết, thì nhiều quốc-gia sẽ lấy làm hân-hạnh nếu được ta chiếu cố, vì họ không mong gì hơn là nghệ-thuật của họ được hiểu biết và thương thức.

B) — Các nghệ-thuật trình diễn (ca, vũ, nhạc, kịch, điện ảnh v.v.).

— Sưu tầm cho hết, đề ghi lại, và tập lại các bài ca, điệu nhạc, và lối múa của mọi địa-phương và chủng-tộc sống chung trên đất nước này. Vì các tài-liệu đó chứa đựng phần nào tinh-thần cổ-hữu của dân-tộc, và sẽ giúp những nghệ-sĩ nào quan tâm đến dân-tộc-tinh đề lựa chiếu mà sáng tác hay cải tiến.

— Cấp thêm phương-tiện tài-chánh để mở rộng những trường huấn-luyện, và tiến tới những Kịch-viện, Nhạc-viện, Ca-Vũ-Viện quốc-gia, với cả những đoàn Ca - Vũ - Kịch lưu - động, nghĩa là những phương-tiện rất hữu-hiệu để hấp dẫn và hướng dẫn quần-chúng.

— Dành cho một tòa nhà đủ điều-kiện trình diễn và hội họp: về phương-diện này, sự giao lại quyền sử-dụng nhà Hát Lớn cho giới văn-ngệ, là một quyết-định rất đáng hoan-ngheh. Các tác-giả và các tài-tử sẽ có nơi thi thố tài-năng, không còn phải bó tay vì thiếu tiền thuê rạp.



— Đặt các giải thưởng cho mỗi ngành, vì Ca, Nhạc, Vũ, Kịch, cũng cần khuyến-khích như văn-chương, hội-họa, hay nhiếp-ảnh. Tương-đối, thì Vũ còn kém lắm, và nếu không lên tới Vũ mỹ-thuật, thì nhu-cầu nhảy múa, để tự thỏa-mãn, càng được thề vay mượn những hình-thức trường-giả hay thác-loạn của các xứ ngoài.

Đàn, hát, múa, là những phương-tiện gây không-khí tung-bừng cho mọi cuộc hội-hợp của các nhóm các đoàn, và do đó, sẽ giúp vào sự phát triển đời sống tập-thề rất cần cho các giới, nhất là thanh-niên.

### C) Các mỹ-nghệ.

Trung-tâm Khuếch-trương Tiểu Công - Nghệ hiện nay vẫn cố cứu vãn những nghề cổ-truyền đáng quý như nghề khảm, và canh-tân những nghề sẵn có như thêu, đan, hay nặn đúc. Muốn xúc tiến công-cuộc này, nên bổ túc tổ-chức hiện-thời bằng hai cơ-quan phụ thuộc :

— Một phòng Mỹ-thuật công-nghệ (bureau d'esthétique industrielle) đã thấy lập nhiều ở các nước tiền-tiến, nhất là sau thế-chiến II.

Phòng này gồm những nghệ-sĩ cùng chuyên-viên kỹ-thuật nghiên cứu để khám phá ra những mỹ-thề mới, vừa tiện vừa hợp với nhu-cầu của thời-đại.

— Một nhà Bảo-tàng Mỹ-nghệ,

trong đó sẽ thâu góp và trưng bày các kiểu đồ đạc thường dùng : hàng trăm mẫu đĩa, bình, ghế, đồ mây, đồ thêu, đồ đúc, vv... tương-tự như nhà bảo-tàng Maurice Long ở khu Đấu-Xảo Hà-Nội thời trước. Những đồ đó có thề xin của các nước bạn, hoặc mua dần cũng chẳng tốn quá nhiều. Như vậy, các nhà công-nghệ của ta, nhất là thủ-công, sẽ có dịp ngắm, mà phỏng theo hoặc nghĩ ra kiểu khác : thợ của ta bắt chước rất khéo, và dù sao cũng chóng thoát-ly được những kiểu cũ đã bị chán rồi, nhưng vẫn phải giữ vì chưa biết thay bằng gì.

..

Kề sao cho hết những công việc đáng làm hay phải làm ?

Song phương-tiện công và tư, đều thiếu-thốn, về nhân-lực cũng như tiền-tài.

Nên chỉ xin nhắc qua một số công-tác có thề sớm thực hiện, nếu nhu-cầu của giới trí-thức, và hoài-vọng của văn-nghệ-sĩ được xã-hội nhận thức cho đúng tầm quan-trọng.

Hiện nay, phần lớn tài-lực phải dốc vào công-cuộc chiến-đấu. Nhưng chính giữa hồi chiến đấu một mất một còn, mà Đại-Cách-Mạng Pháp 1789 đã đặt nền móng vững bền cho rất nhiều cơ-sở văn-hóa khiến dân Pháp ngày nay hãnh diện.



# THE CHARTERED BANK

## Anh-Quốc Ấn-Chiều Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do Ấn-Chiều năm 1853)

SỐ VỐN : 6.600.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 7.150.000 Anh-kim

### LUÂN - ĐƠN TÔNG - CỤC

38, *Bisphopsgate, London E. C. 2*

### SAIGON CHI - CỤC

CHI-CỤC CHÍNH : 3, *Đường Võ-Di-Nguy*

CHI-CỤC PHỤ : *Đại - lộ Thống - Nhất*

(Immeuble Esso Standard Eastern Inc)

### NAM - YANG CHI - CỤC

10, *Phlaur Preah Kossamac*

CHI-NHANH THÀNH-LẬP TẠI CÁC NƯỚC VIÊN-ĐÔNG

Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu



# Các trào-lưu lớn của tư-tưởng hiện-đại

Nguyên tác : ANDRÉ MAUROIS

TRẦN THIÊN dịch

(xin xem B.K. số 174)

C húng tôi vừa trình bày quan điểm Sartre của cái triết lý ấy; bây giờ phải đưa ra quan điểm Thiên chúa giáo của nó. Chủ nghĩa nhân vị của Mounier, kịch tuồng của Gabriel Marcel đều là một phản ứng chống lại cái triết học của sự vật. Chủ nghĩa nhân vị xác nhận sự hiện hữu của những nhân vị tự do và sáng tạo, mà người ta không thể đem mở ra phanh phui như là những bộ máy. Con người không phải là một bộ máy. Những người máy trong cuốn *Thế giới tốt đẹp hơn cả* không sống cái mạo hiểm của một tự do có trách nhiệm, vốn là công việc của chúng ta. Thực sự ra, chúng không phải là những con người.

Nhân vị không phải là một linh hồn thoát thể. Nhân vị là linh hồn và thể xác. Mọi tư tưởng thoát thể sẽ không còn là tư tưởng nữa. Graham Greene và Mounier đều đồng ý với nhau ước mong rằng hình ảnh của Chúa là một xác thân vật chất, trên một cây thánh giá vật chất. Làm sao thế gian có thể đóng lên thánh giá một đám mây mù được? Vì có thân xác, con người thuộc vào tự nhiên giới; nhưng (theo lời Mounier) con người khác biệt ra do một khả năng bền bỉ ly khai với tự nhiên. Chỉ có mình nó hiểu biết về cái vũ trụ sẽ tàn phá nó đây, nhưng cũng chỉ có mình nó biến cải cái vũ trụ ấy. Đừng có quên những phản ứng ứa nước bọt của Pavlov (chúng quả có); đừng có bị những phản ứng ấy ám ảnh (không phải chỉ có chúng mà thôi). Vậy nhà tư tưởng nhân vị không



phải là một kẻ duy linh. Họ không phủ nhận sự giải thích bằng các bản năng (Freud), cũng không phủ nhận sự giải thích bằng lý do kinh tế (Marx). Nhà duy tâm thuần túy lắm xem nhẹ các ảnh hưởng sinh lý và kinh tế, nhưng nhà duy vật thuần túy lại lắm vì xem nhẹ ý chí của con người vốn là một sự thực. Tự mình tìm lấy đường mình đi là nhiệm vụ của con người, nhưng người ta chỉ có thể tìm đường bằng cách dò xét kỹ tình thế.

Giữa người với người, có thể có chuyên thông và thương yêu. Ở đây, Mounier và Marcel khác Sartre rất xa. Theo Sartre, sự cần thiết chiếm đoạt và chinh phục làm bế tắc đường chuyên thông. Mỗi đối thủ đều hoặc là bạo chúa hoặc là nô lệ. Cái nhìn của kẻ khác đánh cắp mất vũ trụ của tôi. Tình yêu là một cuộc nhiệm độc lẫn nhau, một địa ngục. Do đó sinh ra tự vệ. Cái dụng ý muốn quyến rũ làm cho ái tình mất hết ảo mộng; dụng ý muốn truyền đạo làm cho kẻ vô tín ngưỡng xưng lên chống cự. Nhưng đối với kẻ khác vẫn cần phải có những mối tương giao khác, bởi vì mất tất cả mọi tương giao với kẻ khác thì sẽ thành ra điên rồ. Người nào trở thành xa lạ với kẻ khác thì cũng trở thành xa lạ với chính mình: *thác loạn*. Nói cho cùng, sống, tức là yêu. «Tôi yêu, vậy thì tôi có». Người ta chỉ có cái gì mà người ta cho. Đừng nên có bao giờ xem kẻ khác như một đối tượng. Hòn đá này, nằm trên bàn giấy tôi đây, rồi nó sẽ vẫn là đá mãi, nhưng mà kẻ tội lỗi này có thể sẽ trở thành một thánh nhân. Xem người ấy như

một chủ thể, tức là tha thứ khuyến khích người ấy. Thất vọng về một kẻ nào, tức là làm cho kẻ ấy thất vọng.

Đối với Sartre, con người bị bao vây giữa một thế giới đầy đe dọa, nhầy nhụa, dẫn độn, và con người chỉ hiện hữu trong việc chống đỡ để thoát khỏi cảnh bị kẹt của mình. Như vậy là không đếm xỉa đến những tình cảm niềm nở, cởi mở thoải mái mà các hạng người ưu tú gọi lên nơi chúng ta (và nơi Sartre, mà người ta bảo là một người bạn thật hoàn toàn). Dĩ nhiên là cần phải thoái ẩn và trầm tư để thoát cái cảnh bị kẹt lún. Con người không nên sống như một ngoại vật. Như thế sẽ là một sự thoái khước, tức là lỗi khuấy khóa theo Pascal. Con người của khuấy khóa bị giam hãm giữa các mối tương quan. Người ấy cần phải « tự trị ». Nhưng người ấy cũng cần phải thoát ra khỏi nội tâm để mà bảo trì nội tâm. Người anh hùng giữa trận địa, kẻ sáng tác bị tác phẩm mình ám ảnh, người nhân tình đang say đắm, họ sống cuộc sống riêng cao độ nhất mặc dù họ đều « không tự trị được ». Chính là vì họ không tự trị được.

Tự do không phải là một vật. Chúng ta muốn sờ đụng nó, chứng minh nó như thể một định lý, xác minh rằng có tự do trên cõi đời này. Nhưng, do bản chất của nó, không thể nào như vậy được. Nếu tự do là một sự kiện kinh nghiệm, thì nó sẽ bị dính liền vào sự cấu thành của kinh nghiệm và sẽ không còn là



tự do nữa. Làm như một số bác học nước Anh (Eddington, Jeans), đi tìm kiếm tự do trong cái kẽ hở của thuyết tất định là phi lý. Không phải vì có sự vô định trong những quỹ đạo của các điện tử, (r) hay trong hằng số của Planck, mà chúng ta tự biết rằng mình có tự do. Tự do, người ta sống nó, nhưng không thấy được nó. « Nó không phải chỉ có nảy vọt ra, mà còn phải chịu qui định do một thể xác và một hoàn cảnh ». Khi nó muốn thành ra tuyệt đối, nó xô đẩy người ta vào những cơn nổi loạn và kích động mà chỉ có cái cường độ mãnh liệt là lôi cuốn được đương sự thôi. Đó là thể giới của Lafcadio, hay của những nhân vật đầu tiên của Malraux, hay của Malatesta của Montherlant. Bị dồn cho nhiều tự do quá (theo lời Mounier). Cái tự do của hành vi vô cớ là một sự khiên phạt; tự do chân chính là một thiên khiếu.

Ở đây tôi phải nói rằng theo ý tôi, kẻ đã trình bày chủ thuyết tự do ý chí hiện đại hay hơn cả, là Alain. Sartre và các bạn bè của ông vẫn thường công nhận những điều họ mượn của Alain. Đối với Mounier, Alain gần như đã đồng ý và ai nấy đều biết ông đã nói về Thiên chúa giáo một cách thông minh, kính cẩn và thi vị biết bao. Điều khác biệt cốt yếu là theo Alain Chúa không thể xuất hiện. Ông thích một bức bích họa của Raphaël, ở Vatican, vẽ hình Chúa hiện ra như một hình ảnh lặng im. « Như vậy không có

gì được nói và rồi sẽ không có gì được nói ra cả; nhưng gì người ta nói ra không bao giờ và rồi sẽ không bao giờ đúng là những gì cần phải nói. Trên hết thấy mọi lời lẽ, Chúa im lặng. Họa sĩ diễn tả thật là tuyệt ! » Raphaël trình bày Chúa đây chăng? đó chỉ là một con người. Có gì lạ đâu? Ông ta đâu có thể trình bày được gì khác? « Mọi sự hiện hiện đều chỉ là sự vật giữa các sự vật; và chỉ cần nhìn nó cũng đủ nhận thấy nó không phải là Chúa. Không có cái gì là Chúa cả; từ dấu hiệu này sang dấu hiệu khác, rốt cuộc người ta phải tiến tới sự im lặng, nó vốn là cái qui tắc lớn của hiện minh ». Người ta bảo rằng rồi Chúa sẽ hiện xuống và lúc đó sẽ là ngày tận thế. Alain tin như vậy, bởi vì lúc đó có lẽ sẽ là ngày tận số của mọi tư tưởng. Tư tưởng, tức là cân nhắc, là hoài nghi; lúc ấy sẽ không còn có hoài nghi nữa. Và rồi mọi đức hạnh cũng sẽ chết đi trong sự tồn tại an toàn. Không có chọn lựa, không có ý chí thì rồi làm sao có được đức hạnh? Tôn giáo chân chính là tránh sao cho khỏi cái lối tin tưởng nó không bắt buộc ta phải muốn.

Alain, cũng như Tolstoi, không chịu tự hiểu mình, coi mình chỉ là một nguyên tử yếu đuối trong những cơn lốc lớn lao. « Tôi thấy con người trần trường và bơ vơ

(1) Ở đây tác giả còn kể thêm: « du démon de Claret Maxwell » mà tôi không rõ danh từ ấy chỉ sự kiện khoa học gì (Người dịch).



trên quả hành tinh lang thang của mình và mỗi lúc mỗi tự làm ra định mệnh của mình... Nếu đôi khi bạn có theo dõi cái cảnh một chiếc thuyền câu đi ngược gió, theo dõi những quanh co, ngoắt ngoéo, những mảnh lời của nó, con đường ngoằn ngoèo của nó, bạn sẽ hiểu thế nào là muốn. Bởi vì cái bề rộng kia không muốn làm gì chúng ta cả, tốt cũng không mà xấu cũng không; nó không là thù mà cũng không là bạn. Khi ai nấy chết hết và mọi nguồn sống đều tắt nghỉ hết, nó sẽ vẫn cứ chuyển động; và ngọn gió kia cũng vẫn sẽ thổi theo mặt trời, chúng là những sức mạnh vô tình và nguyên vẹn.» Hồi còn nhỏ Alain tưởng rằng gió thổi đâu thì thuyền trôi về đó. Rồi sau ông mới hiểu vai trò của người giữ lái, của lá buồm, và hiểu con người làm sao có thể thắng được gió bằng cách vâng theo gió và lái nó như lái cương ngựa. « Lúc bấy giờ đối với tôi vị chúa chân chính mới hiện ra và tôi gọi người là ý chí ». Những mãnh lực lớn lao, kể cả mãnh lực của con người, đều chỉ là cõi biển rộng trong đó chiếc thuyền của chúng ta trôi bập bênh. Ulysse chỉ là một cái chằm nhỏ tí teo bơi giữa một mặt bể có những cơn sóng dữ dội. Tuy thế ông ta vẫn cứ bơi.

Nói thế thì cái « Ông Hai Đường Chọn Một » sẽ bảo : « Nhưng chính Ulysse cũng lại là một thân xác, chịu các định luật của tự nhiên. Nếu sự thế không cho ông ta bơi thì làm sao ông ta bơi được, còn nếu nó bắt ông ta phải bơi thì làm

sao ông ta không bơi cho được » ? Vấn đề ấy vốn vô cùng. Con người không thể tự tưởng tự do về mình, tự do ngoài hành động, tự do khi con người tự hỏi rằng mình có tự do chẳng. Con người không đi từ tự tưởng sang hành động. Nhà thủ thuật suy luận ngay trong lúc mờ xé. Những sự thám chần của ông ta đã là những hành động rồi và tất cả mọi nghiên cứu của ông ta cũng thế. César suốt đời mình đi qua con sông Rubicon mãi; Hercule mỗi lúc mỗi gặp lại cái ngã tư danh tiếng nọ, nhưng mà những hành động đã qua của ông ta là những lý do mạnh mẽ chống lại sự ngờ vực, sợ sệt hay sự mỏi mệt. Tự do ý chí không nên mô tả như thế một sức mạnh từ ngoài đến can thiệp, có thể mang ra phân tích một cách máy móc. Nó chỉ có nghĩa rằng mọi người là chính mình, và người ta có thể miễn cưỡng gọi cái quyền năng của con người vốn rất cuộc vẫn tìm được cách vượt tiến ấy là Định mệnh, nhưng giữa cái định mệnh của mỗi người, do tự người ấy quyết ý lấy, và thứ định mệnh đã giết Pyrrhus bằng một viên ngói tình cờ, chỉ giống nhau có cái tên gọi mà thôi. « Đó là điều mà một nhà hiền triết đã giảng cho tôi, trong khi bảo rằng thuyết phúc tội tiền định của Calvin cũng không khác gì chính sự tự do » (1)

Tóm lại, thuyết duy vật đúng về phần vật chất vô cơ, nhưng nó không thể đúng một mình, bởi vì chỉ hiểu

(1) Alain.



riêng một mình nó thôi người ta phủ nhận nó. Cái tự nhiên giới đang xoay tít ấy, không phải nó có thể tự hiểu lấy mình được hoặc là có thể hiểu bất cứ một cái gì được. Phải trải qua chủ nghĩa mác-xít cũng như phải trải qua chủ nghĩa tất định, nhưng mà vượt quá Marx, phải tìm gặp lại Platon, Kant, Hegel. Tinh thần tự do là một sự thực. « Và mặc dù ở đây kẻ hoài nghi giận dữ lắc đầu, tôi cũng bảo rằng kẻ ấy lắc đầu vì chưa biết rõ vấn đề. Tinh thần không phải là một giả thuyết bông lông. Nó là cái cơ năng đặc biệt của con người » (1).

Bây giờ chúng ta đã vượt qua khỏi các giòng nước xoáy của thời đại mình mà đến nơi đến chốn. Tôi xin tóm tắt lại cuốn sổ hàng hải. Những trào lưu lớn mà chúng ta bắt gặp vào cái năm 1952 của kỷ nguyên Gia tô là chủ nghĩa mác-xít, đợt sóng cuối cùng của ngọn triều tất định luận của thế kỷ thứ XIX, và một chủ thuyết tự do ý chí mà, vì không có danh từ nào hơn, người ta có thể gọi nó là hoặc hiện sinh chủ nghĩa hoặc nhân vị chủ nghĩa, nó có thể hoặc có tinh chất Thiên chúa-giáo, hoặc vô thần, nhưng trong mọi hình thức khác nhau, nó đều nói đến cái khả năng của con người có thể tự làm ra mình và, trong một mức độ nào đó, có thể thay đổi thế giới. Cuốn tiểu thuyết có giá trị của André Chamson, *Tuyết và Hoa*, làm cho ta hy vọng rằng sau cái thời kỳ của những cuộc nổi

loạn phá hoại — và đẫm máu — có thể xuất hiện thời kỳ của những khuynh hướng xây dựng, trong thế hệ thanh niên mới.

Đối với vấn đề thời đại chúng ta, Chamson không chủ bại, và không nên chủ bại, bởi vì sức mạnh của ý chí vốn dĩ khiến cho kẻ chủ bại nói ra cái gì và sợ cái gì là có ngay cái ấy. Thời đại của chúng ta nó sẽ ra sao là do nơi chúng ta muốn, và đặc biệt là do nơi các nhà văn, các nhà tư tưởng — và các vị thánh nhân của nó — làm ra nó. Thế hệ này mà đang đi tìm tự do, ấy đã là một điểm lành rồi vậy.

Vấn chương và kịch tuồng bây giờ mang tính cách siêu hình, ấy là một bằng chứng nó đang đào sâu và khoẻ mạnh. Tuy nhiên, các tác giả của chúng ta chỉ có thể viết được những tuyệt phẩm nếu họ vẫn cứ làm nghệ sĩ, nghĩa là nếu tác phẩm của họ vẫn giữ một tính chất cụ thể. Một tác phẩm nghệ thuật không trình bày một chân lý thiết định sẵn ; nó thể hiện một chân lý sống.

Sau 1918, khi mà Jules Romains bắt đầu viết bộ *Những người thiện chí*, thế kỷ thứ XIX vĩ đại vừa đâm đầu vào tảng đá ngầm của đệ nhất thế chiến. Vào khoảng giữa hai cuộc đại chiến, một nhóm thủy thủ ít ỏi đã cố gắng tạm trục chiếc tàu lên. Rồi một trận bão khác đã đập tan tành chiếc tàu. Vào năm 1945, nhân loại phó liễu tin chắc là phải chết

(1) Alain



đám. Kỹ thuật đã thắng con người. Thời đại nguyên tử có vẻ như sẽ là thời mạt kiếp. Nhiều người cho rằng ngày diệt chủng tưởng không còn xa nữa. Bây giờ thì hình như những kẻ khá nhất bắt đầu hiểu rằng cái thảm họa kia không nhất thiết phải xảy ra và thế giới con người nó sẽ ra sao ấy là do nơi chúng ta làm ra nó. Người ta kể chuyện rằng khi quả bom nguyên tử đầu tiên, quả bom mang ra thí nghiệm, nổ ở sa mạc Arizona, thì cách đó một trăm cây số; một cô gái, mù mắt đã từ hai mươi năm, liền kêu lên, hỏi: «Cái gì vậy? Trong phòng này có ánh sáng.» Chúng ta cũng thế, chúng ta đã đui từ một thế kỷ nay. Chúng ta đã không thấy rằng, xung quanh mình, đang phát triển những sức mạnh nó đòi hỏi về phía chúng ta một ý chí cương

quyết nhất mới có thể chế ngự được; chúng ta đã không thấy rằng một thứ chủ thuyết vận mệnh hoàn toàn bằng lời lẽ suông, không do kinh nghiệm thâm trầm hay do sự việc nào chứng minh cả, một chủ thuyết vận mệnh như thể đang lên án khuyết tịch thế giới loài người. Hình như, từ mấy năm gần đây, cái sức mạnh sấm sét ấy và sự đe dọa của nó đã làm cho một số người sáng mắt ra. Ý chí tự do đã tìm lại được địa vị của mình trong tư tưởng của những người trẻ. Ngày nay, lắm lúc nói chuyện với các sinh viên ở Pháp hoặc ở các nơi khác, mặc dù có những đám mây u ám lướt trôi qua, tôi vẫn cảm thấy muốn bảo rằng: « Trong phòng này có một thứ ánh sáng ».

**TRĂNG THIÊN**

### **NHẬT BÁO THÌ QUÁ NHIỀU, MỖI NGÀY BIẾT CHỌN ĐỌC TỜ NÀO**

CAU HỎI TRÊN ĐẶT RA MỘT SỐ TIÊU CHUẨN  
ĐỀ CHỌN BÁO ĐỌC ĐƯỢC — ĐỌC ĐƯỢC NGHĨA LÀ :

- Trước hết, không có hại cho vợ, con trong gia đình về đạo-đức.
- Báo phải có văn-đề, có bàn luận thời cuộc chứ báo không hoàn-toàn là một thứ giải trí vô-bổ.
- Báo phải có nhiều tin, nhưng phải là tin có thể « tin được ».
- Báo phải tranh đấu cho Dân, dám ăn, dám nói, dám tin ở sức mạnh của ngòi viết.

### **Nhật báo NGƯỜI VIỆT TỰ DO**

THỰC CÓ ĐỦ MỌI ĐIỀU NÓI TRÊN  
ĐÓ LÀ TỜ BÁO MÀ CHỒNG CŨNG ƯA,  
VỢ CŨNG THÍCH CON CŨNG HAM

*Bạn thử đọc một số xem!*



## Tội nghiệp cho thanh thiếu niên !

**P**HIM ảnh nhằm-nhí do người lớn làm ; sách báo khiêu-dâm do người lớn viết ; tửu-quán vũ-trường do người lớn kinh doanh ; cuộc triền lãm tội ác Ngô triều cho thấy nếp sống phóng đảng, xa hoa, dâm bôn, trụy-lạc, cướp của, giết người nhiều khi chỉ dành riêng cho một hạng người lớn đã từng phen được một số người lớn khác hoan hô luôn cúi. Thế mà khi gặp việc gì bất như ý, trước đây, nhiều người đáng lẽ phải đứng ra nhận tội, lại cứ trút hết lỗi lên đầu những thanh thiếu-niên mà họ gọi là « cao bồi ». Phong hóa suy đồi ? — Tại thanh thiếu - niên hư - hỏng. Trình độ giáo dục sút kém ? — Tại thanh thiếu-niên hư-hỏng. Cộng-Sản len-lỏi phá hoại ? — Tại thanh thiếu-niên hư-hỏng. Cho chí đến chuyện xây-dựng các khóm chiến lược ở Sài-gòn thất bại, cụ Cố cũng cho tại đô-thành còn nạn « cao bồi » hoành hành !

Vì vậy những bầy tôi mần cán ra công đại-bố « cao bồi ». Trong công-tác này, họ bất chấp luật-lệ, dày xéo lên mọi quyền tự-do căn-bản của con người. Chẳng kể ngày đêm, họ xông vào nhà họ trồ mái ngói, họ bố ráp từng khu để lượm bắt thanh - niên. Chính kẻ viết những dòng này có con đứng ngoài cửa nói chuyện với bạn, hai sinh-viên y-khoa sắp tốt nghiệp, tất cả đều ăn mặc hướng-đạo-sinh, vai đeo tua, cổ mang khăn quàng, đã bị Cảnh-sát vận quần áo xanh lừa lên xe, đưa về bót Quận Nhứt, ghi vào sổ : « Thanh niên ăn mặc lố-lãng ».

Có dùng ngay triết thuyết của họ mà phản đối những hành-vi chà đạp nhân-vị ấy tất họ lý luận rằng chính bọn « cao bồi » không có nhân-vị sao lại buộc họ trọng nhân-vị ? . Lý luận khác nào thấy con cái ăn nói tục-tỉu, cha anh càng trắng-trợn tục-tỉu hơn !



Thực hành chánh sách ấy, họ bắt hàng trăm thanh niên giam giữ tại trại Tế-bần Chánh Hưng, họ lập ra những đoàn thanh-niên cộng-hòa chiến-đấu đi xây dựng khu chiến-lược, họ lại dùng cả tàu chiến đưa «cao bồi» ra Nông Sơn để lấy căn lao mà giáo hóa ! Báo chí đã từng đăng tải các tin trên, nhiều báo còn in cả hình ảnh các em bước chân xuống tàu, để ít hôm sau lại cho hay trên đường đi đẩy các em vẫn phá phách và đâm chém nhau.

Các Tỉnh cũng thi đua với Đô-thành trong « chiến-dịch càn quét » cao bồi ». Nơi đây thi-hành biện pháp cạo tóc đầu, đem phơi nắng các thanh-niên hư-hồng. Nơi khác bắt đeo bảng « Tôi là cao bồi » trước ngực, đi diễn hành trong thành-phố. Lại có nơi, nhiều sáng kiến hơn, hệ gặp nam nữ thanh-niên, Cảnh-sát liền kéo ống quần lên quá gối, nếu ống quần chật không qua khỏi đầu gối là lấy kéo cắt phăng cái quần ống túm... Thật là não lòng khi thấy những nhà cầm quyền đem tâm trí ra làm những việc đã phi-pháp lại thất chính-trị đương ấy giữa chỗ thanh-thiên bạch nhật và quảng cáo âm-i như một chiến công !

Phi-pháp vì có luật-lệ nào cho phép nhà cầm quyền tự ý đặt ra những hình phạt như đưa phơi nắng, như buộc cạo đầu, như xén ống quần, như đem bêu xấu, như bắt đi đẩy...? Có luật lệ nào cho phép nhà cầm quyền bắt giam các em khi chưa có bằng chứng gì các em phạm tội hay đã bị tòa-án xử-

phạt ? Trái lại hình-luật trong những điều 114 và kế tiếp cùng 184 và kế tiếp đã dự liệu những hình phạt trọng tội đối với các công-chức lạm quyền và phạm đến những tự do căn bản của con người.

Nói rằng bắt bớ để giáo hóa các em hư-hồng chẳng ? Đối với các vị thành-niên ngộ ngược, « ăn ở xấu xa », các điều 92 Hình Luật Trung-Phần, 210 dân luật Bắc và thiên 9 đoạn 5 Dân luật gián yếu áp dụng ở Nam-phần chỉ cho phép người gia trưởng làm đơn xin Tòa-án giữ trừng-giới. Ông Biện-ly cho mở cuộc điều tra ; nếu quả thực cha mẹ bất lực, đứa nhỏ cần được giữ riêng, ông Chánh-án cũng chỉ có quyền cho phép gọi trại giáo-hóa không quá 6 tháng.

Bảo rằng đó là những biện-pháp thuộc phạm-vi Cảnh-Sát hành-chánh chẳng ? Cảnh-Sát hành-chánh chỉ có nhiệm vụ ngăn ngừa tội phạm, đặt đường đi một chiều để xe cộ khỏi bị kẹt, đóng đinh xuống đường để bộ hành biết lối mà qua, kiểm-soát tầu-quán trà đình để ngừa nạn say sưa công-cộng... *tuyệt nhiên không có quyền bắt bớ, giam cầm hay đặt đề ra một hình phạt nào.* Việc lấy máu người lái xe gây tai nạn để thử xem có chất rượu còn bị cho là phạm đến nhân-thân công dân, một Bác-sĩ tự-ý giải phẫu bệnh nhân quên không lấy lời ưng thuận của con bệnh cũng còn bị mắc lỗi hưởng-hỗ đề người ta ra gọt gáy, đeo gông, đưa đi giáo hóa... Mà thi hành những thủ đoạn ấy,



Cảnh-sát còn làm nhiệm vụ của mình là đem lại an ninh cho đồng bào không ? Ở trong phòng kín mà không chắc được yên thân, mang cái áo sặc-sỡ hay mặc cái quần hẹp ống mà cũng bị bắt, bị giam, phỏng đời sống còn đáng sống chăng ?.

Muốn chụp lên đầu thanh thiếu-niên cái mũ chính-trị mà cho sự có mặt của chúng ở giữa Đô-thị làm phương hại đến an ninh Quốc-gia chăng ? Nếu có bằng cứ về sự nguy hiểm của chúng, Dự số 6 ngày 11-1-1956 cũng chỉ cho phép đem chúng an-trí, khi có nghị định của Thủ-Tướng, trong một thời gian hạn định chứ không bao giờ để tùy hứng nhà cầm quyền địa phương.

Như vậy đứng trên phương diện nào ta cũng thấy những hành vi bắt giam, cạo đầu, bêu xấu, phơi nắng, sén quần... các thanh thiếu niên bị gán cái tên « cao bồi » là những hành-vi phi-pháp.

Nhà cầm quyền có những hành-vi phi-pháp sẽ gây nên những ảnh hưởng gì ?

Hệ có đến hai người sống chung với nhau là đã có những tương nhượng phải cùng chịu, những ước lệ phải tôn trọng, cho nên khỏi cần bàn đến sự cần thiết của pháp luật để xã-hội có một đời sống an ninh ổn cố. Trên thực tế, ta thấy việc người trên không tôn trọng pháp luật là nguyên nhân chính của nạn cường hào ác bá, tham quan lại nhũng, đem lại tui

nhục lăm than cho đồng bào. Thấy một Ông Tỉnh Trưởng ra lệnh ruồng bỏ thanh niên ăn mặc lỗ lã, đem về cạo đầu, gởi đi Nông-Sơn... tránh sao các nhân viên dưới trưởng, Cảnh sát các cấp, hội viên các làng, Dân-Vệ các ấp lại không theo gương ấy mà bắt người không lệnh trên, giam người không trát Tòa, thi đua sáng kiến tra tấn khai thác dã man ? Rồi thấy người cầm quyền, lớn nhỏ, bất chấp pháp luật phỏng dân chúng còn trọng pháp và tin tưởng ở pháp-luật được chăng ? Lãng mạng như Balzac, phóng khoáng như Lão Trang mà cũng phải nói : không tin tưởng vào luật pháp là bắt đầu làm tan rã xã hội ; và từ Thiên tư đến thứ-dân ai cũng phải *uý pháp*..

Những hành vi bất chấp luật lệ của nhà cầm quyền trong các chiến dịch càn quét « cao bồi » trước đây còn là những hành vi vô chánh trị nếu không là những thủ đoạn tiếp tay với Cộng Sản khuấy phá bộ máy chính quyền Miền Nam. Trước hết « cao bồi » là một danh từ, một hình ảnh cụ thể, Cộng-Sản thường dùng trong các luận điệu bài Mỹ của chúng. Ta không ngần ngại phản đối Mỹ nếu họ đem du nhập xứ này những điều xấu, reo di hại cho dân ta. Nhưng « cao bồi » có chi là xấu ? Ai không biết đó là những chàng chần bở hiên ngang, dũng cảm, tinh tình mạo hiểm, phong độ hào hùng. Có lẽ cái truyền thống « cao bồi » đã là một nguyên nhân tiến bộ của dân tộc Mỹ, khiến có người lúc này tiếc rằng người Mỹ quá giàu,



hóa trường giả, thích hưởng thụ, làm phôi pha cái truyền thống «cao bồi». Như vậy «cao bồi» có chí là xấu mà ta cứ lập đi lập lại danh từ ấy để vô tình tiếp tay cho Cộng-Sản ?

Hơn nữa cộng sản thường hay làm lạc hướng nhà cầm quyền trong công việc chống Cộng để reo thêm uất hận trong dân chúng lúc đó dễ dàng nghe chúng tuyên truyền. Đã có một hồi, chúng xúi dân đốt pháo, rồi lại khích ông Tổng-Thống là dân khinh lớn lệnh trên khiến nhà cầm quyền hồi đó bắt giam cả ngàn người đốt pháo trong dịp Tết ; ai người không công phần ? Câu chuyện «cao bồi» cũng không khỏi là một đòn của chúng. Chúng mượn việc đó mà chia rẽ lớp trẻ với người già, chia rẽ chính quyền với nhân-dân. Sự thực thì nạn «thanh thiếu-niên hư-hỏng» đâu có trầm trọng như người ta thường tưởng? Năm 1961, trong quản hạt Tòa-án Saigon có 972 vụ thiếu nhi phạm pháp ; năm 1962, 1828 vụ ; năm 1963, 1032 vụ. Nếu đem so sánh với 55.504 vụ thiếu nhi phạm pháp ở Mỹ năm 1950 hay 19.239 vụ tại Paris cùng hồi đó thì ta có thể nói ở Thủ-đô Cộng-Hòa Việt-Nam không có nạn thiếu-nhi phạm-pháp. Nếu hoài nghi ở cái tài thống-kê của người mình thì hãy suy gẫm lại các con số của mình : 972 vụ năm 1961, 1828 năm 1962, 1032 vụ năm 1963, ta cũng thấy nạn đó không tăng đều như giá sinh hoạt, vậy không đáng ngại. Hơn nữa nếu đem so sánh với nạn phạm-pháp của người lớn cũng ở

Saigon : 12986 vụ năm 1961, 17.963 vụ năm 1962 và 12.101 vụ năm 1963 ta sẽ thấy các vụ trẻ em phạm-pháp chỉ bằng một phần mười nạn phạm pháp của người lớn. Vậy đáng lẽ chiến dịch cần quét phải hướng về bọn người lớn lưu manh và phải làm mạnh gấp 10 mới phải, lẽ nào đồ mồi lên những mái đầu xanh ?

Hành vi bất chấp luật - lệ của nhà cầm quyền trong công cuộc bài trừ nạn «thanh thiếu-niên lạc hướng» lại còn đi ngược các nguyên tắc giáo dục trẻ em.

Ai đã có con em mà lưu tâm chút đỉnh đến việc giáo dục của chúng đều thấy : không thể lấy tủ nhục, dọa dẫm mà giáo hóa trẻ được. Chín phần mười các cha mẹ có con bị đưa ra Tòa đều cho biết : chúng thường bị cha anh đánh đập, mắng chửi luôn. Có người nói như đề tự bào chữa : «Chúng tôi lấy xích cột nó lại mà nó vẫn đi hoang» và kẻ viết bài này đã từng đến coi chối cho một em trạc 14, 15 bị cha mẹ lấy xích sắt quán ngang bụng, khóa lại và cột vào cánh cửa. Cách giáo-dục dọa dẫm ấy đã sản xuất ra chín phần mười trẻ em hư-hỏng. Đừng ai áp dụng cho con người chính sách gì mình không muốn áp dụng cho con mình.

Sau hết các nhà giáo-dục đều cương-quyết : không thể lấy cường quền mà dẹp loạn được, nhất là cái loạn trẻ em. Trẻ em chúng đã nổi dậy thì không chính-phủ nào, dù độc tài đến đâu, có thể đứng vững. Gương Đại-Hàn, Thồ Nhĩ Kỳ



còn đó. Càng dùng biện pháp mạnh thì càng làm mạnh thêm sức phản ứng, sự chống đối của chúng. Những nhà tâm-lý-học, sau nhiều năm chiêm nghiệm, đều cho rằng tâm trạng các trẻ phạm pháp là một tâm trạng chống đối với xã-hội. Có em chống đối bằng cách sống bừa-bãi, bất chấp mọi nguyên-tắc đạo-lý, có em chống đối bằng cách đập phá, đâm chém, cứ chỉ ngang tàng đề chơi, không nhằm một mục đích vụ lợi nào. Có những em về người ủy-mị, chán nản, có em dùng độc dược kết liễu cuộc đời, tất cả đều là những hình-thức chống đối. Đã biết động cơ đưa các em vào đường tội lỗi là tâm trạng chống đối, lẽ nào nhà cầm quyền còn châm thêm dầu, mỡ thêm lửa, nuôi dưỡng và tăng cường cái nguyên nhân chống đối của chúng ?

Khi ta thấy trước đây nhà cầm quyền dẫm lên luật lệ, cho thi hành những biện pháp sai lầm như trên đã phác họa, khỏi cần hỏi cụ BaLa hay thầy bói Kim ta cũng dự biết giờ cáo chung của chế-độ sắp điếm.

Vì vậy những ai tha-thiết cho sự nghiệp Cách-mạng không khỏi đau lòng khi thấy gần đây vẫn còn có kẻ lộng hành. Mười giờ đêm ngày 14 tháng 3 vừa qua, một số quân nhân vây đánh vệ sĩ một ông Giám đốc ở Khu Bàn Cờ ; Khi Cảnh sát tới nơi, người quân - nhân đã chạy. Chẳng lẽ về không, giận cá chém thớt, « ban bài trừ du đảng » bèn lùa về Nha Cảnh - sát một số thanh niên làng vắng gần đó. Trong số có một em học Đệ-

Nhất B Trường Nguyễn-Trãi, một em học lớp Đệ Tam B4 Trường Pétrus Trương-Vinh-Ký, một em học Đệ Nhị C Trường Nguyễn-Bá-Tông, các em đều con nhà gia giáo, có em con một công chức ngạch cao đẳng Nha Quan Thuế... Sáng hôm sau các em được gọi xuống trại Tể Bản mệnh danh là « trại hướng thiện thanh niên lạc nẻo » Chánh hưng rồi ngày 16 đưa xuống Tàu đi ra miền Trung. Công việc bắt người, giam người, đưa người đi đây được làm trong hai ngày; Ông Đô-Trưởng chỉ được báo cáo sau khi tàu đã nhổ neo, Ông Biện-Lý chắc chắn là không được cáo tri gì...Lúc này cha mẹ lại không biết kêu vào đâu, xin ai ký giấy thả, và cũng chỉ biết chúng lên tàu ra biển chứ không biết bị giam ở Trung-Tâm Dục-Mỹ, Trung-Tâm Khâm-Đức hay ở tại đâu đâu ? . . . Những ai có nhiệm vụ bảo vệ tự do công cộng, những ai muốn đặc nhân tâm, hãy đặt mình vào những người cha, anh chạy ngược chạy xuôi gặp toàn sự hững hờ hoặc sự chối đẩy trách nhiệm.

Lý do mà Nha Cảnh-sát nêu ra để bắt các em đưa đi cưỡng bách giáo hóa là « lưu manh, du đảng, tụ họp trũng giởn ngoài công lộ, vào các hẻm đường Bàn-Cờ phá khuấy dân chúng và trêu ghẹo gái lơ lửng, làm mất trật tự công-cộng » Chứng như ngàn ấy tội chưa đủ để chứng minh hình phạt lưu đày, Cảnh - sát còn thêm « thuộc thành phần lưu manh, du hí du-thực, tụ họp ngoài công lộ để



khuấy phá dân chúng làm mất trật tự công cộng, và thừa cơ hội cướp giết hành lý hoặc nữ trang của khách qua đường ».

Chỉ còn thiếu : Việt gian phản quốc, xâm phạm an ninh Quốc-gia, cấu kết với Cộng-sản là bản tuồng Mật-Vụ ngày xưa lại đưa ra diễn lại.

Vấn hay việc gởi các em ấy đi Trung-Tâm Dục-Mỹ là thi hành một điệp văn số 20973 ngày 28-II-1963 của Nha Cảnh-sát Quốc-Gia Đô-Thành, một việc làm xây

ra trước ngày cuộc Cách - Mạng được chính lý. Nhưng nếu không nghiêm trị đề tỏ rõ nhà cầm quyền Cách-Mạng trọng pháp thì « hạ tác loạn » chỉ là một hệ luận dĩ nhiên.

Vì vậy những chuyện tìm hiểu nguyên nhân và đề nghị các biện pháp phòng ngừa hay giáo hóa các trẻ em « hư hỏng » trong một xã-hội trên dưới bất chấp pháp luật chỉ là những trò giả dối hay trào lộng.

TRẦN THỨC LINH

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)



DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 -- 23.742



*Fabrication* : **Oxygène — Acétylène — Gaz Carbonique**

*Vente* : **Hydrogène - Ammoniaque - Cyclopropane**

**Protoxyde d'Azote — Argon etc...**

*Matériel pour soudures oxy-acétylémique et électrique.*

*Installations de garothérapie*

*Note service technique d'application est à la disposition de la clientèle pour toutes études et installations.*



## Việc dạy sử ở các trường trung học

### Cần thiết phải cải cách.

Tình trạng bi đát như vừa mô tả là thực trạng của ngày nay. Thực trạng này sẽ gây ra những gì? Nó sẽ đem đất nước Việt-Nam về nơi đâu? Muốn biết điều đó, chúng ta chỉ có thể lý luận rằng nếu quá khứ đã làm ra hiện tại, thì hiện tại sẽ cấu tạo tương lai. Và nếu hiện tại không khác gì quá khứ bao nhiêu, thì tương lai cũng sẽ không khác gì hiện tại mấy. Vậy thử hỏi kết quả của hiện tại hơn mười năm nay do chính sách thực dân xui ra đã tỏ ra như thế nào? Kết quả đó, chúng ta thấy được rõ ở những nhà lãnh đạo. Họ cầm đầu nước mà không quan tâm gì đến vận nước, chỉ luôn luôn chủ trương rằng «hay thì ở dở thì đi». Hề lên giữ được quyền bính, là không còn biện pháp vơ vét nào mà họ không dùng đến để thỏa lòng tham, và không còn cách nào mà họ không đem ra áp dụng trong việc chuyển ngân cùng mua

ngoại tệ, để nếu công việc xuôi thì làm giàu riêng, bằng không may gặp phải trở ngại, thì thầy kệ, dân chết mặc dân nước tan mặc nước, họ vội vàng cao bay xa chạy, ra sống yên váo ở nước ngoài, nhận hưởng một cách vinh quang số tiền họ đã thu lượm được nhờ bán xương máu, mồ hôi nước mắt của đồng bào họ. Hỏi nay còn đâu những vị thủ tướng, những nhà lãnh đạo cao cấp của chúng ta kể từ năm 1947 mà đi, và hỏi nay họ ở đâu? Giả sử những người đó có lòng sống chết vì nước, sống chết trong nước, sống chết bên cạnh các vị anh hùng dân tộc, thì vận nước lẽ nào phải nghiêng ngửa mãi? Giả sử những người đó coi sự làm dân Việt-Nam là trọng, coi đồng bào Việt-Nam là quý, đáng hy sinh để cứu vớt theo gót các vị anh hùng dân tộc xưa nay đã hy sinh cứu vớt, thì đến nỗi đâu dân Việt-Nam còn phải nheo nhóc như ngày nay? Đối với tổ quốc, đối với dân tộc, họ là những



người có thủy mà không có chung. Có thủy mà không có chung, tức là vô ơn, tức là phản bội. Mà người ta vô ơn, người ta phản bội, chính là vì người ta không biết yêu mến tổ quốc, không biết quý trọng giống nòi, không nghĩ gì đến công lao bồi đắp xã tắc của tiền nhân, mà cũng không e ngại về cảnh làm than nheo nhóc của hậu bối một khi độc lập không còn, tự do đã mất. Lúc đó, hỏi họ còn đâu ở đất nước Việt-nam này nữa mà phải lo? Cái nạn vong bản, vong quốc là như thế.

Nay, « ngộ nhất nạn », chúng ta phải « tãng nhất trí ». Chúng ta phải tìm cho được nguyên nhân của cái nạn tày trời, tày bể đó, để phòng ngừa cho tương lai. Nguyên nhân của nó, tất không phải là đơn giản. Nó nằm trong « tính ác » của con người, nó nằm trong chính sách thâm độc của thực dân. Nhưng, trong những nguyên nhân lớn, người ta có thể nhận thấy hiện hình rõ rệt điều này, là những nhà lãnh đạo Việt Nam trong hơn mười năm nay, sở dĩ họ quay lưng lại với non sông đồng bào của họ, là vì, đang khi họ là người Việt-Nam, văn hóa họ lại là của Pháp, hay nói cho thực tế hơn, đó là vì họ đã từng học ở nhà trường rằng « nos ancêtres sont des Gaulois », nên uống nước nhớ nguồn, họ tìm về nguồn của họ. Đó, dầu muốn dầu không, chúng ta thấy được phần nào vai trò của nền giáo dục nói chung, và của việc dạy lịch-sử nói riêng trong sự tồn vong của nước nhà.

Bởi đó, nếu chúng ta không ngạc nhiên khi thấy chánh quyền thực dân thiết lập một nền giáo dục thực dân, thì chúng ta có bốn phận tự hỏi rằng

tại sao chính quyền Việt-Nam độc lập lại không tổ chức một nền giáo dục độc lập? Tại sao chánh quyền đó lại không chịu dứt khoát từ bỏ nền giáo dục thực dân? Một nền giáo dục mà trà trộn một nửa thực dân, một nửa độc lập, hỏi người ta có thể trông đợi gì nơi nó? Dựa vào thực tế mà nói, người ta chỉ có thể trông đợi nơi nó cái nó đẻ ra, và nó sẽ đẻ ra cái gì? Vì bản tính của nó là một nửa thực dân, một nửa độc lập, nên sản nhi của nó cũng chỉ có thể là một tinh thần nửa thực dân, nửa độc lập, nghĩa là bám vào thực dân hẳn cũng không bám nữa, mà bám hẳn vào Việt-Nam cũng chưa, một tinh thần lưỡng lự, chân trong chân ngoài, chờ đợi như đứng giữa ngã ba đường, « trung lập ».... Những con dân của một nền giáo dục như thế sẽ « trung lập », vì ngay trong tư tưởng của họ, trong tâm hồn của họ, họ còn chơi vơi, vô định hướng. Họ tỏ ra lẩn thẩn, ưu tư, thiếu hy vọng trên gương mặt, thiếu ánh sáng trong khúc mắt, bởi vì họ là nạn nhân của một quan niệm dở dang, đang khi độc lập lại sùng thượng một nền văn hóa ngoại lai. Nói sùng thượng ở đây không phải nói đến mục đích học để bắt chước, mà học để say mê, để đồng hóa. Chẳng hạn người ta cho rằng văn hóa Pháp cao, thế rồi người ta chạy theo nền văn hóa đó đến quên cả công việc xây đắp một nền văn hóa Việt-Nam. Làm như vậy, nào có khác gì vì thấy dinh thự của kẻ khác lộng lẫy nên cứ cố ở ý lại đó, mà không nghĩ đến việc gây dựng cho mình một cơ sở riêng? Cái cao đẹp của văn hóa Pháp là của người Pháp. Người Việt-Nam phải tạo lấy cái cao đẹp của người Việt-Nam. Đàng khác,



tình trạng bơ vơ, vô định kia của con dân Việt Nam, lại càng hết sức nguy hại vì hiện giờ bên cạnh chúng ta đang diễn ra một sức xô đẩy mãnh liệt, sức xô đẩy của cộng sản...

Nói tóm lại, người-Việt Nam, nếu muốn tồn tại, nghĩa là muốn tránh nạn vong quốc, «trung lập», nhất thiết phải cải tổ nền giáo dục, phải làm cho nó thấm nhuần dân tộc tính, phải làm cho nó mang vào sâu đậm trên mình ấn tín Việt-Nam. Nền giáo dục này phải cố gắng thế nào để cho con em ngay trên ghế nhà trường đã thấy được rõ ràng chúng nó là người Việt-Nam, đất nước chúng nó là đất nước Việt - Nam, và cha ông chúng nó đã tốn nhiều xương máu để tô điểm đất nước này. Nền giáo dục đó phải tổ chức thế nào để cho mọi học sinh Việt-Nam, bất cứ ở đâu, và bất cứ với người nào, đều cảm thấy vinh dự mình được làm tột con đất nước, để cho sự đay lòng chúng hồn nhiên nảy ra lời khấn nguyện thiết tha trọn đời sống bên cạnh người Việt-Nam, chết bên cạnh người Việt-Nam, lúc bình an cũng như khi hữu sự. Như thế, chân bám chặt vào tổ quốc, lòng nhiệt thành yêu tổ quốc, chí hướng dồn cả về tổ quốc, người Việt-Nam sẽ còn từ chối gì mà không làm để bảo vệ tổ quốc, để đem an-ninh thịnh vượng lại cho tổ quốc?

Trong mấy năm gần đây, chúng ta đã ghi nhận được một vài tiến bộ của việc giáo dục về phía tôn trọng dân tộc tính. Lập ra một « chương trình Việt » bên cạnh một « chương trình Pháp », đó là một bước tiến đầu tiên.

Nhưng, xét ra, bước tiến này e lệ biết bao, và thiếu khôn ngoan biết bao. Lập ra một « chương trình Việt », một chương trình mới sơ phác, non nớt, rồi đặt nó bên cạnh « chương trình Pháp », một chương trình lão luyện, đã có một quá khứ xâm lăng lâu dài, ấy không phải là muốn bóp chết « chương trình Việt » ngay trong trứng nước đó sao? Bởi đó, vì đã quen với « chương trình Pháp », vì thiên kiến, vì yêu văn hóa cao, người ta đã chê bai « chương trình Việt », nhiều lời, ngay khi chương trình này mới ra đời. Trong buổi đầu « chương trình Việt » không phải là không có chỗ đáng chê (và cả ngày nay nữa cũng thế), nhưng vì đứng bên cạnh « chương trình Pháp » nên nó đã bị chê quá đáng, bị khinh rẻ quá đáng. Chính vì bị khinh chê quá đáng như vậy, và bị « chương trình Pháp » cạnh tranh mãnh liệt, nên « chương trình Việt », đã phải chậm tiến một cách tai hại. Tại sao, ngay khi lập « chương trình Việt », người ta lại không bỏ hẳn « chương trình Pháp » đi? Tại sao người ta không muốn cho nước Việt-Nam độc lập có một chương trình giáo dục Việt-Nam, mà lại phải có hai chương trình? Đó là vì, như đã nói trên, đời sống tinh thần của những người làm chính trị Việt-Nam lúc bấy giờ chưa được hoàn toàn độc lập. Đó cũng là lý do tại sao, ngày nay, trong giới trí thức, trong giới sinh viên, học sinh Việt-Nam, đang sôi nổi dư luận đòi bãi bỏ « chương trình Pháp ».

Nên ghi nhận điều này, là khi nói bỏ « chương trình Pháp », không nên



hiểu là bỏ hẳn việc học tiếng Pháp như một ngoại ngữ. Đối với người Việt-Nam tiếng Pháp là một tiếng thực dân, nhưng Pháp vẫn vẫn là một thứ ngôn ngữ thông dụng trong việc bang giao quốc tế. Người Việt-Nam cũng nên biết tiếng Pháp, như nên biết những ngoại ngữ khác, chẳng hạn Anh văn, Hoa văn, Nhật ngữ... Dầu vậy, chúng ta cũng nên giữ để khỏi sa vào thái cực bên kia, là quá tôn trọng tiếng Pháp, cho nó quý hơn các ngôn ngữ khác trong việc dạy ngoại ngữ. Vì lý do gì phải trọng Pháp hơn các tiếng khác? Vì nước Pháp gần gũi với nước Việt-Nam ta ư? Điều đó bản đồ làm chứng rằng không đúng. Nếu có một nước nào gần nước ta mà tiếng đáng phải học, đó là Trung quốc, đằng khác tiếng Trung quốc lại là nguồn gốc của tiếng Việt-Nam. Hay là vì tiếng Pháp thông dụng nhất trên thế giới? Điều này cũng không đúng, vì thứ tiếng được nhiều người nói hơn cả là tiếng Anh. Hay là vì tiếng Pháp là tiếng của những người đã sang thực dân tại Việt-Nam gần một thế kỷ nên nay để lại nhiều tài liệu cần phải đọc? Thật sự ngày nay không ai nghiên cứu về giai đoạn lịch sử Việt-Nam kể từ 1858 mà đi, mà không phải dùng đến tài liệu bằng Pháp văn. Nhưng thế không đủ để chủ trương rằng tiếng Pháp cần phải học hơn các thứ tiếng khác, trong các trường Việt-Nam. Nó cần thật, nhưng là chỉ cần cho các sử gia của giai đoạn Pháp thuộc, chứ không phải cho hết mọi người.

Một bước tiến khác đáng kể trong việc giáo dục là sự dùng tiếng Việt-Nam làm chuyển ngữ trong các trường Trung

học rồi Đại học. Về ngành Đại học, dầu nay việc dùng Việt ngữ chưa được hoàn toàn, nhưng công việc đã tiến khá xa. Nhưng sao người Việt-Nam dùng Việt ngữ trong các trường lại gọi được là một bước tiến? Đáng ra việc đó không được kể là một bước tiến, vì nào có ai cho việc dùng cơm để ăn là một tiến bộ bao giờ? Nhưng có trường hợp ăn được cơm phải kể là một tiến bộ lớn, ví dụ đối với một người ốm đã bỏ ăn lâu ngày. Nên giáo dục Việt-Nam cũng vậy, nó đã bị ốm nặng qua cả thời thực dân và nay đang đến ngày hồi phục. Ngay trong thời thực dân, người Pháp cũng đã có kẻ có đủ sáng suốt để mong có ngày hồi phục đó. Năm 1939, Francisque Vial than phiền việc dùng tiếng Pháp làm chuyển ngữ trong các trường Đông-Dương, rồi thêm:

« Chúng ta hãy thú nhận rằng chúng ta chưa làm được gì hết hay chỉ mới làm được tí chút thôi trong việc thiết lập một nền học vấn hữu hiệu cho Đông-Dương, bao lâu chuyển ngữ của nền học vấn đó chưa phải là tiếng mẹ đẻ (của người Đông-Dương). Chúng ta thử tưởng tượng xem nền học vấn chính quốc chúng ta sẽ ra thế nào, nếu người ta đem dùng tiếng Nga chẳng hạn để dạy cho trẻ em Pháp. Thế mà tiếng Nga còn ít khác tiếng Pháp hơn nhiều, khi so với sự khác nhau giữa tiếng Pháp và tiếng Việt hay tiếng Mên. Hỏi bao giờ mới đến cái thời kỳ trong đó chương trình Trung học Đông-Dương sẽ gồm những môn có tính chất Viễn đông với chuyển ngữ là ngôn ngữ Đông-Dương, và tiếng Pháp chỉ còn giữ một địa vị giống như địa vị của tiếng Anh, tiếng Ý,



« tiếng Tây-Ban-Nha, trong chương «trình giáo dục chính quốc chúng ta (1)»

Hy vọng của Vial nay đã được thực hiện ở Việt-Nam, cả ở bậc Trung học, cả ở bậc Đại học. Ngày nay, chúng ta đã giải thoát khỏi tình trạng bất thường đầu Ngô mình Sở đó, và đang dần hưởng những hậu quả tốt đẹp của nó. Thật vậy, việc dùng Việt ngữ làm chuyển ngữ chỉ có thể mang lại những kết quả tốt đẹp, nhất là khi áp dụng vào ngành Đại học. Các thầy giáo Trung học, hỏi lấy từ đâu ra, nếu không phải là từ các trường Đại học trong nước? Vậy nếu các thầy đó, thông minh hơn, ăn nói khẩu khí hơn, tư tưởng khúc chiết hơn, học sinh tất nhiên sẽ thụ giáo một cách hăng hái hơn, ích lợi hơn. Đàng khác, cấp bậc Đại học là cấp bậc nghiên cứu. Một khi đã dùng Việt ngữ làm chuyển ngữ, các bài dạy sẽ bằng Việt ngữ, các bài nghiên cứu sẽ bằng Việt ngữ, nhờ đó, chẳng những nền quốc học được dồi dào thêm, mà văn hóa còn có thể phổ biến mau chóng, rộng rãi hơn, vì số người có thể đọc được và dùng làm món ăn tinh thần sẽ đông đảo hơn.

Nhưng, cũng như một người mới dùng được cơm để ăn, chưa chắc đã là một người khỏe mạnh, và muốn khỏe mạnh thật, còn phải huấn luyện thân thể qua nhiều bài thể dục có phương pháp nữa, thì nền giáo dục Việt Nam cũng thế, người ta không thể nào gọi rằng là đã khả quan khi mới có một «chương trình Việt», trong đó còn thấy được nhan nhản những ròi rớt của chính sách thực dân, hay khi mới đem Việt ngữ làm chuyển ngữ trong các

trường Đại học. Bấy nhiêu vẫn chưa đủ để đào tạo trẻ em Việt-Nam thành những người dân Việt nam cứng rắn và xông pha được. Muốn thế, nhất thiết còn phải cải cách thêm nữa để cho các trường Việt-Nam chứa đầy tính cách dân tộc, và một trong những chỗ cần thiết phải sửa đổi để hun đúc dân tộc tính, như chúng ta đã thấy, đó là chương trình sử học.

Cải cách về vấn đề giáo dục chung, cũng như cải cách riêng về việc dạy sử, công việc cố nhiên là phải bắt đầu từ chỗ cầm quyền, nghĩa là từ Bộ Quốc Gia Giáo Dục. Ở một nước Việt-Nam chúng ta, Bộ có sáng kiến nào, là con em được nhờ nấy. Điều cần phải sửa đổi nhờ quyền tối cao của Bộ, là chẳng hạn đổi chương trình học, ví dụ trước kia kể Sử học vào một môn phụ, thì nay liệt vào số các môn chính, thay vì chỉ cho dạy mỗi tuần một giờ như chương trình hiện hành, thì bắt dạy ba giờ, hay ít nhất, hai giờ. (Bậc Trung học Pháp dạy sử ít nhất là hai giờ mỗi tuần). Bộ lại có thể bắt các giáo sư không được dùng phương pháp «tắc trách», tức là «đọc cho chép», mà buộc phải dùng sách giáo khoa tốt làm căn bản cho việc giảng dạy. Bộ còn rất có thể đòi hỏi điều kiện nơi các thầy dạy Sử, như chỉ cho dạy môn đó những ai đã được huấn luyện riêng, bổ dụng cho đúng chỗ những giáo sinh tốt nghiệp ban Sử ở các trường Sư phạm. Hằng năm, Bộ có thể cho phép tổ chức những cuộc hội thảo về lịch - sử

(1) Francisque Vial, *Le Problème Humain de l'Indochine*, Paris, 1939 tr. 125.



Việt - Nam, về cách giảng dạy lịch-sử Việt-Nam, và bắt các giáo sư dạy Sử ở các trường phải đi dự. Sau hết, Bộ có thể cho lập một Viện Sử-Học Quốc - Gia để nghiên cứu cách riêng về các vấn đề Sử Việt-Nam, cùng ủng hộ và khuyến khích lập các tủ sách Sử. Như thế, được săn sóc chỉ bảo và nâng đỡ từ trên cao, Sử học sẽ phát triển mạnh, gây nên một bầu không khí yêu quý nguồn gốc, yêu quý giống nòi, nó sẽ trùm phủ học đường, trùm phủ giang sơn.

Việc sửa đổi, thứ đến, sẽ có thể thực hiện được một cách hữu hiệu và chu đáo nhờ sự ân cần của các vị Hiệu-trưởng ở các trường Trung-học. Thi hành chỉ thị của Bộ và áp dụng chương trình vào phạm vi một học đường riêng, hơn ai hết, ông Hiệu trưởng có thể làm cho các giáo sư ở dưới quyền ông cũng như học sinh đến nương nhờ sự chỉ giáo dưới mái trường ông, thấy rõ tất cả sự quan trọng của môn Sử học, Chính ông Hiệu trưởng là người giao việc dạy dỗ cho các giáo sư, là người kiểm soát cách dạy dỗ của các giáo sư, là người tiếp nhận những đề nghị cải tiến của những người cộng tác với ông và cũng chính ông là người sẽ từ chối hay chấp nhận những lời yêu cầu của học sinh các lớp. Ông còn có thể cho thiết lập trong trường ông những nhóm học sinh hiểu học có mục đích sưu tầm các tài liệu lịch-sử địa-phương, đề cao các vị anh hùng địa phương, tổ chức những cuộc thăm viếng các di tích lịch sử địa phương. Nếu ông Hiệu trưởng lưu tâm đến việc dạy Sử trong trường và tạo cho công việc đó những điều kiện thuận

lợi, sự tiến bộ trong việc hiểu biết sự nghiệp của tổ tiên tất phải mau chóng.

Một thành phần khác, to tát, quan trọng, trong việc xúc tiến kiến thức sử học nước nhà, đó là học sinh. Học sinh mà biết sự quan trọng của lịch sử và ra sức tìm hiểu, thì chương trình của Bộ mới có hiệu quả và công lao của ông Hiệu trưởng cùng các vị giáo sư dạy sử mới đạt mục đích. Học sinh có ham học giáo sư mới ham dạy và ông Hiệu trưởng mới săn sóc hơn. Ngày nay, chúng ta đang sống trong một nước dân chủ, mọi người đều phải tự mình yêu mến tổ quốc, phải tự mình biết lấy bổn phận phải làm để bảo vệ di sản của cha ông. Không còn nữa những ngày trong đó một người có thể yêu nước thay cho tất cả, một người có thể định đoạt về số phận nước thay cho toàn dân (như thời quân chủ). Nay, mỗi một người đều có một phần trách nhiệm phải đảm đương lấy trước bàn thờ tổ quốc, dưới nhân tuyến uy linh của các vị anh hùng dân tộc. Và chúng ta chỉ có thể cảm thấy sâu xa trách nhiệm đó qua các bài sử học ở lớp và trong sách giáo khoa. Trong việc học Sử, bổn phận của học sinh là biết rõ và ghi nhớ những lời nói, những việc làm của người trước. Trong lớp học, thầy giáo sẽ làm cho học sinh hiểu và nhớ những lời, những việc đó, và học sinh có quyền đòi hỏi thầy giúp đỡ. Lời dạy «đọc cho chép» là lời dạy không thể giúp học sinh hiểu biết và ghi nhớ một cách dễ dàng và hữu ích. Đó là cách bắt học sinh phải « tụng » hay là « gào » một cách nô lệ. Nó làm cho kiến thức học sinh thành nghèo nàn,



vô bổ, đồng thời che giấu không cho học sinh thấy tất cả vẻ huy hoàng, đáng mến của sự nghiệp tiền nhân. Một hôm, ở một trường kia, một giáo sinh đến thực tập ở một lớp Đệ Thất, vì muốn cho khỏi bí, đã dùng phương pháp « đọc cho chép ». Giáo sinh dạy bài xong, một trẻ em lối 12 tuổi đã đứng lên yêu cầu vị giáo sư dẫn đi thực tập đừng cho đến dạy nữa, lấy lý rằng : dạy mà đọc cho chép, chỉ mất thì giờ vô ích, đọc trong sách còn biết được nhiều hơn. Một học sinh như thế đã biết lấy việc dạy học cho có phương pháp làm quý.

Nhưng, ai cũng thừa biết những kẻ đóng vai chính trong việc xúc tiến việc học sử, và có thể phổ cập kiến thức lịch sử một cách hữu hiệu nhất, thực tế nhất, đó là chính các vị giáo sư dạy sử. Nếu các vị đó có một lòng yêu nước thành thật, nếu họ có một lương tâm nhà nghề sống động, nếu họ hăm mộ công việc đào tạo cao cả của nhà giáo, thì kết quả là không gì có thể ngăn trở họ trên đường trau dồi kiến thức lịch sử và phương pháp dạy sử của họ. Họ sẽ sưu tầm cho biết nhiều thêm, họ sẽ nghiên cứu cho ra sự thật những điều họ sưu tầm được. Họ cố biết cho thấu đáo chẳng những những điều thuộc về chương trình phải dạy, chẳng những họ cố rèn luyện cho có một cách dạy đầy sức truyền chuyển, mà họ còn luôn luôn tìm đủ mọi cách để có thể biết rộng hơn, biết sâu hơn. Kiến thức của ông thầy cần phải sâu, phải rộng, và càng sâu, càng rộng hơn bao nhiêu, lại càng tốt hơn cho việc dạy dỗ bấy

nhiều. Chính sự sâu rộng đó không phải là cốt để dạy cho học trò, nhưng là cốt để làm cho việc giảng dạy được bổ ích hơn, có thú vị hơn, có nghệ thuật hơn. Tại sao thế ? Đó là tại ông thầy làm chủ được điều mình dạy cho học trò hơn. Xin diễn ý bằng một ví dụ. Một con cá thia chẳng hạn vẫn có thể sống trong một cái lọ nhỏ, nhưng bảy giờ nó sống một cách cực khổ, tức bực biết bao. Nếu đem thả nó vào trong một hồ lớn, thì chẳng những nó sống được, mà nó còn sống một cách phong phú khoái lạc, đầy tự do, hứng thú. Cũng một thân hình con cá đó mà trước khác và sau khác biết bao ! Ông thầy giáo dạy học cũng vậy. Ông thầy vẫn có thể dạy được, khi ông thầy vắn vắn chỉ biết những điều mình phải dạy. Nhưng như vậy ông thầy sẽ cảm thấy hết sức tức bực, gò bó, vì phần thì sợ nhớ nói ra những điều không đúng, phần thì lo nhớ học trò hỏi mà không biết đàng trả lời. Rồi sự tức bực gò bó nơi ông thầy phát hiện ra trong lời nói, trong cử chỉ, khiến cho học trò học trong các buổi học đó cũng thấy khổ sở không kém gì thầy. Học trò phải khổ sở, vì những ông thầy « biết sát nút » như vậy lại là những ông thầy « nguyên tắc », « chấp nhất » hơn ai hết. Thành thử, khi ông thầy hần học, nghệt thở trong cái biết chật hẹp của ông thầy, cả lớp cũng trở nên hần học nghệt thở, và khi thoát ra khỏi lớp, thầy cũng như trò, sẽ có « xá hơi » bằng cách thầy chê trò dốt, trò oán thầy « không thông ». Trái lại, đối với một ông thầy chỉ cần dạy có một, mà sức vốn biết đến mười, ông



thầy khi chỉ dạy chỉ có cái « một » cần thiết (cái một mà ông thầy « biết sát nút » kia dạy một cách thiếu nảo), sẽ dạy một cách rất vững vàng, rất hứng thú, rất cởi mở, và học trò thụ giáo với ông thầy đó sẽ tiếp nhận kiến thức một

cách khoan khoái, tươi vui. Giờ học của những thầy trò đầy thông cảm như thế hình như sẽ ngăn lại, « ngăn chằng đầy gang » !

**NGUYỄN-PHƯƠNG**

kỳ tới : một phương pháp dạy Sử

TÌM ĐỌC

# CHẬT NGỌC

của **VŨ-HẠNH**

Minh họa của **PHẠM-TẶNG**

Bìa của **THÁI TUẤN**

do nhà **CẢO THƠM** xuất bản

QUÝ-VỊ HÃY DẶN DÀNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY ĐÁNH CHỮ LẪM TẠI THỤY-SĨ

HIỆU

**HERMÈS**



LOẠI XÁCH TAY

LOẠI ĐỂ ĐÀN GIẤY



tại nhà in **I.N.D.E.O.**

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

1. Đường Nguyễn-Stra ~ ~ ~ Téléphone 20.821 ~ ~ ~ SAIGON



# Lại sắp đến mùa thi

NGUYỄN HIẾN LÊ

**M**ột ông bạn tôi bảo :

— Tôi đặc biệt chú ý tới mùa thi năm nay.

Tôi ngạc nhiên hỏi :

— Sao vậy? Có cháu nào đi thi không?

— Không. Tôi muốn biết chính phủ Cách Mạng này có thành công hay không.

Tôi mỉm cười :

— Rõ anh khéo lập dị. Muốn biết thành công hay không thì cứ coi tình hình kinh tế trong nước, xét tình thần phục vụ trong các công sở và cái không khí trong các cuộc đấu thầu; anh là nhà kinh doanh, sao không xét mấy điểm đó mà lại đi xét không khí trong các trường thi?

— Xét mấy điểm đó tất nhiên là chắc chắn rồi, nhưng nếu xét mà chưa thấy sự thay đổi gì quan trọng, thì phải xét đến không khí trong các trường

thi... Anh chưa hiểu ư? Đây, để tôi giảng anh nghe. Bệnh thối nát của chính phủ Ngô-Đình-Diệm bắt đầu từ đâu? Từ gia đình họ Ngô, rồi lan ra tới các bộ phải không? Mà trong các bộ thì những bộ nào nhiều quyền hành, nhiều cách xoay tiền bị lây trước, cuối cùng mới là bộ Quốc gia giáo dục, vì bộ này nghèo nhất, quyền hành cũng rất ít. Rồi trong mỗi bộ, lệnh lan từ trên xuống dưới, từ ông Bộ trưởng tới các ông Giám đốc, Trưởng ti, Chủ sự, sau cùng mới tới những nhân viên cấp dưới. Riêng trong bộ Quốc-gia Giáo-dục, khi mà bệnh lan tới các ông giáo, bà giáo, các giám khảo, giám thị rồi tới thí sinh là bệnh trầm trọng đến tột độ rồi. Ngược lại, khi bệnh lui thì cũng lui từ nơi đó trước hết. Cho nên xét các bộ khác mà chưa thấy có sự cải thiện nào khả quan thì ta cũng đừng nên vội nản lòng; khi nào xét tới bộ Q. G. G. D. xét không khí trong các trường thi mà vẫn



chưa thấy thay đổi gì cả thì mới thật là đáng thất vọng. Vì vậy mà tôi đặc biệt chú ý tới mùa thi năm nay.

Tôi làm thình rồi nói lảng qua chuyện khác. Tôi không ưa lối lý luận trừu tượng trên không trung ấy mà chỉ muốn nhìn vào những sự kiện. Anh bạn tôi giảng giải như vậy nghe có vẻ xuôi tai lắm, nhưng tôi không tin rằng bệnh thối nát có lui thì lui từ Bộ Quốc-gia Giáo-dục, từ trường học, từ trong đám học sinh trước hết. Vì nhìn vào thực trạng các trường học, tôi thấy mới tháng trước đây tình hình còn bê bối hơn các cơ quan khác nữa. Ngay cả trong các trường công, nhiều nơi không còn kỷ luật gì cả. Học sinh cứ ngang nhiên « cù, cưa » trước mặt giám thị và hiệu trưởng. Trong một trường bán công nọ học phí thu không còn được một nửa, mười ông giáo sư thì may ra được một hai ông khỏi bị bọn trẻ đả đảo. Người ta còn kể chuyện rằng học sinh vào lớp, mặt đỏ gay, miệng nồng nặc mùi rượu và trong túi cầm cộm một chiếc súng sáu. Ngồi chưa nóng ghế, nó đưa tay lên : « Thầy, cho ra tí. Thèm thuốc quá ». Rồi vừa nói nó vừa bước ra, móc trong túi lấy một miếng Ruby, hút ngay ở cửa lớp, lại còn vẩy một đũa bạn ngồi ở lớp bên : « Ê bờ, hút không ? Ra đây. » Giáo sư, Giám học làm bộ như không thấy. Quả thật là giặc rồi. Tình trạng đó cũng dễ hiểu. Dưới chế độ Ngô-Đình-Diệm, có bao nhiêu giáo sư đủ tư cách? Có bao nhiêu ông không mắc lỗi này hay lỗi khác? Sau cuộc cách mạng học sinh đòi thay ban giáo sư, ban giám đốc, là phải. Nhưng thay cách nào? Nhiều lắm là chỉ có thể đổi vài ông ở trường này,

tỉnh này qua trường khác, tỉnh khác, như vậy có cải thiện được gì đâu? Bên nửa cân thì bên tám lạng. Cho nên học sinh vẫn bất mãn với giáo sư, giáo sư mất hết uy tín với học sinh, nhiều ông sợ học sinh nữa, mà kỷ luật gần như không còn gì cả. Không nên vor đũa cả nắm, trong trường nào cũng có một vài giáo sư được toàn thể học sinh kính nể, trong lớp nào cũng có được năm sáu trò chỉ lo học thôi, luôn luôn giữ đúng kỷ luật, dù giáo sư có thiếu tư cách tới mấy thì cũng vẫn không đả đảo, mặc dầu trong lòng cũng mong có những bạn đả đảo thay cho mình. Nhưng xét chung thì tình trạng trong các trường, quả thực là chưa thấy có gì khả quan, mà lời xét đoán trên kia của anh bạn tôi có phần sai : không nhất định rằng bệnh thối nát lui từ trường học trước hết.

Tuy nhiên, ý kiến của anh cũng có chỗ đúng : quả thật là cứ xét không khí trong các trường thì ít tháng nữa cũng có thể đoán được chính phủ thành công hay không. Sự thối nát trong các trường thi tương đối dễ trị nhất, nếu không trị được ở đó thì không còn trị được ở đâu nữa. Nó dễ trị nhất vì dù sao các nhà giáo và các học sinh cũng dễ có lương tâm hơn một số nhân viên các bộ khác, chẳng hạn bộ Kinh tế, bộ Tài chánh... mà sự gian lận trong các kỳ thi cũng không đem lại cho người ta những món « bở » lớn như trong nhiều cơ quan khác. Vì vậy mà chỉ khi nào chế độ thối nát đến cực độ ta mới thấy bệnh hổi lộ, gian lận lan tới các trường thi.

Đọc lịch sử nước nhà, tôi nhớ chỉ có hai thời kỳ mà trường thi lưu lại



tiếng xấu đến đời sau. Thời Lê Mạt, lưu lại từ ngữ : « tam quán sinh đồ » : sinh đồ ba quán. (1) Thời kỳ Nguyễn Mạt lưu lại hai câu thơ này của Tú Xương :

Quan trường lấy rặt phường hay chữ,

Kìa chú Lê Uyên đồ thứ ba (2).

Cả hai thời đó phải thua xa cái thời Ngô Mạt vừa rồi. Sự thối nát bắt đầu đầu như từ năm 1957, 1958 gì đó, cứ mỗi năm một tăng, tới năm 1963 thì lên tới cái mức kinh khủng. Ông Đông-Hồ giá chịu khó lượm lặt các « giai thoại » trong các kỳ thi 1963 thì tập Tang thương ký của ông chắc sẽ dày thêm được vài chục trang nữa. Tôi cũng là ngẫu nhiên được nghe hai chuyện dưới đây, xin vấn tắt ghi lại.

Ngày thi Trung học đệ nhất cấp khóa đầu, có kẻ đem trọn một « cỗ » đề thi tới của một trường thi ở Sài Gòn, gạ bán cho thí sinh. Giá chỉ có 50 đ. thôi lại có đủ cả bài giải, mà cũng không có người mua ! Thi ra bằng Trung học đệ nhất cấp không đắt hơn một châu xi-nê Rex với một tô phở Tàu Bay. Vậy thì cái « tam quán sinh đồ » hồi xưa hầy còn là có giá trị lắm. Theo tôi đoán thì sỡ dĩ thí sinh không mua một là vì có bài giải trong túi cả rồi, hai là vì thấy giá rẻ quá mà ngỡ là hàng giả. Chuyện đó đúng tới cái mức nào, tôi không biết được, nhưng dù chỉ đúng có một nửa thôi thì cũng cho ta thấy rằng đề thi đã tung ra khắp nơi rồi, vậy mà Bộ Q.G.G.D. thời đó, không hiểu vì lẽ gì không hủy bỏ kỳ thi đó đi, vẫn cứ chăm bài như thường, vẫn lấy đậu theo một tỉ số ngang với những năm trước. Tôi không

hiểu người ta chăm cách nào.

Đó là chuyện thứ nhứt. Chuyện thứ nhì thuộc về kỳ thi Tú Tài nhì, cũng khóa nhất. Nghe nói một ông bự nào đó có được đầu đề và kiếm được một thí sinh chịu mua với một giá khá cao : bốn năm vạn gì đó. Vì ông ta là một ông bự nên « làm ăn » đứng đắn, có tổ chức đảng hoàng, để khỏi mang tiếng. Ông ta chỉ bán đề cho mỗi một thí sinh đó thôi, và bắt thí sinh phải theo đúng phương pháp này của ông : ngày mai thi thì chiều tối hôm nay phải lại một nhà quen thân với ông, để ông nhốt vào một phòng rồi mới giao đề thi và bài giải cho, bắt tối hôm đó phải học thuộc lòng, sáng sớm hôm sau ông lại, bắt trả bài, thấy thuộc rồi, ông mới thu lại bài giải (để khỏi lưu lại một vết tích gì cả) và thả cho thí sinh tới trường thi. Ông còn cẩn thận, mỗi lần chỉ giao cho bài giải của những môn sẽ hỏi trong ngày hôm sau thôi, chứ không giao hết cho một lúc. Và tất nhiên thí sinh đó đậu, có lẽ cũng đậu cao như « chú Lê-Uyên » thời Tú-Xương nữa.

Thực ra bằng cấp tú tài thời này

(1) Thời xưa muốn đi thi Hương, thí sinh phải qua một kỳ thi hạch ở tỉnh đã đề cho quan Đốc học xét xem có đủ tư cách không. Nhưng thời Lê Mạt, triều đình cần tiền, cho phép thí sinh nộp ba quan tiền thì khỏi phải thi hạch ; vì vậy nhiều người học dốt cũng được đi thi Hương, vào trường thi mua bài của người khác mà đậu được Sinh đồ (Sinh đồ đời Lê là tú tài đời Nguyễn) ; dân chúng mỉa mai bọn đó, gọi họ là tam quán sinh đồ.

(2) Bài Thanh thủ khoa của Tú Xương, Lãng Nhân chép lại trong cuốn « Chơi chữ »



mà đòi năm bốn vạn thì cũng ít ai dám mua, vì nó có dùng được vào việc gì đâu? nhưng thí sinh nọ đã chịu mua vì nhà anh ta giàu mà anh ta không muốn đi Thủ-Đức, mà cách chắc chắn nhất để khỏi phải đi Thủ-Đức là được xuất dương du học, mà muốn xuất dương du học thì phải có tú tài toàn phần.

Câu chuyện thứ nhì này, tôi nghĩ rằng khó có thể là một chuyện bịa được vì ai đâu mà nảy ra cái ý lạ lùng bịa một chuyện như vậy và lại bịa khéo được như vậy?

\*  
\* \*

Tôi nhắc lại hai chuyện trên để đánh dấu một thời đại trong lịch sử khoa cử của Việt-Nam. Nhưng chủ đích của tôi trong bài này là muốn cùng bàn với độc giả xem có một giải pháp nào chắc chắn để chấm dứt hẳn tình trạng gian lận đó không.

Gần đây một tờ nhật báo nào đó có đăng tin rằng ngay sau mùa thi năm ngoái bộ Q. G. G. D. thời Ngô-Đình-Diệm đã phái người qua Pháp để nghiên cứu cách đề phòng ra sao cho khỏi tiết lộ đề thi. Nếu tin đó không phải là tin vịt thì bộ đã làm một công việc vô ích. Tôi nghĩ rằng riêng về việc thi cử, lỗi làm việc của người Pháp mười năm trước ra sao thì nay cũng vậy. Chính quyền của họ không thối nát, trong các kỳ thi của họ không nghe nói có những sự gian lận ghê tởm như ở ta thì họ cần gì phải nghĩ tới việc cải thiện cách phòng gian. Mà lỗi làm việc của họ mười năm trước ra sao thì bộ đã biết rồi; có lẽ chính là lỗi mà bộ đã áp dụng nữa. Vậy thì phái đoàn có

qua Pháp chỉ tốn công tốn của chứ chẳng học thêm được kinh nghiệm nào mới cả. Muốn học thêm được thì phải kiếm một nước nào mà sự gian lận trong các kỳ thi còn vượt hẳn nước mình kia. Nhưng khắp thế giới có một nước nào như vậy nữa không? Nếu có, mà bộ rút được thêm ít nhiều kinh nghiệm thì giải pháp đó chẳng qua cũng chỉ là giải pháp xây tường để phòng gian. Tường càng cao thì tài leo tường khoét vách của kẻ trộm lại càng tiến, rút cục phí tổn cứ mỗi ngày một tăng mà trộm cũng không hết.

Vả lại cách đó chỉ nhằm trừ khử cái tệ tiết lộ đề thi, mà sự gian lận trong các kỳ thi không phải chỉ có bấy nhiêu. Còn cái nạn đem sách vở vào trường thi để « đánh phép », nạn cốp bài của nhau một cách ngang nhiên dưới mắt giám thị, giám thị phải làm ngơ vì sợ bị trả thù (nghe nói có thí sinh đã dọa giám thị ở ngay giữa phòng thi); nạn người ở ngoài liệng bài giải vô phòng thi cho thí sinh chép, nạn giám thị gài bài cho thí sinh, nạn gian lận trong khi chấm thi, cả trong khi cộng điểm nữa..., ối thôi, không biết bao nhiêu mảnh khóc, làm sao kể cho hết, chứ đừng nói là đề phòng!

Không biết ông Tán bộ trưởng đã tìm ra được giải pháp nào công hiệu chưa. Thấy báo đăng mới rồi ông cấm cả ngàn thí sinh (tôi không nhớ rõ con số, có sai xin bộ cải chính cho) gian lận không được thi trong hai, ba năm gì đó. Nghiêm khắc là phải. Quốc dân đương chờ xem mùa thi năm nay ra sao để xét sự thành công của cuộc cách mạng đây.



Nhưng theo ý tôi, chỉ nghiêm khắc với trẻ thì cũng oan cho chúng. Vì kẻ chánh phạm không phải là chúng mà là bọn người lớn chúng ta.

Cứ truy nguyên lên thì thế nào ta cũng thấy mới đầu có một số ông lớn con học dốt mà dùng uy quyền gởi gắm để cho chúng đờ. Các ông giám khảo hay giám thị vì nể tình hay vì sợ phép mà phải giúp đỡ, nghĩa là phải gian lận. Khi người ta đã gian lận một lần rồi thì những lần sau hóa dễ dàng lắm. Gian lận cho con em người thì tại sao lại không gian lận cho con em mình? Gian lận để được một tiếng cảm ơn suông của một ông lớn, với gian lận để có một số tiền của một ông nhà giàu, đằng nào hơn? Thế là cái nạn gian lận lan tràn ra, tới một lúc mà người ta không thấy như vậy là gian lận nữa; cho nó là một phép xử thế và kẻ nào không gian lận sẽ bị xã hội coi là ngốc.

Tôi còn nhớ năm ngoái một ông bạn tôi có con đi thi; một ngày trước khi ra bãng vì nóng lòng lại nhờ một ông giám khảo quen coi giùm kết quả. Ông giám khảo cho biết là rớt. Ông bạn tôi cảm ơn rồi ra về, làm cho ông giám khảo ngạc nhiên, trở mặt ra hỏi: « Chỉ có vậy thôi ư anh? » Ông bạn tôi phì cười, tuy con rớt mà vẫn vui, vì được nghe một câu hỏi lý thú. Như vậy thì sự gởi gắm đã thành một thông lệ rồi, không gởi gắm mới là điều quái dị.

Học sinh thấy cha anh họ như vậy, thấy thầy học họ như vậy, thấy khắp nơi ai gian lận thì cũng thành công, lại được tiếng tốt là khác nữa

thì đại gì chúng không gian lận? Cho nên chúng « đánh phép » thả cửa, cậy uy thế của cha anh để dọa nạt giám thị, nếu cha anh không có uy thế thì chúng cũng làm bộ ra vẻ con nhà có uy thế; mà cái thời đó, chẳng cần phải vào hạng tỉnh trưởng hay chánh án mới là có uy thế, bất kỳ một viên công an, một viên mật vụ nào cũng có đủ uy thế để cho giám khảo phải nể rỗi.

Khi con gái của Ngô-Đình-Nhu học hành dốt nát mà cũng đờ, khi em hay cháu, một giáo sư trường Quốc gia sư phạm học kém mà đồ cao đến nỗi chính những học trò của giáo sư đó phải tố cáo trên báo, khi con một ông trưởng ty giáo huấn nợ được các giám thị gả bài cho ngay ở trong phòng thi...thì trường thi chỉ là cái lò gian lận, chứ còn nghĩa quái gì nữa. Như vậy, thí sinh nào không gian lận thì chỉ là vì nhát, mà kẻ đáng trị tội không phải là cái bọn trẻ gian lận, chính là cái bọn người lớn từ trên cao trở xuống kia. Khốn nỗi, trong chế độ cũ, ai mà dám động tới bọn này.

Ngày nay muốn thay đổi hẳn không khí trong trường thi tôi nghĩ phải bắt đầu từ bọn đó trước hết. Làm cho xã hội thối nát luôn luôn là tại bọn người lớn có uy quyền chứ không phải tại bọn thường dân, bọn thanh niên. Mà muốn trị bọn đó thì quyền hành của bộ Q. G. G. D. không đủ.

Phải có một sắc lệnh của Quốc trưởng hay ít nhất của Thủ tướng mà nội dung thật nghiêm khắc: chẳng hạn sẽ cách chức bất kỳ một công chức nào, dù cao cấp tới mấy mà tìm cách gian lận



trong các kỳ thi hoặc gọi gấm con cháu cho các giám khảo; còn những giám khảo, giám thị thấy có người gọi gấm, dù kẻ đó có quyền hành tới mấy mà không tố cáo thì cũng bị cách chức; các thí sinh thấy có sự gian lận mà không tố cáo thì cũng bị cấm thi trong hai năm...

Ban bố sắc lệnh đó rồi ta có thể khoan hồng, tha cho những thí sinh đã gian lận trong các kỳ trước (tôi nhắc lại chúng là nạn nhân cả) và tôi chắc rằng như vậy không khí trong các trường thi sẽ thay đổi hẳn. Những biện pháp đề phòng khác có sửa đổi cho thêm hiệu quả thì cũng nên, miễn đừng tổn công, tốn của quá. Vì thử nghĩ lại coi, người Pháp hồi xưa cũng chỉ dùng những biện pháp hiện thời thôi, mà sao không có sự gian lận, hay là có mà rất ít? Biện pháp có hiệu quả hay không là ở người dùng. Người mà hồng thì biện pháp nào cũng vô dụng hết.

Nếu bộ có ngại một sắc lệnh như trên chưa đủ thì tôi xin đề nghị thêm biện pháp này để thí nghiệm. Một số sinh viên lúc này hăng hái muốn giúp nước, kẻ muốn ra mặt trận, kẻ muốn về sống với dân quê, lo công việc xã hội. Họ muốn được tiếp tay với người lớn muốn được lãnh trách nhiệm, thí thử tài năng để mau cải thiện tình thế. Ông Bộ trưởng đã nghĩ tới việc dùng một số trung bọn họ làm giám thị các trường trung học. Ý kiến đó rất phải, Trong mùa thi tới đây, sao ta không thử dùng họ làm giám thị trong một vài trường thi. Họ có lý tưởng, họ lại có thành tích tranh đấu, tôi chắc họ

sẽ làm việc rất đàng hoàng, thí sinh đàn em của họ, thấy họ chịu bỏ nhiều buổi học mà làm việc nước như vậy tất cảm phục, trọng họ, nể họ có phần hơn một số giáo sư đã mang tai tiếng ít nhiều của mình, mà không dám gian lận nữa. Tại những trường thi khác, ta vẫn dùng các giáo sư, giáo viên làm giám thị, các vị này thấy ở những nơi kia, bọn con em mình cũng làm giám thị như mình tất sẽ vì thể diện mà không dám chệnh mảng trong công việc; và kết quả mọi nơi sẽ được khá quan cả. Không tốn kém gì đâu, bộ thí nghiệm thử xem.

Tuy nhiên những biện pháp tôi đề nghị ở trên đều là để trị ngọn cỏ. Hiệu quả sẽ cấp cốc đấy, nhưng có bền hay không thì còn tùy ở xã hội. Nếu xã hội không thay đổi thì cái nạn gian lận sẽ lần lần trở lại mà các biện pháp trên lại hóa ra vô hiệu. Mà làm sao thay đổi được xã hội, làm sao lập lại được một số giá trị căn bản như sự liêm khiết, công minh, chính trực, làm sao cho tài, đức được kính trọng, cho sự giàu sang mà bản thân bị khinh rẻ..., đó lại là một vấn đề khác, tôi không thể bàn trong bài này được. Vả lại, công việc đó cũng không phải là công việc riêng của Bộ Q.G.G.D., mà là của chung toàn thể quốc dân vì trước hết chúng ta phải tự hỏi câu này: « Chúng ta muốn cho con cái chúng ta thành hạng người ra sao? » rồi mới có thể đòi hỏi nhà cầm quyền một đường lối giáo dục được.



## Về nạn đói kém

HỒ-HỮU-TƯỜNG

CÁI khổ đang làm mối lo âu hàng ngày của hơn phân nửa loài người là nạn đói kém. Không phải bây giờ mới có cái khổ ấy. Vào thời của Thích-Ca Mâu-Ni, chắc chắn là đã có nó từ lâu rồi, cho nên trong đạo Phật, tăng già đặt sự bố thí làm phép thứ nhất trong lục độ, và tuy không viết trắng ra, song dạy dân chúng sự nhân từ đối với sự nghèo khó. Nhưng sau thế kỷ mười chín, trong lúc ấy xảy ra những cuộc cách mạng thợ thuyền ở Âu - Châu, và sau hai cuộc cách mạng lớn của thế kỷ hai mươi này, cách mạng Nga và cách mạng Tàu, thì quần chúng đói kém hết nghe những lời dạy nhân từ của các tôn giáo nữa. Các đảng chánh trị có cơ sở tôn giáo như ở Đức, ở Pháp, ở Ý đã

thấy rõ điều này và ghi sự chống nạn nghèo đói vào chương trình của mình. Đã đến lúc mà Phật giáo phải đặt vấn đề xử thế đối với nạn đói kém này, bằng không thì sẽ bị lịch sử quét bay ra ngoài không phận của nó.

Lịch sử đặt vấn đề đói kém này nặng nhất là cho Á-Châu, đặc biệt cho hai dân tộc Ấn và Tàu hơn ở đâu tất cả, mà hai xứ này, một xứ là nơi phát sinh của đạo Phật, một xứ là nơi đạo này có tín đồ đông nhất. Lòng từ bi, bác ái thúc đẩy, viễn đồ nạn đói kém có thể gây nội loạn nữa làm cho hai xứ này phải đi tiên đạo trong việc chống nạn đói, và phương pháp của họ chủ trương sẽ là bài học cho bao nhiêu dân tộc.



Trước năm 1949, vì ảnh hưởng của hơn tám năm chinh chiến, nước Tàu cũ phải trải qua một cơn khủng hoảng trầm trọng về đủ mọi phương diện, chánh trị, tài chánh, kinh tế, xã hội. Nạn đói tràn lan khắp nơi làm động lực cho mấy trăm triệu nông dân khởi loạn. Cuộc cách mạng, khởi từ các thôn quê hẻo lánh, bao vây các thành thị để rồi tràn ụp đến không phương chống cự nổi. Nông dân, mượn học thuyết của Marx, và đó là cái éo le của lịch sử, đưa đảng Cộng sản lên nắm chánh quyền mà giải quyết các vấn đề theo lối độc tài. Riêng có nạn đói kém thì không sao đánh lui nổi. Chánh phủ bèn ban bố những phương pháp độc tài hơn nữa, chế độ công xã hiện ra, thế mà đói kém vẫn còn y như cũ. Nếu chế độ công xã thất bại, xui giục nông dân chống trả lại, thì là một điều tuyên truyền xấu cho chính sách độc tài và làm giảm bớt ảnh hưởng của nước Tàu đối với các dân tộc láng giềng.

Ở Ấn-độ, chế độ tư hữu điền địa được tôn trọng hơn và tự do của nông dân được rộng rãi hơn. Nhưng sự gia tăng của sản xuất về nông nghiệp không theo kịp sự gia tăng của nhân số. Chánh phủ thi hành nhiều biện pháp, trong ấy có sự kiểm soát sanh dục. Nhưng nạn đói kém không vì đó mà bớt được.

Ở Tàu cũng như Ấn-độ, để cung cấp công việc cho một số đông thất nghiệp, và tăng gia sản xuất, người ta lập ra những kế hoạch kĩ nghệ hóa. Vì thiếu vốn lớn, nhất là vì thiếu người tiêu thụ, bởi các thị trường quốc tế đều bị các nước khác chiếm hết và cạnh tranh ráo riết, nên sự kĩ nghệ hóa

hai nước này không thể mau lẹ được. Không xuất cảng sản phẩm kĩ nghệ thì lấy tiền đâu mà nhập cảng để bài trừ nạn đói? Bởi vậy cho nên, đối với cả hai nước, muốn bài trừ nạn đói cũng như muốn tạo một số người tiêu thụ cho kĩ nghệ, điều cần thiết là gia tăng gấp đôi, gấp ba sự sản xuất của nông nghiệp.

Muốn gia tăng sản xuất của nông nghiệp, không cần phải có chế độ này, hay chế độ kia, không cần phải nắm chính quyền hay chỉ là một phong trào dân chúng. Điều cốt yếu là cần động viên đa số nhân dân hưởng ứng với cuộc cách mạng nông nghiệp, cũng như gần hai thế kỉ rồi, người ta đã hưởng ứng với cuộc cách mạng công nghiệp.

Cuộc cách mạng nông nghiệp không phải chỉ là một cuộc cách mạng điền địa. Và lại, như lịch sử nước Nga chỉ trong năm mươi năm nay, để động viên đám nông dân, đảng Cộng-sản nêu ra khẩu hiệu chia đất cho dân cày, thế rồi mười mấy năm sau, Staline lại tịch thu đất cát để lập đồn điền công và đồn điền Xô-viết; và như lịch sử nước Tàu chỉ trong khoảng năm sáu năm thôi, chánh phủ Tàu phải tịch thu ruộng đất của nông dân để lập công xã. Thế thì cuộc cách mạng điền địa chỉ là một khẩu hiệu chánh trị để lừa gạt nông-dân chớ không thay đổi gì được trong nông nghiệp.

Muốn làm cách mạng trong nông-nghiệp cần phải áp dụng những phát minh tối tân của Khoa học để tăng gia sự sản xuất lên gấp đôi, gấp ba. Điều này ta thấy có thể làm được,



nếu ta so sánh năng xuất của mỗi mẫu ruộng ở các nước: Ở Á-Châu và Phi-Châu, việc canh tác còn thủ cựu và thô sơ, nếu chỉ áp dụng được những phương pháp hiện hành ở Âu-Mĩ thì là một cuộc thay đổi lớn lắm rồi. Những rừng hoang có thể khai phá, một phần trồng lại, một phần đổi làm ruộng rẫy, sẽ tăng thêm số mẫu đất được trồng trọt. Nhờ những cách trồng cây không đất, một mô triển núi kém đất sẽ sản xuất được.

Cuộc cách mạng nông nghiệp này cần phải động viên cho nông dân hưởng ứng và huấn luyện cho họ thuần thục được các phép canh tác mới. Những cơ quan của chánh phủ gánh hai trách nhiệm này đã đành, mà các nhà sư có thể trở nên những cán bộ tuyên truyền đặc lực và các nhà Chùa, rải rác khắp nơi ở thôn quê có thể biến thành những trường canh nông thực nghiệp. Thay vì chờ có nạn đói rồi đi quyên tiền để chẩn bần, các nhà Chùa có thể chống nạn đói nơi căn cội của nó là sự kém sản xuất về nông nghiệp. Họ cũng có thể tổ chức dân nghèo thành những đoàn thể để đi khai phá thêm đất hoang để trồng trọt, miễn cho xứ được nạn khất thực.

\* \*

Tránh được nạn khất thực của bần dân cũng như của tầng giả, ấy là cung cấp một số tay làm cho nông nghiệp chuyển từ lối canh tác theo bề rộng qua lối canh tác tập thúc và khai phá thêm hoang vu. Mà như thế, ấy là đổi cả nếp sống, đổi cả một cái văn minh, nhứt là của phái tiểu thặng.

Thay đổi được nếp sống rồi, mấy nhà Sư có thể biến thành những người

cầm đầu các đoàn di cư, rời những nơi quá trù mật dư người làm, đến những chỗ thừa thớt cần khai phá thêm mà lập những điểm dinh điền mới, áp dụng những phương pháp canh tác mới.

\* \*

Có một phong trào như thế và khá mạnh rồi, thì mới có thể đặt vấn đề di cư từ nước này sang nước kia; trên địa vực quốc tế. Các nước rộng đất, thừa dân, nhiều rừng mới có thể đón rước mới nhân công thuần thục và có kĩ luật, họ đem đến sự phồn thịnh và an ninh với họ.

\* \*

Những việc trên đây, nếu đạo Phật cứ chấp cái cũ mà không chịu cải tiến canh tân, thì chắc chắn sẽ không còn bao lâu nữa sẽ bị đào thải. Bởi vì nói giải thoát con người, mà để cho con người bị nạn đói kém mà phải sa đọa, là việc không thể dung được.

Trái lại nếu đạo Phật dẫn đầu được cuộc cách mạng nông nghiệp mà chống nạn đói kém được đặc quả, thì đạo Phật làm được một việc hi hữu. Diu dắt được cả tỉ nông dân ở Á-Châu đạo Phật sẽ làm gương cho các dân tộc ở Phi-Châu, được cảm tình của họ, mới có cơ tràn lan qua Phi-Châu được, Hai thế kỉ trước, ở Âu-Châu cũng có nạn cơ cực. Nhờ cách mạng công nghiệp mà Âu-Châu giải quyết nhiều vấn đề, kể cả cuộc cách mạng văn hóa là phong trào dân chủ. Đến nay, Á-Châu bị vào lối nghẽn, bởi tiến tới rồi, mà lắm dân tộc chọn lối độc tài, thủ tiêu tự do của con người để nêu cao cái linh của đoàn thể. Nếu đạo Phật



mở rộng được lối nghẽn ấy, thì thay vào sự giải thoát cá nhân cũ xưa, đem lại cho số đông sự giải thoát tập thể. Điều mà tôi mong muốn vậy.

Nhưng lúc ấy, đạo Phật hết còn là cái cũ, chẳng còn là phái tiểu thặng, cũng chẳng còn là phái đại thặng. Ta gọi nó là minh đạo, dùng danh từ mới mà gọi cái mới vậy.

..

Đứng về một mặt khác mà xét, thì chủ nghĩa Công sản ở Tàu cũng bị vấn đề đối kém bức bách mà phải vượt đi xa hơn học thuyết của Marx, xa hơn phương pháp của Staline. Cuộc cách mạng chánh trị, đã lấy nông dân làm chủ lực, làm cho những nhà lí thuyết phải suy nghĩ nhiều rồi, và làm người cho rằng chủ trương của họ Mao không theo lẽ lối của Marx nữa. Nếu mai kia mà đảng Công sản Tàu buộc mình phải làm cuộc cách mạng nông nghiệp nữa, thì thêm một lần, nông dân lại làm chủ lực cho cuộc cách mạng kinh tế.

Rồi cái chính trị độc tài phải nhượng bộ ít nhiều cho nông dân, cũng như hồi xưa ở Nga, Lénine nhượng bộ cho họ mà thi hành Tân kinh tế chánh sách (NEP). Rồi đường lối Nga và đường lối của Tàu rẽ lần ra, bàn thế giới đối nước. Đó là điều mà nhà làm chánh trị nên chú ý đến.

Mà điều đáng chú ý hơn nữa là sự thay đổi song song, một bên của đạo Phật, nếu có, một bên của chủ nghĩa Công-sản, mỗi bên cởi bỏ những cái lỗi thời của mình, thu thập những phát minh của khoa học, của triết học

từ hồi Marx qua đời cho tới bây giờ, để làm một cuộc tập đại thành. Thì chừng đó không còn chủ nghĩa Công-sản nữa mà cũng chẳng còn đạo Phật nữa. Một cái lí tưởng mới xuất hiện, thích ứng với loài người của cuối thế kỉ thứ hai mươi và thế kỉ hai mươi mốt.

..

Để giúp cho sự tổng hợp này xuất hiện được, một vài nước nhỏ ở Đông-Nam-Á có một vai trò chẳng nhỏ. Tôi nghĩ trước nhất đến nước Miến Điện, vì ở đây, đạo Phật thịnh hành, xã hội chủ nghĩa cũng nhiều nhựa sống. lại ở đây giàu lúa gạo. Nếu hợp nhất được đạo Phật và xã hội chủ nghĩa để gây một phong trào chủ lực cho cuộc cách mạng nông nghiệp, thì Miến Điện sẽ xuất cảng lúa gạo nhiều gấp bốn năm lần, giúp cho Tàu và Ấn-Độ có chỗ mua gạo mà đồng thời nêu một cái gương sáng tỏ. Xã-hội chủ nghĩa ở Miến-Điện không có độc tài như chủ nghĩa Công-sản, thì sự tập đại thành với đạo Phật có cơ dễ dàng hơn. Cái khó là ở bên đạo Phật: chẳng biết phái tiểu thặng ở đây có vươn mình nổi để làm cuộc cách mạng văn hóa này chăng?

Nếu ở Miến-Điện mà thành công được cuộc cách mạng nông nghiệp và cuộc cách mạng văn hóa, thì ảnh hưởng của sự thành công này sẽ tràn lan qua các nước gần ở Đông-Nam-Á và Ấn-Độ, rồi đến lượt nước Tàu. Chừng ấy đặt vấn đề tổng liên bang ở Á-Châu có thể được hưởng ứng: điều này tùy nơi có chiến tranh thế-giới thứ ba càng chăng?

Nếu sớm thực hiện được cuộc cách mạng nông nghiệp và cuộc cách mạng



văn hóa cho Đông-Nam-Á, rồi rủi có chiến tranh thế giới thứ ba nổ bùng ra, Đông-Nam-Á nên lách mình ra ngoài vòng binh lửa để sau chiến-tranh cứu độ cả loài người khỏi nạn đói kém di nhiên sau cơn tàn sát. Đó là một viên đồ nên để các nhà cầm quyền Đông-Nam-Á lưu ý tới.

..

Đến đây, tôi chỉ nghiên cứu nạn đói và cách chống lại nạn đói bằng những phương pháp tự lực. Nhưng từ khi có Liên-Hiệp-Quốc và chánh sách viện trợ của các cường quốc, thì ta cũng chớ nên bỏ qua vấn đề này.

Bấy lâu nay, sự viện trợ này không phù hợp với những sự nhu cầu khẩn thiết của các nước được viện trợ. Người ta giúp tài chánh nhiều để tổ chức quân đội, cảnh sát và công an mạnh hơn chớ không phải để làm những công cuộc dẫn thủy nhập điền hay khai phá hoang vu. Người ta viện trợ súng đại bác, xe tăng và tàu bay hơn là giúp máy cày, máy gặt hay

phân bón. Những ngoại tệ được giúp không dùng để mua máy móc cho nông nghiệp mà để cho các giai cấp hữu sản mua xe hơi và tủ lạnh. Những học bổng cho sinh viên là cốt rèn luyện cho chúng trở nên cán bộ của giai cấp hữu sản chớ chẳng cố gắng đặc biệt đào tạo cán bộ cho nông nghiệp. Các cố vấn gửi qua không có vị nào chuyên cho ngành này.

Này đến lúc « phản kì sở vi » mà tập trung năng lực lại giúp cho Á-Châu thoát nạn đói kém. Cần yếu nhất là được vay dài hạn để làm vốn cho mọi khuếch trương nông nghiệp như các công cuộc dẫn thủy nhập điền, khai phá đất hoang, mua sắm máy móc và phân bón, cất kho dự, dựng các nhà máy biến chế nông sản . . .

Có viện trợ như thế thì các dân tộc được viện trợ mới biết cảm ơn các nước đi viện trợ.

**HỒ-HỮU-TƯỜNG**

Kì tới : Trăm tư thứ năm :  
Vẽ nạn nhân mãn.

nhà in **VĂN-HÓA**

412-414 Trần-Hung-Đạo, Sài Gòn — Đ.T. 20.161

**MỘT NHÀ IN LÂU NĂM ĐƯỢC NHIỀU TÍN NHIỆM**



- ẨM LOÁT MỸ THUẬT
- CÔNG VIỆC NHANH CHÓNG, GIÁ HẠ
- CÁC GIAI PHẨM, SÁCH BÁO, CÓ GIÁ ĐẶC BIỆT



CÁC TRẺ SƠ SINH

VÀ TRẺ EM

NUÔI BẰNG

SỮA BỘT



*Guigoz*

— Mau mạp

— Ít đau

— Chóng lớn

— Khoẻ mạnh

Tổng phát hành : TRUNG VIỆT DƯỢC PHẨM CUỘC

66, GIA-LONG - SAIGON



## Giao điểm lạnh - độ

● CÔ LIÊU

### Lạnh độ làm xuất hiện những hiện tượng kỳ lạ

**L**ÃNH độ chiếm một địa vị riêng trong số những bộ môn của khoa Lý-Học. Đó là thế giới của những hiện tượng phát sinh khi nhiệt độ hạ xuống gần số không tuyệt đối, từ  $-260$  đến  $-270$  độ bách phân. (Số không tuyệt đối của lạnh độ là  $-273^{\circ}\text{C}$  không thể nào thực hiện được, vì tới gần mức đó rất khó mà hạ xuống một phần ngàn độ).

Giao điểm lạnh độ dùng những kỹ thuật riêng và ngày nay tham dự vào nhiều cuộc phát minh trong nhiều lãnh vực khác nhau. Trong sự nghiên cứu về thành phần vật chất, nhờ việc tìm hiểu khinh khí lỏng mà người ta biết được nhiều tài liệu giá trị; kỹ thuật dùng nhiều vật liệu dẫn điện siêu đẳng (supra-conducteurs) hoặc dưới

hình thức những loại nam châm cực mạnh, hoặc chế tạo ắc điện tử, hoặc chế tạo máy điện tương lai. (Vật liệu dẫn điện siêu đẳng lợi dụng ảnh hưởng hơi lạnh đối với một vài loại kim khí).

Môn học lạnh độ ra đời từ đầu thế kỷ này, khi một lý học gia Hòa-Lan, ông K. Onnes, cố gắng thực hiện những lạnh độ gần không độ tuyệt đối. Với dụng cụ hồi ấy, phần nhiều ông chỉ có thể chuyên chú làm lạnh một vật đến một độ mà không khi ta thở trở nên rắn như đá. Nhưng sự cố gắng của ông đã đem lại kết quả, Onnes đã mở cửa vào một thế giới riêng biệt xa rời thế giới của ta:

Trước hết K. Onnes làm lỏng được chất hélium, một chất hơi « quý phái », nghĩa là không chịu hóa hợp với những chất khác, mà lại khó trị; phải lạnh tới  $-269^{\circ}\text{C}$  mới có thể làm



nó biến ra thể lỏng, hiện nay chưa có cách làm nó biến thành thể đặc. Hélium biến thành thể lỏng, mang những tính chất chỉ riêng nó có, và tiết lộ cho ta biết nhiều bí mật về thành phần vật chất. Thường thường Onnes chỉ dùng hélium lỏng như một phương tiện giản dị để ướp lạnh những vật khác, như ta dùng nước đá để ướp lạnh một chai la-ve. Hélium lỏng thay thế cho nước đá nhưng nguyên tắc vẫn thế. Ngày nay phương pháp này vẫn còn được dùng, nhưng trên một bình điện lớn rộng hơn.

Hélium lỏng không phải chỉ là một phương tiện dùng để ướp lạnh các vật, chính nó làm đề tài cho những công cuộc khảo sát rất kỳ thú. Nó là một chất lỏng rất lạ lùng

Tùy theo lãnh độ (từ  $-269^{\circ}$  đến  $-273^{\circ}$ ), nó có thể tác động như những chất lỏng thường, có thể quấy lên, đổ sang bình khác, trứ trong bình, rồi bất thần có những đặc tính kỳ lạ. Thí dụ nó có thể chui qua những lỗ nhỏ đến nỗi ngoài thực tế không có những lỗ ấy, nó có thể leo lên thành bình mà tràn ra ngoài. Đó là sự biểu hiện những hiện tượng chi phối các yếu tố nguyên thủy của vật chất. Nghiên cứu những hiện tượng khó hiểu ấy, người ta có thể biết những đặc tính bí ẩn của vật chất, tinh lực của vật chất cùng ảnh hưởng hỗ tương của chúng. Giáo sư Lew Landau năm ngoái được giải thưởng Nobel chính cũng vì đã đem lại ít nhiều ánh sáng vào những hiện tượng ấy.

Tuy ông K. Onnes không biết đến những đặc tính kỳ dị của hélium lỏng, nhưng ông cũng khám phá ra nhiều hiện tượng mới. Hiện tượng bất ngờ và có công dụng nhất hẳn là hiện tượng dẫn điện siêu đẳng của kim khí, một mẫu hiếm có về sự toàn thiện trong thiên nhiên. Khi giá lạnh kim khí gần với không độ tuyệt đối, người ta nhận thấy một vài thứ kim khí trở nên dễ dẫn điện phi thường, nghĩa là không hề có một chút điện-trở nào. Lãnh độ xuống tới một điểm nào đó thì kim khí bắt đầu không cản trở luồng điện; điểm ấy khác nhau tùy theo mỗi loại kim khí, nhưng không thể quá  $20^{\circ}\text{C}$  trên số không tuyệt đối. Ngày nay người ta đã biết được chừng 30 thứ kim khí có đặc tính ấy và mỗi ngày người ta lại biết thêm. Nếu dùng kim khí ấy làm một dòng dẫn điện (circuit) và dùng máy lạnh giữ lãnh độ của nó ở điểm thích hợp, rồi cho chạy qua đó một luồng điện, thì luồng điện sẽ chạy quanh hàng năm, không yếu đi, cũng không cần phải dùng máy phát điện để giữ nguyên luồng điện ấy như đối với một dòng điện thường.

### Tính chất dẫn điện siêu đẳng tự tiêu hủy

Đặc tính kỳ lạ của những kim khí ấy có thể có những ứng dụng lý thú được chăng? Nếu thực hiện được phương pháp sau đây thì tiết kiệm được biết bao kim khí đắt tiền: dùng những loại kim khí dẫn điện siêu đẳng để thực hiện những dây dẫn điện không hao điện, những



dây điện thật nhỏ sẽ dùng để truyền những luồng điện thật mạnh. Nhưng làm thế nào để giá lạnh đến lạnh độ hélium lỏng một đường dây dài từ Da-Nhim đến Saigon và phải qua rừng núi hiểm trở như thế ? Ước vọng đó vượt khỏi khả năng của kỹ thuật. Và chẳng còn một hiện tượng khác có thể phá giấc mộng vàng của kỹ thuật gia : Khi dây kim khí dẫn điện siêu-đẳng bị đặt vào một từ-trường khá mạnh, tính chất « toàn thiện » của nó biến mất, nó trở thành một kim khí thường, sau này không có từ trường và đặt vào lạnh độ như trước nó cũng mất đặc tính dẫn điện siêu đẳng ấy. Thế mà ta đã biết hễ cho luồng điện chạy qua một sợi dây là luồng điện làm phát sinh một từ-trường, và điện có cường độ càng cao thì từ trường càng mạnh. Như vậy nên hễ cho dòng điện chạy qua dây kim khí, dẫn điện siêu đẳng thì tức khắc tính cách dẫn điện siêu đẳng tự tiêu hủy liền ! Thành ra không có cách nào sử dụng được tính chất đặc biệt trên đây.

Các lý học gia, hóa học gia, kỹ thuật gia đang hiệp lực lại để tìm cách vượt những khó khăn ấy. Họ cố gắng liên tiếp trong nhiều năm, nay vẫn tiếp tục nghiên cứu. Những kết quả đầu tiên rất khả quan: người ta đã tìm thấy những kim loại vẫn giữ được đặc tính dẫn điện siêu đẳng dưới ảnh hưởng từ trường mạnh. Thí nghiệm với nhiều thứ hợp kim, người ta tìm ra hợp kim thiếc với Niobium đáp ứng đúng yêu cầu hơn cả. Nó giữ được đặc

tính dẫn điện siêu đẳng hoàn toàn và để cho những luồng điện rất mạnh qua được. Niobium là một kim khí đồng loại với bismuth, ít có và trước đây không dùng được việc gì cả. Tuy khoa học còn đang tìm ra những kim khí thích ứng mỹ mãn hơn nhưng kỹ thuật đã bắt đầu lợi dụng những vật liệu mới trong số đã có.

Đồng thời kỹ thuật tạo hơi lạnh cũng tiến triển mau chóng; ngày nay giá lạnh từng khối lớn đến gần không độ tuyệt đối là một công việc thông thường. Cũng như ở thời ông tổ hơi lạnh, bây giờ, để lấy khí lạnh, người ta vẫn dùng hélium lỏng mà kỹ nghệ ngày nay đã sản xuất được nhiều; những phòng thí nghiệm không có máy sản xuất hélium lỏng có thể mua chất đó trên thị trường như một món hàng thông thường. Dây điện cao áp như mang nhện dăng trên trời các thành phố kỹ nghệ không chắc có thể thay thế được bằng những hệ thống dẫn điện siêu đẳng, nhưng người ta đã dùng những vật liệu đặc biệt ấy để làm những bộ phận biến điện. Dùng vật liệu mới, những bộ phận biến điện cao năng suất sẽ nhỏ hơn kiểu cũ kênh càng đồ sộ, mà năng suất lại lớn hơn nhiều. Cũng theo phương pháp ấy người ta có thể làm ra những thứ nam châm điện mạnh hơn những kiểu mạnh nhất xưa nay. Những kiểu nam châm điện cũ điện mạnh nhất chỉ có sức mạnh chừng vài chục ngàn gauss (một miếng thép nam châm hình móng



ngựa nhỏ mạnh độ vài trăm gauss). Những kiểu nam châm điện cổ điển rất tốn điện; điện chạy lại làm bốc nóng, phải dùng từng thác nước để hạ nhiệt độ xuống. Những kiểu nam châm điện bằng vật liệu dẫn điện siêu dẫn bắt đầu xuất hiện rồi đây sẽ thực hiện được những từ-trường mạnh tới một triệu gauss mà không tốn tinh lực. Những kiểu nam châm ấy đủ mạnh để bóp thối thép như bóp đất thối. Có thể trong tương lai những máy rèn khổng lồ ngày nay sẽ được thay thế bằng những cuộn « bô-bin » dẫn điện siêu dẫn. Đặt « bô-bin » đúng cách, điều chỉnh được sức mạnh và chiều hướng từ trường, người ta có thể dùng « bô-bin » để bóp nặn thối thép cho thành khuôn hình theo ý muốn.

### **Máy điện trực tiếp biến nhiệt độ thành điện lực.**

Từ trường mạnh thực hiện được cũng có ích cho Khoa-học. Nam châm điện làm bằng vật liệu dẫn điện siêu dẫn là con đẻ của sự tiến bộ Khoa học, bây giờ nó sẽ trở lại giúp cho khoa học tiến bộ. Nghiên cứu vật-chất đặt vào một từ trường cực mạnh mà tương lai sẽ thực hiện được, người ta sẽ biết rõ hơn về thành phần của vật chất và những tinh lực làm cho các thành phần đó kết hợp với nhau. Thí dụ trên đây cho ta một ý niệm về hiện tượng « Feed-Back »: Những thực hiện khoa học khi đã thành toại sẽ trở lại thúc đẩy khoa học tiến triển rất xa trên những lãnh vực trước kia đã khai sinh ra các thực hiện ấy.

Nam châm điện bằng vật liệu dẫn điện siêu dẫn cũng giúp ích cho kỹ thuật. Thí dụ ngày mai kỹ thuật có thể trực tiếp biến nhiệt độ thành điện không cần phải một chuỗi dài máy móc của một trung tâm điện lực ngày nay: lò than, nồi xúp de, « tuyền bin », máy phát điện... Phải dùng một chuỗi máy móc dài như vậy mất đi nhiều tinh lực, mà người ta chỉ thu hồi được một phần nhỏ tinh lực để dùng. Rồi đây những tỷ số năng xuất cao nhất bây giờ sẽ bị vượt xa khi dùng máy biến đổi trực tiếp nhiệt độ ra điện lực. Kể những máy có công dụng như thế thì kiểu máy hứa hẹn nhất là loại máy điện magnéto-hydrodynamique. Cái tên bí hiểm ấy lại ám chỉ một thứ máy rất giản dị: một cái ống đặt giữa một từ trường cực mạnh. Chất đốt cháy trong ống trực tiếp phát mạnh ra một cột hơi cực nóng. Hơi đó qua một sự điều động từ đầu trở nên dễ dẫn điện, trái với những chất hơi nguội cản điện. Làn hơi đó đi qua từ trường tạo ra một luồng điện, người ta chỉ việc thu lấy nó mà dùng. Phương pháp chưa được thành toại, còn phải giải-quyết nhiều vấn đề. Nhưng các chuyên gia có nhiều hi vọng thành công, và nam châm điện làm bằng vật liệu dẫn điện siêu dẫn dùng để thực hiện những từ trường cực mạnh cần cho máy điện kiểu ấy.

### **Xây vòng đua và phòng bong bóng cho bụi nguyên tử.**

Những loại nam châm ấy cũng



giúp ích không nhỏ cho việc xây dựng những dụng cụ nghiên cứu lý thuyết tìm hiểu bí ẩn thâm sâu của vật chất. Những phần tử nhỏ trong một nguyên tử bị đẩy đi bởi một từ trường rất mạnh sẽ xoay quanh một thứ vòng đua lớn và chuẩn xác. Có lẽ phải nhờ đến vật liệu dẫn điện siêu dẫn để thực hiện những « vòng đua » thiết yếu cho công việc nghiên cứu của các nguyên tử lý học gia.

Sự nghiên cứu những phần tử cấu thành nguyên tử còn lợi dụng lãnh độ một cách khác. Một trong những dụng cụ phụ thuộc nhưng cần thiết cho « vòng đua » là « phòng bong bóng »; trong phòng ấy quỹ đạo của những phần tử trong nguyên tử đi qua hiện ra thành những chuỗi bong bóng rất nhỏ ở giữa một khối chất lỏng đặc biệt, thường thường là khinh khí lỏng. Những nguyên tử của chất lỏng ấy còn dùng làm đích để bắn các phần tử của nguyên tử vào, khi đã làm cho các phần tử đó có một tốc lực thích hợp. Mỗi lần bắn trúng hạch tâm của một nguyên tử chất lỏng, lại phát sinh một mô phần tử khác. Những mô phần tử ấy như pháo bông hiện ra trên nền đen của phòng bong bóng rồi tan biến mất. Người ta có thể chụp được hình chúng trước khi chúng biến đi.

Xem xét hàng trăm bức hình, các nhà bác học đã khám phá ra rất nhiều hiện tượng mới và một vài thứ phần tử chưa ai biết. Những trung tâm nghiên cứu ở Brookhaven bên Mỹ và trung tâm Cern ở Ge.

nève cũng tìm thấy trong nguyên tử, một phần tử mới gọi là "anti-ksi", sau khi nghiên cứu hàng chục ngàn bức hình chụp trong phòng bong bóng.

Phòng bong bóng là con đẻ của kỹ thuật lãnh độ, vì chất lỏng thường dùng là khinh khí lỏng. Khinh khí là một chất hơi rất khó giá lạnh cho thành lỏng. Những phòng bong bóng ngày nay có đường kính hơn một thước. Thật là cả một công trình to tát mới thực hiện được thứ máy để giữ cho khinh khí luôn luôn ở một lãnh độ nhất định là 20 độ trên sô không tuyệt đối. Nếu không rút kinh nghiệm của toàn thể các cuộc nghiên cứu về lãnh độ trên thế giới chắc là không thể thực hiện được việc trên đây.

Sự gặp gỡ của lý học hạch tâm với kỹ thuật lãnh độ còn đem lại cho người ta hy vọng khác. Nam châm dùng vật liệu dẫn điện siêu dẫn sẽ còn dùng để thực hiện « chai từ điện », dùng về việc điều dụng tinh lực hạch tâm. Từ khí hoàn thành bom khinh khí, các nhà bác học tìm cách kiểm soát loại tinh lực ấy như đã kiểm soát được tinh lực của pin nguyên tử. Ngày nào đạt được kết quả tức là người ta đã thực hiện được bước nhảy vọt trong việc giải quyết vấn đề tinh lực trên thế giới.

Tuy rằng công cuộc nghiên cứu mới đây có tiến bộ nhưng mục đích còn xa vời.

### **Liên kết hai thái cực nóng và lạnh.**

Trong một thứ bình đặc biệt



người ta để chọn lộn những chất đồng vị của khinh khí làm nhiên liệu. Bình đem đốt nóng bằng nhiệt độ rất cao, nhiệt độ ở trung tâm các ngôi sao (độ vài chục triệu độ), trong một thời gian khá lâu. Dưới ảnh hưởng nhiệt độ, các nhân nguyên tử khinh khí hóa hợp với nhau để cấu thành những nguyên tử nặng hơn. Nhân sự hóa hợp ấy sẽ phát ra một số tinh lực kinh khủng, tinh lực đó làm cho có sự hóa hợp liên tục.

Có hai điều trở ngại lớn, rất khó giải quyết :

— Phải thực hiện được nhiệt độ của các tinh tú để khởi sự phản ứng,

— Phải làm ra một thứ bình chịu được sức nóng ấy.

Vấn đề thứ nhất tiến triển chậm chạp, dưới sự thúc đẩy của lý học và kỹ thuật, mỗi ngày người ta thực hiện được những nhiệt độ cao hơn và cũng giữ được nhiệt độ ấy khá lâu (trong phòng thí nghiệm không thể nghĩ đến cách cho nổ một trái bom khinh khí để gây ra phản ứng). Hiện giờ vấn đề thứ hai thật là nan giải : khinh khí nóng tới độ ấy không thể dùng bình nào chứa được. Khinh khí chỉ cọ xát vào thành bình là khiến cho bình biến thành hơi mà khinh khí cũng mất nhiệt độ.

Ở độ nóng ấy khinh khí biến thành thể plasma (1) nghĩa là các nguyên tử bị lột hết điện tử chung quanh. Thể plasma chỉ được giữ

(1) Có 3 thể : thể khí, thể lỏng, và thể rắn, bây giờ khoa học mới khám phá ra thể thứ 4 là plasma.

trong một từ trường cực mạnh, và từ trường đó có dạng đặc biệt như một cái bình vô hình.

Trên nguyên tắc, từ trường có thể giữ cho plasma ở một khoảng nhất định trong bình, không sát tới thành bình. Như vậy từ trường phải mạnh lắm mới hãm được những nguyên tử khỏi phóng ra thành bình với tốc lực kinh khủng. Đây là một trường hợp có thể dùng những nam châm bằng vật liệu dẫn điện siêu đẳng.

Như vậy từ điện dùng lãnh độ cực thấp, đã ứng dụng với khinh khí trong nhiệt độ cực cao ; sự liên kết của hai thái cực này tượng trưng cho một nét đặc biệt trong mọi lãnh vực kiến thức cần sự tham gia của tất cả các ngành khoa học.

### Hơi lạnh và óc điện tử

Sau hết nên nói đến những áp dụng khác của vật liệu dẫn điện siêu đẳng có tầm quan trọng quyết định đối với sự tiến triển của khoa học tương lai : lãnh vực óc điện tử. Các chuyên gia lợi dụng đặc tính của nhiều vật liệu dẫn điện siêu đẳng : từ trường phá hủy đặc tính dẫn điện siêu đẳng của một sợi dây kim khí đặt vào từ trường ấy, nhưng khi ngắt bỏ từ trường sợi dây trở lại dẫn điện siêu đẳng. Các chuyên gia dùng những vật liệu ấy để làm ra những bộ phận máy tính điện tử có hiệu năng hơn.

Với công dụng ấy, lãnh độ tham gia vào việc giải quyết một vấn đề



then chốt của thời đại chúng ta. Máy tính khổng lồ là dụng cụ tối cần của các phòng thí nghiệm tối tân. Chỉ trong vòng mấy tháng mà tổng số máy tính điện tử trên thế giới đã tăng gấp đôi, máy lại được canh tân luôn luôn khiến cho các nhà sản xuất không dám làm ra nhiều sợ những kiểu chế ra chưa kịp được sử dụng đã xưa quá không ai dùng nữa. Người sử dụng luôn luôn đòi hỏi máy tốt hơn vì những vấn đề phải giải quyết mỗi ngày thêm phức tạp. Muốn thỏa mãn những đòi mỗi ngày một tăng gia, cần phải làm ra những máy tính mạnh gấp trăm hay ngàn lần những máy đang dùng hiện nay.

Nếu việc canh tân máy tính thất bại thì rất nhiều ngành khoa học không thể phát triển được. Bởi vậy các ngành hiệp lực lại để làm việc. Ngành lý học nghiên cứu các thể đặc, ngành kỹ thuật nghiên cứu những vật liệu dẫn điện vừa phải, ngành hóa học nghiên cứu những hợp chất tinh thuần cực độ, ngành toán học, ngành điện tử, phân tử ngành sinh vật điện tử, đều tham dự vào kỹ thuật chế tạo máy hoạch dịch chương trình khổng lồ (programmateurs géants). Trước hết phải làm cho máy có khả năng nhớ được nhiều hơn và tăng gia tốc độ của máy. Việc tăng gia tốc độ của máy liên hệ tới kích thước máy. Khi làm tính nó dùng luồng điện, tốc lực nhanh bằng tốc lực ánh sáng. Đối với chúng ta tốc lực ấy nhanh kinh khủng thật, nhưng ngày nay người ta đòi hỏi

ốc điện tử phải làm nổi một tỷ con tính trong một giây, máy chỉ được dùng một phần tỷ giây để làm tính. Trong thời gian ấy điện đi được khoảng 30 phân. Nếu bàn tính lớn, điện mất thì giờ đi qua mà không làm gì cả. Muốn làm những máy tính năng xuất cao hơn phải thực hiện những bàn tính nhỏ. Các chuyên gia đang cố gắng đạt được những kết quả ấy.

### **Ốc điện tử dùng trong việc phi hành qua không gian.**

Nhờ có vật liệu dẫn điện siêu-đẳng vấn đề này được giải quyết một cách kỳ lạ.

Trong loại máy này, tran-sít-to cổ điển được thay thế bằng những bộ phận gọi là cryotrons. Người ta đã làm được những bộ phận rất nhỏ có thể xếp gọn vào một chỗ hẹp. Nguyên tắc động tác rất giản dị: hai sợi dây bằng hai thứ kim khí khác nhau được để song song cạnh nhau. Hai thứ kim khí đều dẫn điện siêu đẳng. Một luồng điện dù yếu đến đâu đi qua một sợi dây sẽ tạo ra một từ trường. Sợi dây thứ hai bằng thứ kim khí biến mất đặc tính dẫn điện khi sợi bên cạnh tạo ra từ trường. Một luồng điện dù yếu đi qua sợi dây thứ nhất đủ ngăn cản luồng điện mạnh ở sợi dây thứ hai. Trái lại tất luồng điện ở sợi dây thứ nhất thì luồng điện ở sợi thứ hai lại qua được. Nguyên tắc ấy được dùng làm nguyên tắc căn bản cho loại máy tính điện tử này.



Điểm bất lợi là máy tính bằng cryotrons phải dùng hélium lỏng để làm lạnh bộ phận dẫn điện siêu dẫn bởi vậy không thể thu nhỏ toàn bộ máy quá một mức nào. Bù lại có cái lợi chỉ dùng rất ít tinh lực, vì vật liệu dẫn điện siêu dẫn có năng suất rất cao.

Không chắc ngày nay người ta đã dùng những ốc điện tử trang bị bằng cryotrons để thay thế máy tính cổ điển không cần phải hơi

lạnh. Hai loại kỹ thuật cạnh tranh với nhau. Trong một vài trường hợp, như trường hợp xe không gian, ốc điện tử cryotrons có lợi hiển nhiên, vì không tốn tinh lực, còn điểm bất lợi cũng không đáng ngại, vì ở trong không gian có thể thực hiện được dễ dàng độ lạnh cần cho máy.

CÔ LIÊU

Kỳ tới : Giao điểm không gian

THƠ HOÀNG KHANH

## NỖI BUỒN CỦA CHÀNG

*Nhìn sao, chàng thở than rằng :*

*Thiên thần tung cánh băng rừng về xuôi*

*Ở đây nắng gió pha phôi,*

*Làm sao giữ sạch cánh trời ban cho !*

*Đường phàm lớp lớp sương mù,*

*Phồn hoa một giấc phù du nhục nhằn,*

*Ôi thôi đôi cánh Thiên Thần*

*Có còn trắng tựa sông Ngân trên trời ?*

*Nửa khuya sương gió tới bời,*

*Chàng trong quán lạnh đầy vơi vơi sầu.*

*Hỏi chàng chàng chỉ trăng sao,*

*Độc trong mắt thấy núi cao, rừng già.*

H.K.



## Phải tìm ra duyên cớ...

**T**RẺ con chơi với nhau, mỗi khi sinh ra cãi lộn và đánh nhau, thường không bao giờ đứa nào nhận là tại mình. Việc đầu tiên của mỗi đứa, khi bị cha bác hỏi, là đổ thừa, đổ tại cho đứa khác. « Tại nó đẩy chứ con có làm gì nó đâu ». Con Tý ba tuổi, em thằng Nam, khóc bò lê bò càng, Má chúng hỏi tại sao, thằng Nam thưa : « Tại nó đòi đồng bạc của con ». Má nó chỉ còn cách mắng : « Sao con lại giơ đồng bạc cho em nó đòi ? ».

Đứng trước những việc của trẻ con, người lớn thường dễ nhận ra duyên cớ của những vụ cãi lộn và khóc lóc. Ở đời không có chi tự nhiên mà có, tự nhiên mà thành nông nổi. Mọi sự đều có cái tại cả. Tại cái này, tại cái kia. Nhưng cái tại đó, có đúng là cái tại thực không, hay chỉ là cái đổ tại, đổ thừa ? Đôi khi người lớn cũng đổ thừa cho vui : chẳng hạn khi con Tý ba tuổi đang chập chững đi, mà vấp ngã, thì bà nội nó đổ thừa cho cái ghế, cho gốc cây, cho con chó Vện. Bà

nó cầm quạt hay thanh tre vụt lên cái ghế, hoặc vụt lên con Vện, miệng bà tuyên án : « Hư này ! Làm ngã cháu bà này ! » Chúng ta biết đó chỉ là một kiểu đổ trẻ con. Người lớn, ai lại tin như thế được ? Người lớn không tin, nhưng đứa trẻ thì tin. Con Tý thôi khóc ngay. Và những khi thằng Nam và thằng Tèo mách lới nhau, đổ tại cho nhau, thì mỗi đứa đều tin chắc rằng tất cả phần lỗi là tại đứa kia.

Người lớn khôn hơn đứa trẻ, vì đã thoát được một cái *vong thân* (phóng thể). Người lớn là người lớn, vì đã thoát được cái *vong-thân* của đứa trẻ. Nhưng người lớn vẫn chưa thoát được cái *vong-thân* của người lớn : điều này dễ hiểu, vì mỗi lần chấn dứt được một tình trạng *vong-thân*, là con người lớn lên được một độ trong tiến trình khôn ngoan. Tuổi *khôn* thường không nhất thiết đi được với tuổi sinh, có người sống đến tám mươi tuổi mà không khôn ngoan bằng một thanh niên hai mươi lăm tuổi. Nói một cách giản lược, người



nào càng tránh được những vong thân thì người đó càng khôn ngoan, vì mỗi khi bỏ được một vong-thân là mỗi lần con người ta nhận ra vai trò chủ-động của mình trong vũ-trụ.

Nhìn vào lịch sử triết-học, chúng ta dễ dàng nhìn thấy lịch-sử của những vong-thân đã lần lượt chi phối con người. Thời kỳ Thượng cổ, con người chỉ biết có vũ-trụ. Vũ-trụ là tất cả; con người là không, là một cái chi hoàn toàn thụ động, hoàn toàn bất lực đối với ngoại cảnh. Đó là khi con người còn định ninh rằng « trẫm sự tại trời ». Trời bất thế, phải chịu thế. Và nhất định phải chịu thế. Đó là thuyết *Định mệnh duy nhiên*. Trái lại, sang thời kỳ khoa-học chớm nở, con người có cuồng vọng muốn làm chủ thiên nhiên: con người ta đã nghĩ như Kant rằng « mình tưởng thế nào, vũ-trụ xuất-hiện ra như thế ». Descartes hay Kant, Hégel hay A. Comte, cùng giống nhau ở lập trường *Định-mệnh duy-tâm*. Duy-nhiên là vong-thân theo lối chính-đề; Duy-tâm là vong-thân theo lối phản đề: cả hai đều vong-thân, vì cả hai đã có đánh mất cái gì của mình. Trong thái độ Duy-nhiên, con người đã gán cho vũ-trụ những cái thực ra chính là hành-vi của con người; trong thái độ Duy-tâm, con người đã đánh cắp của thiên nhiên những cái thực sự của thiên nhiên. Cái chi cũng đổ thừa cho Trời, không chịu nhận lấy trách nhiệm của mình: như thế là đổ tại cho Trời những cái thực ra là tại mình. Còn như chẳng làm chi hết, chỉ ngồi mà lý-thuyết và bất mãn, rồi muốn người ta và thời cuộc phải chiều theo ý mình: đó mới thực là điên khùng. Họ điên khùng, vì họ muốn cái chi cũng phải do họ, tại họ. Họ phủ

nhận sự hiện hữu của tha-nhân cũng như Kant và Hegel đã phủ nhận vai trò chủ-động của trời đất.

Cả hai hạng người cùng vong-thân (vong thân theo nghĩa triết-học). Mà vong thân thì trở nên *trần tượng*. Mà trần tượng thì không tài nào thành công. Đổ tại Trời tất cả, thì làm sao mà thành công được? Muốn hành động một cách độc đoán, thì làm sao thành công được?

Sở dĩ chúng ta chưa hết thói đổ thừa, chỉ vì chúng ta còn vướng vào nhiều hình thái vong-thân của người lớn chúng ta. Mỗi lần muốn thoát bỏ một thứ vong-thân, chúng ta lại cần « lớn lên » một độ trong phương diện ý-thức. Đó là cái khó. Cái khó này nhiều khi phải đợi cả một trào lưu lịch sử mới thực hiện được: may phúc cho những dân tộc nào có giới lãnh đạo sáng suốt, biết đi kịp Lịch-sử! Vô phúc cho những dân tộc nào không đi kịp đà tiến của Lịch sử, vì sẽ bị bánh xe Lịch-sử và Tiến-hóa đè nghiền và bị loại ra ngoài vòng Tiến-hóa!

Nhìn vào hai mươi năm chiến tranh chống Cộng của chúng ta, nhất là chín năm dưới triều Ngô và ba tháng của chánh-phủ lâm-thời, chúng ta thấy gì? Chúng ta thấy một đảng thì *cái chi cũng đổ cho Cộng-sản*, đảng khác thì *hành động một cách độc đoán, cho thiên hạ là ngu ngốc cả*. Cái thói đổ thừa cho Cộng sản, có khác chi cái thói đổ thừa cho Trời mà chúng ta vừa nhắc đến trên đây? Tại Trời, nhưng cũng tại mình. Tại Cộng sản mà cũng tại mình nữa. Cái luật Biện-chứng pháp là chìa khóa giúp ta mở những bí mật của khoa Xã-hội-học: theo biện



chứng pháp, mầm mống mâu thuẫn bao giờ cũng có cả hai yếu tố, âm và dương, chủ-thể và vũ-trụ, tâm và vật, cá nhân và xã-hội. Không có âm thì dương sẽ không là gì hết. Không có chủ-thể, vũ-trụ đối tượng sẽ là một cái chi không tưởng. Không có tâm, thì vật là gì và là gì cho ai? Không cá-nhân, thì xã-hội là cái gì? Nhưng ngược lại, không có dương thì âm sẽ hoàn toàn vô hiệu như hư-vô; không có vật sẽ không có tâm v.v.

Trước kia người ta ai cũng tưởng rằng tự nhiên những con đống đánh sinh ra trong nước uống của chúng ta, và tự nhiên giòi bọ sinh ra trong sữa và trong mấm của chúng ta. Và người ta không biết làm cách nào để giữ đồ ăn khỏi thối, khỏi hư. Bao lâu người ta còn tin rằng tự nhiên mà có giòi, tự nhiên mà hư thối, thì bấy lâu người ta không giải quyết nổi vấn đề giữ cho thức ăn khỏi hư thối. Nhà bác học Pasteur đã đi tự nguyên tắc sơ đẳng của khoa học là « không có chi tự nhiên mà sinh ra. Mọi cái đều có nguyên nhân », và ông đã tìm ra cách giữ cho đồ ăn thức đựng khỏi hư thối. Ông chứng minh cho thấy rằng trong không khí có rất nhiều mầm mống sinh vật: hễ gặp được môi trường thích hợp, thì những mầm mống này nảy sinh ra men, ra bọ v. v. Nhưng nếu thiếu môi trường, thì những mầm mống kia sẽ nhất thiết bị tiêu tan. Thành thử những mầm mống đó chỉ nảy sinh và phát triển nơi những môi-trường thích-hợp như các thức ăn lỏng; trái lại, từng triệu mầm mống như thế vẫn luôn luôn rơi vào bàn, vào ghế của chúng ta ngồi, vậy mà không gây ra chuyện gì hết trời. Chúng

không gây được chuyện chi hết, vì chúng thiếu môi trường nảy sinh và phát triển.

Cái luật âm dương là thể. Những mầm mống kia, theo thuyết Pasteur, nhất thiết cần phải có môi trường thích hợp thì mới nảy sinh được, cũng như thiếu âm thì một mình dương không thể phát sinh ra chi hết. Như vậy, thiếu môi trường, tất nhiên những mầm mống do tuyên truyền Cộng-sản không thể nảy sinh được. Một người ít học đến đâu cũng nhận thấy rằng: bên cạnh những làng và những khu nhung nhúc Cộng sản, lại có những làng Cộng sản không làm sao gây được cơ-sở, tại vì những làng nọ là môi trường thích hợp, còn những làng kia thì không. Không cần phải là những nhà xã-hội học sâu sắc mới nhận ra sự thực đó.

Đã đến lúc chúng ta phải nghĩ như Pasteur, đừng đổ thừa cho Cộng sản nữa. Tại Cộng sản, và tại chúng rất nhiều, nhưng cũng tại ta nữa. Tại ta để thôn quê ở ngoài vòng sinh hoạt của Quốc gia. Câu nói của Thủ-tướng Nguyễn Khánh là một câu sâu sắc như ít thấy tự nhiều năm nay nơi giới chánh quyền. Ông nói: « Không thể để mãi tình trạng hai quốc gia ở miền Nam này ». Thực thế, dân quê sống lầm than khổ sở, nghèo khó bệnh tật, « ánh sáng văn minh và những tiến bộ của khoa học » không bao giờ lọt qua lũy tre xanh: có miền từng triệu người dân mà không thấy bóng một ông bác sĩ, trong khi ở đô thị nào là bệnh viện thành phố, nào là đường đường tư nhất, nào là nhan nhản những phòng mạch của bác sỹ. Y tế đã vậy, kinh-tế càng hơn thế nữa, và giáo dục cũng



hênh lệch không kém y-tế. Người ta có cảm tưởng như những người dân quê Việt-Nam không cùng một xã hội với những người ở Saigon. Chúng ta đã vô tình bỏ quên thôn quê, coi các miền đồng quê như ở ngoài lãnh vực sinh hoạt cộng-đồng Quốc-gia : Quốc gia chỉ là Saigon hoa lệ, và Quốc-gia muốn quên cái thắm cảnh Việt-Nam đồng quê vì thắm cảnh đó làm rầy rà cuộc sống hoa lệ của mình. Trong khi người dân quê đầu tắt mặt tối, lam lũ cơ cực *cả tháng*, chưa chắc kiếm được 500 đồng, thì dân Đô-thành vẫn dễ dàng *một tối* bỏ ra 500 đồng để mua vé vào cửa xem mấy cô đào Ba Lê biểu diễn nhảy nhót. Tình trạng bất an của những năm gần đây đã đào sâu thêm sự cách biệt giữa nhà quê và Đô-thành : dân Đô-thành không dùng tiền để đầu-tư vào kỹ nghệ và buôn bán, vì sợ mất, cho nên càng nghĩ sống cho sung sướng qua ngày : trong khi đó, vì thiếu an ninh, dân quê càng nghèo khổ hơn vì thất nghiệp, và thất nghiệp vì tiền của Đô-thành không dùng để khuyến khích trưong công nghệ, mà chỉ dùng để lãng phí xa hoa.

Chính tình cảm bị hắt hủi ra ngoài cộng đồng thịnh vượng, — chính cảnh lầm than, nghèo nàn, bệnh tật — chính sự

phân uất khi thấy lớp người giàu sang kia lãng nhục mình (cảnh xa hoa đài đĩnh kia chẳng là sự lãng nhục đối với những người dân quê cần cù mà cực khổ ư?) — chính đó là *môi trường thích hợp* cho mầm mống Cộng sản nảy sinh và phát triển ở thôn quê.

Có ai lại mất thời giờ ngồi bắt từng con giòi con bọ ở trong mấm bao giờ? Phải làm cho các làng hết cảnh « nhào bét » như mấm. Phải giúp thôn quê ngẩng đầu lên. Phải cho họ có cảm tưởng là thành phần của Quốc gia duy nhất. Phải xã-hội-hóa dần dần các sinh hoạt quốc gia, hầu *giảm bớt* (chưa dám nghĩ là *chấm dứt*) *những bất-công xã-hội* : như thế là làm cho các vùng quê hết là *môi trường cho mầm mống Cộng-sản*. Không thể mất thời giờ nhặt bọ ; nhặt xong chỗ này nó lại nảy sinh chỗ kia. Nhặt hai chục năm rồi mà có hết đâu? Hai chục năm ! Một thế hệ thanh niên rồi, có ít đâu? Phương pháp « nhặt » không dùng được. Phải theo phương pháp Pasteur triệt *môi trường* thì công việc bình định bằng quân sự mới có thể mang lại kết quả và như thế mới xứng với những hy sinh cao cả của quân đội ta

HƯƠNG-TỬ

### ĐÍNH CHÁNH

Trong bài « Viện Hàn-Lâm hay Viện-Văn-Hóa » của Đoàn-Thêm Báo Khoa số 175, chúng tôi có để những lỗi sau đây :

— Trang 1, cột 1, hàng cuối cùng : « *Về nguyên tắc, sự một cơ quan* » xin đọc là « . . . về nguyên tắc, một cơ quan » (bỏ chữ sự).

— Trang 5, cột 1, dòng 16, câu : « *muốn đoạt các mục tiêu đã vạch...* » xin đọc là : « *muốn đạt được các mục tiêu đã vạch* ». Cùng trang cột 2, dòng 23 : « *Các hội viên thực thụ và tham nghị* » xin đọc là « *Các hội viên thực thụ và tham khảo* ».

— Trang 8, cột 2, gần cuối bài : « *người trí thức do nước* », xin đọc là « *Người trí thức ao nước* ».

— Báo Khoa trong số này, 176, trang 6, đoạn cuối cột 2, câu : « . . . đủ điều kiện trình diện » xin đọc là « *đủ điều kiện trình diễn* ».

Xin cáo lỗi cùng tác giả và độc giả và mong các bạn sửa giùm những lỗi trên.

B.K.



# từng đêm thức giấc ● bây giờ, bao giờ

thơ hà-nguyên-thạch

từng đêm tôi thức giấc  
nhìn tuổi trẻ đi qua  
bàn tay khô áp mặt  
bóng tối không phai nhòa

từng đêm tôi thức giấc  
nghe tình yêu trở về  
nhỏ sợi buồn rung - rức  
đan kín hồn đam - mê

từng đêm tôi thức giấc  
mờ thoáng bóng tương lai  
mơ hay niềm mong - ước  
còn xa cách tầm tay

từng đêm tôi thức giấc  
biết còn có ngày mai ?  
quanh mình giun đế khóc,  
niềm then túi thân trai ?

và đêm nay thức giấc  
âm - sự ngộ cùng ai ?  
quê - hương nào đau xót  
trong tiếng sừng đêm dài ?  
rồi bỗng thềm trách móc ;  
tình yêu và hương lai,  
tuổi trẻ nào không mất ?  
khi đất nước tàn phai !

Sầu vương trên khóe mắt  
tôi về chiều quên mưa  
mùa xuân nào sắp hết  
dù một lần tiễn đưa ?

Gót giày vang lối sỏi  
biết mình còn hôm nay  
khoảng trời xanh tuổi nhỏ  
mây chiều lên nhạt phai

giọng cười ai đổ xuống  
lạnh hồi chuông giáo đường  
còn dây sầu âm hưởng  
giọng kinh cầu tha - phương...

hoài vọng bay lên cao  
mắt dong dầy bóng tối  
sao chiều lên đầu núi  
mình đi vào đêm sâu.

ngày bỏ tôi đứng lại  
làm quen dây cột đèn  
người bỏ tôi ở lại  
nhìn nỗi buồn lớn lên

bây giờ tôi ở lại  
biết bao giờ người quên ?

**hà nguyên thạch**

● trích : « Loài cây miền đất lạ »



# Hậu chiến

---

anh bây giờ như mùa đông tắt lửa  
thơ bay lên từng nhánh khói hao gầy  
và hơi thở mỗi mồn qua khuôn cửa  
nghe chiến trường đau đớn vỡ trên tay

●  
không còn gì ngoài quê hương nhỏ bé  
những tình yêu và sách vở cuộc đời  
anh mất em nhưng còn lời ru của mẹ  
ngàn xưa sau ôm ấp mộng bên trời

●  
anh lớn lên nuôi bằng nguồn hy vọng  
cỏ hoa thơm từng ý nghĩ yêu thương  
ngày thơ đó nghe buồn như muốn khóc  
anh trưởng thành trong chiến trận thể lương

●  
đành mắt sau lưng vùng kỷ niệm u hoài  
anh hiện hữu giữa đất trời hoang phế  
nghe rã rời từ giọng hát trong thai  
từ đôi mắt cô đơn chiều đồ lệ...

●  
anh bây giờ đi xa bằng thương nhớ  
thấp tương lai bằng ánh lửa mặt trời  
em vì sao cũng thời buồn nhắc nhớ  
mang quê hương niềm yêu dấu trong đời



# Vòng tay anh

● TÚY HỒNG

(xin xem từ B.K. số 175)

**N**ANG và mưa một lần giữa trời. Về nhà, bước hết bốn bậc thang cấp, tôi đứng lại chúi chân trên thảm và nhìn vào trong. Con bé giữ em đang hôn môi thằng Cu Nhỏ, nó đặt môi lên môi em tha thiết. Thằng Cu Thiết rất thương yêu người giữ nó, « nài » của nó, thương đến thuộc lòng những bài hát ru em. Nhiều hôm em chưa ngủ mà con nài đã ngủ trước, em ngồi dậy vỗ mông nài ru lại. Tôi nhìn chiếc má bánh sữa của thằng Thiết, sợ con bé trún nước miếng vào miệng em, toan la thì nghe tiếng đũa con gái lớn làm gái làm mụ bên trong nhà bếp.

— Cái đồ Hường-đạo chi mà tiện, Hường-đạo mà làm cho những người chung quanh mình chịu không nổi, làm việc cho ai mô, về nhà cha mẹ sai chi cũng không được, ai bảo chi cũng không vâng lời, cứng đầu, cứng cổ...

Không có tiếng đối lại, tôi tiếp sức cho sói con yếu đại nhất nhà, tôi la to :

— Đứng bắt chẹt em, chán chi người đi dạy mà về nhà không dạy được em, được con... Hường đạo được miễn việc nhà vì làm nhiều việc cho đoàn rồi.

Tôi xem tướng thằng sói từ thuở lọt lòng. Nguyệt mỏng sức chịu đựng, không tốt nhin khi chuyen bụng nên đã để bằng phương pháp không đau. Mẹ không đau lúc đó nhưng tinh thần con đau nhiều mai hậu. Lúc ấy vợ tội quá, tôi thua, nhưng về nhà tôi cần nhân bà gia, người đẻ ra vợ. Tôi nghĩ rằng Thế đang hung hăng dọn đường xông ra, vì đường ra khỏi mẹ tối và hẹp nên phải thúc, phải đập mẹ lại cầu viện khoa học để đàn áp con, khoa học làm cho con mềm, con dừ đi để kéo ra đời một đứa con yếu. Thế không mạo hiểm để thoát ly buồng nhau, không phấn đấu, hẳn



được nằm yên lành trong lòng tay bảo trợ của bà mẹ nên lớn lên hẳn kém nghị lực, nhiều ỉ lại, hẳn hoạt động theo đà lôi cuốn của kẻ khác. Càng lớn Thế càng trở nữ tính. Hẳn ngó mẹ mà bất chước không cần ngó cha.

Khi nào Nguyệt cũng cất trong hộp đồ làm tốt một củ nghệ để xức mụn cho mau lành và không có chấm tím. Thế lấy trộm bôi nhuộm vàng cả mặt, móng tay. Hẳn yêu cầu chị Hiền lấy kéo thêu cắt cụt hai hàng lông mi để mọc ra rậm cong và dài hơn.

Tôi lo ngại cho sức khoẻ của Thế, sức khoẻ mỏng mảnh không đủ để thức đến mười một giờ đêm học bài đều đặn. Lúc còn bé bỏng, Thế khóc từng cơn dai-dẳng, vợ tôi hoảng lên, quên cả cách dỗ. Bụng của Thế bây giờ cũng không sát vì chứng cam tích chướng lõi lõi rốn từ thuở bập bẹ biết nói. Sức khoẻ của Nguyệt cũng ít ỏi.

Tôi mới tra ra cho vợ con một phương thuốc lạ.

Sáu tháng nay nhà tôi nuôi cừ. Cừ là một giống vật nhỏ bé, có cánh dày láng bóng, cong cong úp trên thân thè, hình giống con bừa củi. Giống vật này háu ăn và đẻ rậm. Tôi xin một năm để gầy giống, trong sáu tháng đã đông đầy hai thau lớn. Miệng thau bịt một miếng ga làm lưới kiểm soát sự sinh hoạt bên dưới : những con cừ ăn, yêu đương và bài tiết. Chúng ăn toàn món cao lương như thế là có cha

đang làm Nghị-sĩ, ngày nào cũng gồm một thực đơn là mứt hạt sen, táo tàu, nếp thơm rang, chánh-hoài và cam-thảo. Ngũ-vị ấy được dạ dày loài cừ co dãn, thắt bóp cho nhuyễn trộn với nước tiêu-hóa của chúng để bài tiết ra cho loài người ăn lại. Phân của chúng là một vị thuốc hồi xuân, uống vào thì gọi được mùa xuân về với mình, nên dùng trong hai tháng nhất định lên năm cân. Khi ăn không cần phải bịt mũi nhưng phải có chuối có bánh ngọt để chấm hay là dùng thay muối mè để ăn với xôi đậu cũng tốt. Mấy đứa con của tôi cứ áy náy mãi sao cha không cho chúng hưởng những khẩu phần như của cừ mà lại bắt phải ăn phân. Lũ cừ ăn rất mau tiêu, trên ăn dưới xuất, Cừ không bao giờ uống nước, không chịu ấm, chịu lạnh tuy Cừ có đôi cánh dày làm áo giáp. Nếu Cừ bị táo bón thì trộn thêm Hà thủ ô có vị nhuận trường vào đồ ăn của chúng. Cừ bài tiết liên hồi nên Bên lái trứng nam phân. Hạt phân Cừ khô ráo, lấm tẩm như hạt kê. Sáng, trưa, chiều gia đình tôi đều có ăn phân Cừ.

Nguyệt đang lúi húi xốc cái thau Cừ đổ ra trên sàng, quay tròn tay cho phân rĩa xuống thì tôi đi vào, ngồi xuống, thắm một nhón phân đưa lên miệng ném rồi lằm phằm :

— Ngon, ngon.

Nguyệt cười bằng hai con mắt bồ câu, mặt Nguyệt có mấy nét hơi đăm.



Thân hình Nguyệt cô đọng khô rang, tôi sờ vào chỗ nào cũng đụng xương duy cái bụng sinh nở nhiều lần lỏng ra, mềm nhão, êm tay như nệm mút. Nguyệt ăn phân Cừu dễ dàng hơn uống mỗi ngày một lon sữa hòn núi. Nàng vừa nuốt vừa thoa dầu Nhị-Thiên, dọn lên dọn xuống làm tôi bất mệt.

Tôi thường an ủi vợ :

— Cây cối có thứ bậm, thứ mãnh. Tùy theo khí huyết, người ta cũng có kẻ dày người mỏng... đâu có chuyện ai ai cũng phải cân nặng như nhau em hi...

Trời thả mưa nặng hạt Nguyệt lo lắng :

— Máy đưa đi học chưa về... ở sáng nay không ai nhắc chúng mang áo tơi.

Tôi nhìn mâm cơm đợi các con về. Thăng Chân từ ngã bếp ôm cặp chạy vọt lên, người ướt đầm, nó chỉ mặc một cái quần đùi đỏ, Nguyệt la lên :

— Áo quần đâu?... Ai xiếc rồi. Trời ơi, khi sáng đi học áo quần hẳn hoi, chừ về nhà chỉ còn một cái quần đùi.

Tôi xông ới. Thăng Chân đưa tay chùi nước mưa rảy lung tung :

— Bãi ra trời mưa nhào, mấy tụi rủ nhau cởi áo quần đông phục cất vào cặp rồi một hai ba chạy đua một hơi về nhà.

Tôi ngăn ra :

— Ai nhắc cho mà nhớ mặc quần lót đó,.. giới đa.

Tôi không đề ý đến tuổi nào con

trai phải mặc hai quần đi học. Thăng Chân thường tự hào rằng hắn có bảy mươi lăm đồng đã mua được một cây viết máy sailor trong khi cô giáo phải đưa ra một trăm rưỡi để lấy hai cây bút vì người ta bán một biểu một.

Con Ty Ty đi học về quệt nước mắt từ ngoài ngõ. Hắn bị chó bà mợ cắn. Vợ chồng tôi bỏ buổi cơm trưa. Nguyệt chụp áo dài đi với tôi bắt chó giao thú y giữa những bộ mặt lạnh tanh của các người chủ.

Tôi ở nhà một buổi chiều để đánh « hắc chải » với con. Nguyệt đèn cho Ty Ty 5 lon sữa bò nấu đặc thành bánh và ba trăm gam nho tươi. Ty Ty vừa mân mê bảo vật vừa chơi đùa với cha. Thăng Chân, thằng Thiết vây quanh người bị chó cắn đang cầm chùm nho tươi. Thăng Chân bảo Ty Ty :

— Ty Ty cho thằng Thiết một trái nho rồi bữa mô thằng Thiết đau hẳn cho Ty Ty ăn cam lại.

Hiền nạt :

— Đừng đưa mô ăn của Ty Ty đó, Ty Ty phải tiêm thuốc độc vào người.... Thiết, Thiết đến đây chị thơm một cái... đưa trán đây rờ có nóng không nào... A.. nóng... đau thiệt ba ới... cho ăn cam cho rồi.

Thế, Chân, Ty Ty cùng cười, Hiền lại sờ trán Thiết :

— A... lạnh rồi, đau chỉ mau lạnh quá, khi hồi nóng như một cái lò bát quái mà chừ mát rượi. Thiết hết nóng, Thiết nguội rồi, nguội tanh rồi... ba à...



Rồi Hiền nựng em :

— Vuốt tai mai lớn

Vuốt trốt mốt lớn

• Vuốt cằm rằm lớn

Thằng Thiết cười bẽ ra.

Tôi nạm chắc hai mươi hòn sạn vụng về hắt ngược lên lưng bàn tay... văng ra ngoài hết, chỉ còn đậu một hạt. Tay tôi to, gân nổi như dây chằng, hắc hắc chụp chụp lẳng nhăng. Tôi mím miệng, liếc Ty Ty một cái rồi lấy sạn bỏ hẳn lên lưng bàn tay.

Thằng Chân la :

— Ba gian.

Hiền sửa em :

— Chân không được hôn với ba. Bàn tay Ty Ty đeo xâu cườm đỏ, mềm múp hắt sạn rựa ràng lằm. Tôi chụp hụt mãi. Ty Ty thương tình lấy dân mình bỏ qua ô tôi.

— Ba ăn rồi.

Hiền đính chính :

— Ty Ty không được nói ba ăn, phải nói ba thời.

Tôi cả cười quơ tất cả con lại ôm không xuể một vòng tay.

Tôi tha cho các con khỏi học thêm toán buổi chiều. Vì Hiền đã 16 tuổi, Nguyệt không mời người gia sư của các con về ăn ở luôn trong nhà. Tôi chợt thức giấc giữa đêm khuya, lồm cồm bò qua người Nguyệt, ôm gối ra ngồi trước bàn viết, tôi áp gối vào bụng nên cơn đau quặn. Tôi có thói quen đau bụng nhưng không phải đau theo

kiểu phụ nữ. Tôi nhắm mắt, dựa đầu lên thành ghế, miệng vừa lạt vừa đắng, tôi thêm một ly cà phê nóng. Vợ ngủ, con ngủ, người làm ngủ... giá có một vợ bé lúc này để thức dậy cùng pha, cùng uống cà phê với nhau. Tôi cả cười nghĩ tới ông Đốc hai vợ người cùng làng. Ông ta chia sãn một thời khóa biểu ái ân : ngày cô đơn nhưng đêm thì liên hoan, đêm nay phòng bà cả thì đêm mai bà thứ, vợ chẵn, vợ lẻ cứ chia đều đêm tiếp ông không hề lộn-xộn. Họ sống cuộc tình tam giác lúc nào cũng đầy hạnh phúc. Mỗi khi ra ngoài, hai vợ ngồi xe tay, ông đi xe đạp một bên. Hai bà vợ bao giờ cũng mặc áo dài cùng màu, bới tóc cùng kiểu, khổ người cũng hao hao trùng nhau ; bà cả coi bộ trẻ hơn, duyên hơn, búi hơn. Tôi nghĩ trệ đến Nguyệt và Thảo. Nguyệt thì tôi đã thuộc lòng cả tâm hồn lẫn thân thể và Thảo thì đối với ai cũng còn mới. Những người con gái như Thảo thường đem tâm hồn ra để sống. Khi họ kêu đau, tôi ngậm hiều có nửa phần đau không phải uống thuốc mà lành. Mắt họ tích trữ rất nhiều nước để khóc. Tôi mệt vì chỗ đó, nhưng tôi lại sợ những người con gái khô. Trong sờ, những cô hay làm điệu, làm dáng cho cái tâm hồn thường ốm o-xo-bại, đêm thì quên ngủ, ngày quên ăn... rút cnọc rồi cũng lập gia đình, chám hết, chưa chết mà cũng cho hết đi. Đời hết nghĩa rồi !

Tôi nhìn trời ngoài cửa sổ một



lát và thấy mình nghĩ không ra một câu tả cảnh. Phòng bên cạnh, thằng bé Thiết dậy khóc đêm đều đều một giọng. Phải cho nó một điềm xấu về hạnh kiểm. Thằng bé chưa có em nói đuôi cứ tưởng mình là Út và đời thì cái gì cũng bỏ cả. Tôi nghĩ :

— Nhét dẻ vào miệng nó trám lại. Tôi ngáp. Tôi đặt tay lên bàn và một xấp giấy cầm đọc :

... « Em chép tặng chị gái bài hát « Chiều mưa Công-viên » và cắt « tặng chị bài thơ đăng trên mục « Vườn hoa văn nghệ ». Em bị chó « cắn, đêm nào cũng không dám « ngủ, sợ hai mắt đập kín lại sẽ « nằm mộng thấy mình bị chó cắn « thêm nữa nếu em cứ chong mắt « to ra nhìn ngoài cửa sổ. Nhưng « con sao tròn ra chơi trên Trời, « chúng đứng riêng thì thăm thật « dịu-dàng ; không khoát tay nhau « cũng không vật bậy, thỉnh thoảng « nhiều con chạy qua mặt bạn bè « cũng không bóp còi. Trên Trời « không ai nói, còn dưới đất thì « ngày đêm làm chuyện nhưng thỉnh « thoảng Trời cau giận, nạt nộ ăm « ăm rồi khóc, rồi nín. Chỉ mùa « đông Trời buồn dai và đất bị lạnh « vì gió thổi. Còn sao thì hay ra « hóng mát mùa hạ. Ở trên Trời « Phật an-ninh và không có xe cộ « nên vợ chồng nhà sao mới thả « con ra chơi giỡn cả đêm như thế « chứ dưới đất mình, chị Thơm mới « thả tay em ra một cái là con chó « chạy tới lăm miếng thịt liền. Mẹ « sao lúc có thai chắc ăn toàn « trứng cá nên mới đẻ ra một bọc

« trứng sao thả chơi cùng Trời »..

Đó là cái thư Ty Ty gửi cho chị giúp việc cũ. Tôi xếp những tờ giấy lại, vuốt góc cho thẳng, đè dưới quyền tự điền. Sáng trăng ở những cửa sổ không đóng. Tôi vào phòng Ty Ty nhìn con nằm ngủ lơ mơ trong mùng một lát, rồi nhón gót quay ra ngủ lại bên cạnh Nguyệt.

Tôi bóp tay Thảo, kèm chân nàng nịu rì lại, chàng không bỏ sót một cử chỉ nào trước khi sắp bất tỉnh của người con gái. Tôi nâng Thảo lên nhưng nàng vùng ra, chùi mặt vào cánh tay, hai má trắng bạc. Thảo cố dờn tất cả cảm hờn, thương tổn lên hai con mắt quắc dữ, vành môi dưới bĩu dài khinh tòm. Tôi ôm Thảo vụng về mạnh bạo, bàn tay an ủi khắp thân thề nàng.

— Em biết anh có vợ con rồi, anh phải thả em ra để em đang hoang suy nghĩ, đừng đàn áp phản ứng của em.

Tôi không sợ những phản ứng hiền lành. Thảo bật khóc. Không khóc mới đáng ngại chứ khóc được là dễ được. Hai mắt nàng bắt đầu xấu trước, cái mũi nở ra, rồi cái môi trên, rồi da mặt mất màu. Nước mắt rứa cầu thả bụi phấn trên da mặt lặn, trên nền áo ny lông không thấm nước. Tôi hôn Thảo từng hơi thở, tôi ngửi da thịt nàng. Tôi kiên gan đợi nàng nín, ôm riết nàng, sai tay tôi cột chặt thân thề nàng di chuyển từ bầu ngực đến lổm eo. Mười ngón tay tôi cứng dưỡng những chỗ



nhiều thịt trên thân thể Thảo. Nước mắt Thảo trào ra từng nhún, nằng khóc từng hồi. Lúc khuôn mặt nằng tạm khô ráo thì hai vành mắt mọng nước lại chớp chớp, tôi biết nằng khóc cơn khác, tôi chà mặt lên mặt người yêu vừa chùi nước mắt vừa hôn... Đàn áp phản ứng... Thảo phải ở trong phòng tôi cho hết độ sâu thăm mới ra về được. Tay chân Thảo rất yếu, rất run, như rã ra từng khớp, nằng phi nước bọt lên mặt nằng và mặt tôi. Thảo khinh và tôi lờ đi. Không cho nằng về. Tôi thấy rõ rằng tôi đang trở thể công; đàn ông trước phụ nữ thì trường hợp nào cũng nên nên khởi công. Đàn ông luôn luôn tiến, đàn ông không lùi. Đời là những cuộc khởi công. Đàn bà như Thảo bao giờ cũng chỉ biết thủ thế dù đối với người yêu. Hai người bên công bên thủ. Tôi vừa đỡ một đứa em lớn vừa phá một người tình nhỏ. Thế thủ của Thảo không kín, không vững, không bền. Tay nằng yếu và ý muốn của tôi thì hung dữ. Tôi có dụng ý muốn đàn áp phản ứng, muốn chịu đựng cơn giận của người yêu. Được Thảo thương trong ba năm chưa chịu đủ, tôi cần phải để lại ấn tượng cụ thể, phải ghi trong xương, khắc trong thịt cho tình yêu mặn thêm, đắng thêm, còn dấu vết. Tôi không để Thảo lên cao, hạ nằng xuống lúc này cũng không ai biết. Thảo có bao nhiêu điều kiện cao hơn tầm với của hạng đàn ông trung bình. Ba năm theo đuổi hao tổn tinh thần!

— Thảo còn thương anh, anh

đừng xúc phạm...

Tôi liếm những giọt nước đọng trên môi Thảo rồi nói:

— Thương anh cho đến khi lấy chồng rồi nghĩ... em Thảo hí... Anh xin em cái thời gian bỏ trống này... cho anh xin... em.

Thảo cười khinh, cho hơi ra hết bằng mũi. Tôi vuốt hai con mắt nhắm, vành môi trề.

— Anh Biên, có giây phút nào anh thấy tội em không?

— Vào phòng anh rồi thì đừng nói chuyện tội. Đừng bắt anh làm trái với thiên nhiên...

Thảo gỡ tay tôi, nằng từ tốn bảo:

— Anh Biên, bây giờ mới biết anh đã có gia đình. Anh có gia đình hay là không thì cũng chỉ một anh mà em đã thương... Một là em chịu anh... hai là em kêu cứu. Chịu anh thì chỉ một mình anh biết. Tình thế không lấy nhau được khiến em lại càng yêu nhiều, khao khát... đó anh cứ làm và sau này có chi thì anh hối hận.

Tôi đưa tay thoa vuốt mặt nằng, đánh phấn tường tượng cho hai chiếc má ỏm. Hai môi Thảo không cười nhưng vẫn lộ hàm răng trên, mắt Thảo tề đại như tôi vẫn thường coi trên mặt đào xi-nê...

... Thảo khóc lại, rên rĩ, nằm vật lên gối, chùi nước mắt lên nệm. Tôi để cho khóc. Mũi nằng sinh lên, nằng khóc đòi lại, khóc bắt đền, tiếc nuối. Tôi xoa bụng nằng:



— Cho rồi còn đòi lại . . .

— Tôm . . .

Thảo đưa mặt ra phía khác. Tôi rút đầu châm thuốc hút. Thảo quay vạt đầu lại, vung mạnh tay chụp điếu thuốc trên môi tôi.

— Vứt điếu thuốc đi. Anh lợm em rồi phải không? Anh xin em dễ quá . . . Với vợ anh không bao giờ anh hút thuốc cả . . . với vợ, người đàn ông không tráng miệng bằng thuốc lá . . . với tình nhân hay với gái cho thuê, người đàn ông mới có cử chỉ cầu kỳ . . .

Tôi nhìn Thảo một phút, Nguyệt không nói ồm như Thảo. Nguyệt chịu tôi và ngủ liền dễ dàng.

Tôi nhóm dậy bảo Thảo sửa soạn ra phố.

— Em đừng tưởng, mấy chị bạn em cũng làm như em, không ai hơn em đâu.

— Nếu họ có lỡ ra thì người yêu của họ sẽ cưới họ.

Tôi chải tóc cho nàng :

— Thôi, thôi, kiếp sau anh sẽ lấy em đang hoàng và không ngoại tình . . .

Thảo quay miệng vào tai tôi :

— Lỡ kiếp sau anh làm chó mà em vẫn tiếp tục làm người. Thôi đừng hứa nữa. Bây giờ em mới thấy rõ chân dung của em. Em không là gì đối với anh cả. Có hai hạng đàn bà, một hạng, đàn ông phải trả tiền công trọn đời hạng đó hạng vợ không làm ai lợm giọng. Hạng sau là hạng phải trả tiền công

mỗi chuyến. Em không có hạng, em ngoại lệ, em để cho anh dẫm lên để chuốc lấy lợi tức là sự nhục nhã.

Tôi nói :

— Thôi, thôi đi chơi đi để cho không-khí thành-phố làm loãng cảm giác đi. Ở trong phòng này em bị đe dọa nói bậy mãi. Đi ăn cơm với nhau một bữa. Chưa ăn cơm với nhau chưa phải là vợ chồng . . .

Thảo cười :

— Chưa ăn cơm với nhau, chưa phải là vợ chồng . . . em ăn có chục bữa ăn với bạn trai . . .

Tôi thích vòng eo và cái bụng chắc chắn của Thảo. Bụng Nguyệt mềm nhão. Tôi đi mau khiến Thảo phải cố gắng. Tôi đưa tay vuốt lớp mỡ hôi dầu nhờn nhờn trên mũi. Phụ-nữ thường thích da nhờn hơn da khô cho dễ ăn phấn. Đường phố có nhiều mắt theo dõi chúng tôi. Sáu giờ chiều trên tay tôi, ngày muộn rồi, đời Thảo cũng muộn rồi.

Thảo nhìn con đường thẳng rồi nói :

— Lấy ngang chồng người khác như em thật là đoán hậu. Vợ con anh phải làm đơn xin lại chồng, xin lại cha tôi mới tha . . .

Tôi thấy đói bụng, Thảo hỏi :

-- Anh được mấy đứa con rồi.

— Năm.

Thảo cười :

— Ôi chao tọạ họa rồi.

Tôi đứng khựng, nhìn nàng một lát rồi nói :



— Con gái đầu lòng của anh rạ ràng lắm, nhờ được rồi, mới đậu trung học, giỏi nhất lớp. Con anh đũa nào học hành cũng có phần thưởng cả.

— Con gái đầu mấy tuổi?

— Mười sáu.

— Con gái đầu lòng đã 16 tuổi. Anh cũng gần có rề rồi đó. Chắc anh giáo dục con gái kỹ lắm, dày lắm: yêu ai thì phải hỏi xem người ta đã có vợ chưa đã, xem cái người mình yêu có ra chi không đã, không được cướp chồng kẻ khác, không thêm làm vợ bé ai cả. Nhờ vào mặt những thằng đàn ông đã có vợ có con rồi mà còn bầy mình, lấy guốc phang vào đầu chúng.

Rồi Thảo xuýt xoa tiếp:

— Ôi chao, dễ thương ghê hí, em thương quá, cho em một đũa. Còn chị.

— Vợ anh hơn em chừng 5, 6 tuổi, đẹp, lấy chồng sớm, trông còn trẻ như em...

Thảo đi chậm lại nghe, Biên kể tiếp:

— Không phải anh ngoại tình mà phản bội vợ anh đâu, anh vẫn ăn ở đảm thắm như xưa. Nhưng anh cũng thương em, thương cách khác... Vợ anh còn trẻ, chỉ hơn em năm tuổi thôi...

Thảo kêu mỗi chân.

— Vợ anh lấy chồng lúc 17 tuổi, chừ còn trẻ mà con đã lớn...

— Nghe rồi mà... À anh Biên,

thôi mai mốt anh về tạ lỗi chị, xin phép chị cho em ở chung một nhà với... Em coi sóc các con đề anh chị rảnh tay yêu thương nhau.

Vai tôi chao nhẹ đựng vai Thảo.

— Anh Biên, anh ngủ với em có khác chi anh ngủ với chị... hay là anh đã ớn chị, ớn từ trong tâm ớn ra mà anh không biết.

— Tâm tính em lúc này đáng ghét như một trái khồ qua... không phải cái đắng già nhiệt của rau má hoặc cái đắng mát của nấm tràm, mà đúng là mướp đắng.

Thảo nổi xung:

— Quá đáng... nhân tình là mướp đắng, là mặt cưa, là xái... còn vợ là phần thưởng ưu đẳng suốt cuộc đời.

Đi ngang qua chiếc xe của Ty Thông tin, thấy con thiên hạ bám xe rờ rịt, tôi nhớ đến con mình. Thảo nói chậm rãi, nhìn thẳng:

— Anh thì thôi. Có vợ con như thế mà còn đi ngủ lang mái nhà đối với đàn ông chỉ là một chỗ để nằm ngủ... thỉnh thoảng họ chán cái giường của họ, họ đi tìm những cái giường khác, họ còn tìm thêm ở ngoài, tìm hạnh phúc phụ tùng.... Anh Biên... Em không làm gia đình anh xáo trộn... nhưng nếu chị biết, chị sẽ buồn, chị chẳng đề yên... Chẳng thà anh đi chốc lát với những con mèo điếm kêu đêm. Em không dám yêu anh, anh sẽ về yên vui với gia đình.

— Em đừng nói nữa, nếu gia đình anh khổ, thì anh là người khổ trước.



Ta vào đây ăn cái gì đã.

Đàn bà không ăn no được trong tiệm. Tôi vừa ăn vừa uống. Thảo vừa ăn vừa lo, vừa khó chịu. Nàng chỉ cầm đũa đề theo dõi bữa ăn của mình, thật khó khăn, Thảo chống tay nhìn mấy đĩa đồ ăn và lưỡng lự không biết gấp món gì lựa món gì cho đặc biệt và nàng và lạt, miệng vẫn nhai mãi một miếng cơm trắng. Thảo quên cả miếng cơm sắp ngọt trong miệng. Tôi gấp chút thịt gà cho vào bát Thảo.

— Em dạn lên một chút và hãy can đảm.

Ánh mắt chao nghiêng, vành môi dưới của Thảo xệ ra như nam tài tử Âu-Mỹ, nàng nhe đôi hàng răng dày khời miếng thịt rồi đề xuống :

— Anh thời đi... người Huế khoái thịt gà luộc xé bóp muối tiêu rau răm, còn người Bắc chắc rằng nên thích cắn thịt gà chặt khúc chấm với muối tiêu. Mình thấy người Bắc khôn hơn liền... Anh hí, thịt gà xé nhỏ lộn xộn phi tang mất tích, bà nội trợ có ăn chùng trước một miếng không ai biết, còn thịt chặt ra từng miếng to theo cách Bắc thì chịu, không ăn chùng được, thịt chặt ra rồi còn phải sắp lại cho có thứ tự, theo hình cũ cho tử tế, sắp lên đĩa đề bà gia hoặc chồng đếm lại, kiểm sát,, mất một miếng là lời ra ngay...

— Ừ hí, anh không đề ý.

Tôi xích lại gần nàng, đặt tay lên đùi nàng. Vạt áo dài lệch ra, tôi thấy hàng nút bóp trên chiếc quần nàng.

— Da Thảo mịn quá, anh thấy những chỉ gân đỏ...

Thảo giảng lý do, đối với Thảo cái chi cũng có nguyên do cả ;

— Lúc mới đẻ em ra, mẹ tỉnh dậy là le lưỡi liếm hết cả người em, từ trán đến cổ, kỹ nhất là mặt nên chừ nước ọa mới trơn láng, nước miếng của mẹ là thứ kem... kem tiên... hơn nữa lúc đó da sữa hài nhi. Ai mà được mẹ liếm từ lúc mới đẻ thì lớn lên da đẹp, không thấy lỗ chân lông, không có trứng cá. Em đã được làm tốt, được võ trang từ khi ra khỏi mẹ...

— Nàng máy miệng nói nữa :

— Anh Biên này, ở nhà Thảo ăn mặc nhóp lấm, mặc toàn đồ cũ thôi... Có bữa ông bạn của anh về Hằng đến thăm có nói với anh : « Anh nuôi con ở mặt mày khá quá ». Phụ nữ phần nhiều ở nhà không đẹp. Anh nhìn đàn bà, anh định giá hình thức của họ căn cứ vào lúc ở nhà, hay lúc ra ngoài ? Hay phải đem tâm hồn ra cứu vãn hình thức.

— Đàn ông thường có cái nhìn chịu vợ... Em Hằng này, trong thời gian quen biết anh, có ai ưng em không ? Em có vì anh mà bỏ rơi ai không ? Có đá ai không ?

Thảo cười nụ :

— Em có những cử chỉ, lời nói biểu lộ cho người chung quanh hiểu rằng em đã có anh rồi... em giận ông nội đặt tên em là vị thuốc Bắc... à mà anh Biên này... em có xấu lắm không ?



— Không.

— Thảo cúi mặt nhìn hai bàn tay mình đang rời nhau. Tôi trả tiền kéo nàng đứng lên đi ra. Thảo cúi xuống nhìn áo quần nàng và đôi giày của tôi... Bỗng tôi đứng

khững lại, bỏ rơi nàng mấy bước, hai chân tôi như bị dính dầu hắc lát đường... Tôi cứng người, nhìn như đóng mắt vào một thiếu phụ đi giữa hai đũa con từ đằng xa.

— Vợ anh, em tìm xe về đi...

Ngày . . . . .

Anh Biên,

Phải can đảm lắm em mới viết được cái thư này. Bây giờ em không còn mơ ước chi nữa dù chi mơ lấy một ông chồng tầm thường như em, hoặc một ông chồng già như anh. Những người con gái chuyên quyền thường thích lấy người hơn tuổi mình một giáp, giáp rưỡi. Lấy chồng già cốt để cho lão chồng biết cái lỗi già đó mà chìn chuộng chứ không phải thả lỏng cho ngang sức nhau đâu. Em cũng nghĩ thêm rằng anh không có thương em, em đi lui. Hôm biết sự thật, em vẫn còn bám vào quá khứ, ba năm đầy tình thương nhưng sau bữa cơm ăn chung trong quán thì hết.

Trước khi giựt đứt tất cả những dây liên hệ với anh, em cần phải thưa rõ. Em chỉ có lỗi với anh là không đẹp bằng trông bóng. Người thợ ảnh chụp, không phải em chụp gian . . . Chẳng lẽ em lại gửi vào anh cái bóng em trong thẻ, kiểm tra bọc nhựa có ghi ngày sinh tháng đẻ, tên cha tên mẹ. Trong thẻ đó mặt em vừa dài vừa hóp . . . Chẳng có ai thích bóng mình trong thẻ kiểm tra bọc nhựa. Từ đây có lẽ người ta chỉ nên trông bóng hình nhau trong thẻ căn cước bọc nhựa để giữ cho mộng đừng vỡ khi đổi mặt. Anh cũng làm em và làm nhẹ. Rồi đây anh còn làm nặng nữa nếu anh chỉ yêu đàn bà vì thân hình. Trong chiếc áo dài, cái thân thể nào tuyệt mỹ nhất là cái thân thể nhiều chất già nhất. Điều đó không cốt rập tâm đánh lừa đàn ông mà vì chuộng mỹ thuật và vì uy tín của chiếc áo dài Việt-Nam.

Khi em hỏi anh : em có xấu lắm không ? thì anh bảo : không... Em không thích cái thiệt thà « một cục viên thành một hòn đá ». Em muốn anh trả lời khác, tí dụ : đối với anh, em quá đủ rồi.

Sao anh lại tấp em vào căn phòng cho thuê trá hình khách sạn đó. Vào đó rồi thì còn chi là em nữa. Đau nhức buốt thân thể và sợ đến tê liệt thần kinh hệ.

Cái phút mất tâm, thôi rồi đời con gái, cái phút đả anh buổi tiệc một đời người đó, em đã khóc bất đến, khóc dầm dề, tuy có sự



đồng tình của cả hai, em phải khóc lóc thật áo não để họa may làm anh hối hận . . . Đàn ông có khi nào hối hận không anh ? Chuyện mất mát này chỉ có một cách bồi thường là người đàn ông phải cưới, hành động duy trì và chuộc tội . . . nhưng anh bị mắc gia đình . . . và anh cũng muốn em đeo anh nữa . . . Anh đã cho em cái chỉ không thể lấy sự mất mát để ràng buộc. Thật tội cho người đàn ông phải lấy em sau anh . . . em sẽ quì xin lỗi người đó, thú tội với họ rằng em là đi. Trước kia em lành, sau này em ngoan nhưng em đã làm đi chính lúc ở trong vòng tay anh . . . vòng tay anh, vòng tay anh . . . Có kẻ chỉ điên trong khoảnh khắc giết người mà thôi, ngoài ra họ tỉnh, họ bình thường như anh, như em. Anh phỉ báng em đi . . . Hư cho lắm thì cũng đến làm đi là cũng . . . đi không phải là một nghề của đàn bà sao ?

Thôi anh, nếu không thôi, em sẽ mất thêm, hôm nay mất trinh, ngày mai mất tiếng, ngày mốt mất nhà, mất cha, mất mẹ . . . Anh đừng tin huyền là em to gan, táo bạo, dám sống bất chấp luật lệ loài người. Em tiếc vô cùng gặp anh quá chậm, chị đã lấy anh trước rồi và đẻ ra con. Em sợ chị quá, sợ nhất trong loài người. Chị sẽ trừng trị em. Trời ơi ! Xõn tóc, bóp muối, tạt át-xit, nhỏ nước mắm vào lỗ mũi . . . rồi gia đình, rồi nghề-nghiệp, dư luận thiên hạ . . . khủng khiếp quá đi anh ơi mà tình anh thương em thì không được mấy sản. Vòng tay anh đang ôm gia đình, ôm vợ, ôm con, chặt hết cả rồi, còn chỗ nào cho em lọt vào nữa. Em không muốn là đũa đứng ngoài để khờ, để lay giựt, níu kéo vòng tay sắt đó. — Đi đi cho rồi ! Đàn ông người ta định nghĩa vợ như thế này : Vợ là người mẹ thứ hai trẻ hơn mình. Cam-Thảo ! mi đi chỗ khác mà chơi đi, không được chi mô. Dù tình tình mi có tốt, có dễ thương đến đâu ta cũng không quên vợ ta cả ; dù đạo luật gia đình có bãi bỏ, ta cũng không bỏ nghĩa tao khang. Họa chẳng vợ ta có chết yếu, khi đó ta mới kêu mi vào điền chỗ. Mi đã đẻ cho ta đặc cử trên thân thể mi thì mi phải chịu.

Anh phá hư người em, phá hư đời nữa. Giờ đây em ngủ không được, vết thương thân thể khiến em thức trắng đời. Giữa khuya, đầu sáng em khóc.

Còn một cái tệ nữa, cái tội nữa, là anh không tin em, anh nghĩ rằng em yêu anh trong lúc đợi lấy chồng . . . năm tháng dài bỏ không vô nghĩa để anh lấp đầy cho.

Anh Biên, em mang danh cướp chồng thiên hạ mà chẳng cướp được chi, lại còn bị tước hết cả lộc con gái. Anh không thương em, hãy để cho người khác thương. Em đại bại cả đầu lẫn đuôi.



Anh Biên còn nhớ lúc ra khỏi hàng cơm, anh bắt chợt có nhận bà nào đó là vợ anh không? Anh đã đuổi em đi để đến với người mà mà anh ngờ là chị. Vì đó mà em nhất thiết phải thôi anh. Xa anh vì anh không thể làm chi khác hơn chuyện xưa em lên xe về đi... Sao anh không dẫn em đi lẫn một ngã nào?... mà thôi trăm người đàn ông có vợ đều là anh. Chẳng những anh không đủ sức bảo đảm an ninh cho em mà chính anh là kẻ phá rối nền an ninh của em. Yêu anh để mà luôn luôn sống trong tình trạng báo động sao? cả đời cứ lên xe về đi sao?... yêu anh để có đàn ông mà không tìm được chỗ nương dựa sao? Em thấy quá rõ thân phận em lúc lên xe về đi nên em nhất quyết phải đổi một thân phận khác, rất dễ đổi. Thôi anh, lần gặp gỡ này coi như một gạch ngang xóa bỏ tất cả những gì thương xót dồn được suốt ba năm trời quen nhau trên giấy. Bỏ hết, bỏ hết, mặt sạch cả đời con gái hối tiếc quá rồi... vòng tay,.. ba năm làm vợ tinh thần, một ngày biết rõ sự thật và bằng lòng hiến thân... Thà không người... Tôi ôm một mối thù mà suốt đời không bao giờ tôi muốn báo hay rửa »

Ký tên : CAM-THẢO

\* SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN

# DESCOURS & CABAUD

## BẢO HIỂM

27-29, Đại lộ Hàm-Nghi — SAIGON

Điện-thoại : 23.739

ACCIDENT — INCENDIE — TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Tai-Nạn

Hỏa-Hoạn

Hàng-Hải

Linh-Tinh

ĐẠI-LÝ

của

MUTUELLE GÉNÉRAL FRANÇAISE ACCIDENTS

CENTRALE — RHONE MEDITERRANÉE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi nhánh : PARIS — TOURANE — CHOLON — DALAT — CANTHO  
VIENTIANE — HONGKONG TANANARIVE — TAMATAVE ABEIDJAN DOUALA



## tâm sự

trọn vẹn cho Nguyễn và Bửu



thằng con trai mười tám  
lớn lên với nỗi buồn  
một bàn tay rỏ máu  
một vết thương trong hồn

đi giữa đời quanh quẽ  
khuôn mặt nó buồn tênh  
mỏi sầu cao thành núi  
sự nghiệp còn lênh đênh

bạn bè dăm bảy đứa  
tay vẫn còn trắng tay  
lang thang cùng thành phố  
tựa lưng trời mây bay

nhiều đêm trên hè vắng  
hai đứa ôm nhau về  
đường khuya mưa thấm lạnh  
ngồi núp dưới hàng me

có hôm mình cơm bữa  
chia nhau ổ bánh mì  
nằm hút chung điếu thuốc  
nhìn mây khói bay đi

chuyện đời mưa tiếp nắng  
cơm tưng hơi muối dưa  
một thằng ra đi lính  
không ai buồn tiễn đưa

túp lều tranh nhỏ nhỏ  
che linh hồn bơ vơ  
ánh mặt trời còn đỏ  
nên nó còn làm thơ

thằng con trai lớn lên  
giữa loài người lặng lẽ  
trong cánh tay của mẹ  
trong tâm hồn của cha

(Tam-Kỳ 2-63)

ng nh sa mạc

## CÒN ĐI

Đâu khi vườn sự thật?  
Sao sương mờ nơi nơi?  
Hai mươi mùa xuân chết  
Đi tìm định nghĩa đời



Dù dăm lần thua lỗ  
Dù mấy chuyến đời đời  
Những tuổi đời sóng gió  
In nét hằn đơn côi.



Làm kiếp bèo phiêu bạt  
Trời xanh và đại dương  
Thời già từ bến cát  
Mà xuôi về muôn phương



Mang thân loài đà điểu  
Sa mạc này xin qua  
Mơ bóng dừa đứng rũ  
Cùng nước ngọt quê nhà



Nhớ thương vàng mái rạ  
Quê hương ngoài chân mây  
Mẹ già như chiếc lá  
Trên cành lo heo may



Tàu xa không dừng lại  
Khói chiến lên bên sông  
Sân rêu đường ngóng đợi  
Người xưa còn tang bồng

TÀN HOÀI DẠ VŨ



# Ghen

tháp chuông dài giao động  
bóng em lướt qua mau  
tiếng chuông ngày lễ trọng  
nghe hồn vui rất lâu

em là chiền xóm giáo  
môi hồng mấn chúa luôn  
em thiên thần ngoan đạo  
thơm làn hương hương thơm

say sưa lời tình tự  
em còn nhớ ai không  
bết đâu vì thiên sự  
cũng nghe lòng băng khuâng

có một người kiêu ngạo  
ghen với chúa hôm nay  
yêu là một tôn giáo  
ai làm tông đồ đây

tháp chuông dài đờ bóng  
người em nhỏ về đâu  
bao giờ ngày lễ trọng  
nghe thiên thần hỏi nhau

nhớ về hôm lễ trọng  
thời gian thường đi mau

THÁI-HỒNG

## bài thơ của người đi đêm

Con đường nào sẽ đến  
Anh hỏi thăm lá cây  
Nỗi buồn bao giờ hết  
Anh nhìn đôi bàn tay

Gió xao trời tháng lạnh  
Nhớ áo em màu rêu  
Căn phòng êm môi nhỏ  
Vớ mắt đen hồn chiều

Một lời trao rất nhỏ  
Vớ bao thư màu xanh  
Mùa đông mưa bụi đỏ  
Có vớt hồn mong manh

Lối về mưa thì thăm  
Mắt nhìn em vội vã  
Mưa còn rơi đầy sân  
Mưa trong hồn mới lạ

Ươm từ trong quá khứ  
Này tình yêu cho em  
Tương lai như lời hứa  
Này sao đêm vô biên

TRẦN-QUANG-LONG

## Chiến tranh và mục tàn

những thân người co quắp,  
bê bết đầy máu khô  
mắt trừng nhìn trời đất,  
im lìm như giấc mơ

nền trời giăng mây bạc,  
suối khô dòng nước xanh,  
những cây khô mục nát,  
loài vật nhỏ xây thành.

sự cô đơn trống rỗng,  
loài quạ đen kêu rêu,  
mùi hôi tanh lợm giọng,  
tôi gục đầu đắm chiều.

xin đóng cửa mắt lại,  
đề mặt trời nhìn tôi!  
vớ tia dài hấp hối,  
uất hận không ra lời

YẾN-NGUYỄN-THANH



# FRANZ KAFKA

## MỘT NHÀ VÔ ĐỊCH NHỊN ĐỐI

(*Ein Hunger Künstler*)

● HOÀNG-MINH-TRÍ

### Lời người dịch.

*Kafka* (1) người đầu tiên đã vạch rõ những thác loạn của tâm linh, một khi mọi tạo dựng của khoa học loài người trở thành tương đối và bị « phá sản » trước đòi hỏi vươn tới cõi tuyệt đối ; đòi hỏi ray rứt bí mật của tâm linh ám ảnh ngày đêm Pascal, Dostoïevski đã biết những hoang mang xao xuyến đó, nhưng chưa từng gán cho nó một tầm quan trọng đích thực và cả Kierkegaard cũng vậy. Tác phẩm *Kafka* không mở ra một chân trời mới sáng đẹp, *Kafka* khép tác phẩm của ông trước chân trời sáng đẹp đó. Đọc *Kafka* ta có cảm giác bước vào một hang tối, không lối ra. Trong đó *Kafka* cảm hờn gào thét, khóc lóc thảm thiết tìm một lối đi dù vẫn biết là hoài công vô ích. Ở trong hang sâu, trong xác con bọ, hay trong cũi bao giờ và ở đâu *Kafka* cũng vẫn thấy mình lạc loài, cô độc. Loài người hung bạo vẫn hiền lành *Kafka* và *Kafka* đã là nạn nhân đau đớn nhất của thời đại ngờ vực, của cuộc đời phi lý, nạn nhân của những đau vật tâm linh, khát khao tìm một chân lý tuyệt đối ; bệnh lao cũng là kết quả của những ám ảnh hư vô, khát khao chân lý đó. Giòng máu đen thẫm ấy lưu chuyển trong huyết mạch *Kafka* trào ra ngòi bút viết thành tác phẩm.

(1) *Kafka* sinh ngày 3-7-1883 tại Prague, lúc sinh thời ông chỉ để in vài truyện ngắn : *Lời phán quyết*, *Sự Hóa xác*, *Thuộc địa lao tù*, *Một nhà vô địch nhịn đói*... Những tác phẩm chính như : *Vụ án*, *Tòa lâu đài*, *Châu Mỹ* và ít truyện ngắn khác chỉ được xuất bản sau khi tác giả qua đời. Ngoài ra ông đã đốt mất nhiều bản thảo; nhưng may còn giữ được một số truyện ngắn khác vài bản kịch, cùng nhật ký và thư từ. Ông mất ngày 3-6-1924 tại viện bãi lao Kierling gần thủ đô nước Áo.



Thế giới Kafka là một thế giới huyền ảo, một giấc mơ, một cơn ác mộng. Nhưng thế giới Kafka cũng có trăm ngàn nẻo đường phức tạp rắc rối. Kafka ghi vào đây những cử chỉ, ý nghĩ của con người; những chi tiết rậm rạp tỉ mỉ như vô nghĩa của cuộc sống và muôn ngàn khía cạnh rời rạc tầm thường của vạn vật. Vì đó, thế giới huyền ảo kỳ quái trở thành một thế giới có thật và quen thuộc; sự kỳ quái trở thành tự nhiên, bị đất lại càng rõ rệt thế thâm. Ngòi bút Kafka sắc nhọn cào rạch trên da thịt người đọc, tạo cảm giác xốt xa thấm thía. Qua những giòng chữ đen ta chợt gặp Kafka mỉm cười; nụ cười thật lạnh lùng mà chua chát diễn tả nỗi bi thảm đáng cay trước hư vô. Ngòi bút Kafka là chính con người Kafka.

Kafka sống trọn vẹn số kiếp « con ma trời lập lờ » đi tìm chân lý, ông diễn tả thật đầy đủ; Kafka thấy rõ số phận con người hôm nay. Đúng thế. Qua J. Gracq, J. Green, Sartre, Camus, J. Anouilh ta gặp nghệ thuật tư tưởng Kafka. Hiểu Kafka là ta đã nắm được chìa khóa mở cửa vườn văn học thế kỷ 20. Kafka ở đâu? ở trong tác phẩm của ông, đặc biệt trong « Một nhà vô địch nhịn đói ». — J. P. Sartre đã chẳng ngần ngại viết, khi đề cập đến Kafka: « Với Kafka tôi không biết nói gì hơn ông chính là một trong những văn hào hiếm hoi nhất, vĩ đại nhất thời nay ».

HOÀNG - MINH - TRÍ

MẤY năm sau cùng này, sự hào hứng của dân chúng đi xem kẻ chuyên nghề làm trò nhịn đói, đã sút kém rõ rệt. Ngày xưa, thì chẳng có gì lợi bằng đích thân tự tay tổ chức những cuộc biểu diễn nhịn đói thật kịch liệt; ngày nay nó đã trở thành một việc không thể nào làm được nữa rồi. Nó thuộc về thừa xa xưa. Hồi ấy cả tỉnh chú ý đến nhà vô địch nhịn đói; hết ngày nhịn này sang ngày nhịn khác, sự hào hứng của dân chúng tăng lên mãi; mọi người ai cũng muốn xem mỗi ngày ít là một lần, lại có một số đứng hàng buổi trước cúi con, đêm cũng có người đi xem, đót đuốc xem cho tỏ; những ngày nắng đẹp cúi được khiêng ra giữa trời; những ngày hôm đó, thường bọn con nít được dẫn đi xem người làm trò nhịn đói. Đối với người lớn cuộc biểu diễn

chỉ có tính cách vui đùa theo mắt, nhưng con nít thì đứng nhìn kinh-ngạc, miệng há hốc, nắm chặt tay nhau cho vững bụng, chúng đứng nhìn người có nét mặt hốc hác, mình vận áo dẹt đen, sưng sườn giờ lờ lờ; không thêm ngồi ghế, hấn bằng lòng an tọa trên một ổ rơm, thỉnh thoảng cúi đầu chào lễ phép; ai hỏi, hấn chỉ cười gượng mà đáp lại; có khi hấn thò cả tay ra ngoài song cúi cho người ta sờ nắn sức gầy gò của mình; nhưng nhiều khi người hấn dúm lại, gục xuống, không ngó ngang ai, chẳng để ý đến giờ giấc, dù sao cũng qusn trọng lắm, vẫn điếm trên đồng hồ quả lắc; và đây cũng là vật dụng duy nhất bên cúi hấn; ngồi đây, hấn cúi nhìn đăm đăm, mí mắt hơi khép lại, thỉnh thoảng đưa một ly nước con lên miệng nhấp ướt đôi môi.



Ngoài những người tới xem hội, còn có thêm một số tuần canh thường trực do dân chúng cử ra; kể cũng lạ, số đông toàn là các bác hàng thịt; cả ngày lẫn đêm, ba người một phiên canh chừng không cho người làm trò nhịn, đói ăn vụng. Nhưng đó chỉ có hình thức, họ canh để dân chúng yên lòng; kẻ sành sỏi biết thừa dầu bắt ép, hẳn cũng nhất định không nuốt một hột. Danh dự nhà nghề cấm ăn như vậy. Một tâm lý như thế, lẽ dĩ nhiên không được mọi đám tuần canh hiểu cho. Có toán chỉ đi canh đêm lỏng lẻo, cố ý chui rúc vào một xó nào thật xa, rồi xúm lại đánh bạc, rõ rệt là để cho người làm trò nhịn đói lấy lại sức đôi chút: nghĩ rằng hẳn chỉ cần tới chỗ hẳn giấu giếm, là được. Nhưng không gì làm cho người nhịn đói tức bực bằng cái lối canh như thế, đám người này làm hẳn buồn sầu; với họ, nhịn đói là một việc khó khăn; đôi khi dần sức yếu lả, hẳn ca hát thật dài hơi giữa phiên canh cho họ biết ngờ hẳn thì làm to. Nhưng mất công; đám người kia chẳng lạ gì thuật vừa ăn vừa hát của hẳn. Người canh ngồi sát bên cui, hẳn ưa hơn nhiều; chẳng kể ánh đèn mờ trong gian hàng, họ chiếu vào hẳn những tia đèn bấm của chủ gánh hát đã đưa sẵn. Ánh đèn chói không làm hẳn khó chịu; phải cái ngồi mãi dưới ánh đèn, lại ở trong gian hàng ồn ào, chật ních những người, hẳn không sao ngủ được. Nhưng hẳn luôn luôn sẵn sàng thức suốt đêm với những người canh gác đó, sẵn sàng chuyện trò với họ, kể cho họ nghe những mẩu đời vô định hướng và cũng lại nghe chuyện của họ nữa; hẳn luôn luôn sẵn sàng, miễn sao họ thức để thấy trong cui không có một chút gì ăn được

và chẳng ai trọng bọn họ có thể nhịn được như hẳn. Tới hừng đông, người ta trả công cho bọn họ một bữa cơm thịnh soạn thì hẳn mừng khắp khởi; họ đồ xô lại ăn uống ngon lành, cái ngon lành của người lành mạnh vừa thức suốt đêm thâu. Kỳ thực, qua bữa cơm ấy, có nhiều kẻ muốn coi đó là cách toan hối lộ bất hợp pháp bọn canh gác, song những kẻ đó thực đã đi quá xa; vì nếu có ai hỏi họ có muốn canh suốt đêm không ăn sáng chỉ vì nặng lòng với công việc không, họ lắc đầu mà vẫn còn ghen tị.

Khi đánh giá một cuộc nhịn đói thì nghi ngờ, đó là điều không thể tránh được. Thực sự, chẳng ai có sức thức liền mấy ngày đêm để trông chừng người nhịn đói; như thế sau khi đích thân đi canh về, không ai có thể biết nhà nghệ sĩ có thực nhịn đói hay không; chỉ mình người nhịn đói biết thôi, chỉ mình hẳn là khán giả mãn nguyện về cuộc nhịn đói của mình. Nhưng cứ theo hẳn, hẳn chưa bao giờ mãn nguyện, vì lý do khác; có lẽ nhịn đói không làm hẳn gầy gò đến nỗi nhiều người phải ăn hận, chẳng dám theo rồi những cuộc biểu diễn ấy, bởi không đang tâm đứng xem hình dạng của hẳn; hẳn gầy đến thế có lẽ chỉ vì bất mãn với chính mình.

Duy có hẳn được biết rõ nhịn đói dễ như thế nào và chẳng người sành điệu nào ngờ được. Hẳn không giấu gì; nhưng chẳng ai muốn tin như vậy; có người nhân từ tưởng hẳn nói như nhường, còn số đông cho hẳn là thứ anh hùng rơm háo danh hay hơn thế là hạng đầu trâu trán khí. Đối với hẳn, nhịn đói có phải là chuyện dễ không? Dĩ nhiên là dễ! Hẳn có thể coi nhịn đói là



chuyện dễ làm. Hắn mới có gan thú nhận một nửa ! Theo hắn thì phải chấp nhận tất cả mới xong. Với thời gian, nhịn đói cũng quen dần, nhưng bắt màn ray rứt mãi và chưa bao giờ hắn tự ý muốn bước ra khỏi cũi : thiên hạ cần phải chứng minh cho hắn điều ấy. Ông chủ gánh hát định rằng thời gian nhịn lâu nhất là bốn mươi ngày, ông ta không bao giờ để nhà vô địch nhịn quá kỳ hạn đó, dù trong các tỉnh lớn cũng vậy, vì một lý do thật chí lý. Kinh nghiệm cho biết, trong vòng bốn chục ngày, quảng cáo vừa độ như vậy, mới kích thích được dân chúng ngày một hiệu nghiệm, sau đó dân chúng thừa thốt ngay : người ta nhận thấy số người đi xem giảm xuống rõ rệt ; giữa tỉnh thành và thôn quê, điểm ấy hơi chênh lệch, nói chung, bốn mươi ngày đã là nhiều lắm. Đến ngày bốn mươi, người ta tháo cũi xung quanh chãng dây hoa : dân gian hoan hỉ tràn vào hí-trường, quân nhạc nổi lên, hai thầy lang vào cũi làm trắc lượng cần thiết cho người làm trò nhịn đói ; trong rạp một cái loa tuyên bố kết quả và sau cùng có hai ả đàn bà sung sướng được chọn lên để dìu nhà nghệ sĩ bước xuống mấy bậc thang ; ở phía dưới, trên một cái bàn nhỏ, người ta dọn một mâm cơm dành cho người bệnh, nấu nướng thật cẩn thận. Trong khi đó nhà vô địch vẫn khăng khăng cự nự. Lẽ tất nhiên, hắn rất bằng lòng để hai cánh xương tay trong đôi bàn tay cứu trợ của hai ả đàn bà đang ngả mình về phía hắn, và chỉ có thể thôi ; hắn không muốn đứng dậy. Tại sao phải dừng đúng vào lúc này, đúng sau ngày bốn mươi ? Hắn còn giữ sức được lâu, có thể giữ sức trong

một thời gian dài vô hạn ; tại sao lại dừng đúng vào lúc này, giữa giai đoạn đẹp dễ nhất của cuộc nhịn đói, mà cũng không hắn đã tới chỗ đẹp lắm đâu ? Tại sao họ tước đoạt của hắn cái vinh dự nhịn đói thêm và nếu không phải là vinh dự trở thành vô địch nhịn đói tài nhất — hắn phải tìm đủ cách làm cho kỳ được — hay ít ra, cũng phải phá tất cả kỷ lục của chính hắn tạo ra, phá tất cả cho đến chỗ kỳ cùng phi lý, vì trong sự nhịn đói hắn không thấy có giới hạn nào. Tại sao dám người muốn tung hô hắn nhiệt liệt như vậy lại quá nóng nảy bồn chồn ? Lả mết, hắn ngồi trên đồng rơm này tốt rồi, bây giờ hắn lại phải đứng dậy, đứng cao lên, vươn dài người ra, phải ăn uống. Nghĩ đến bữa cơm hắn muốn ọc, khó khăn lắm, hắn mới dần nổi cũng lại chỉ vì mấy ả. Hắn ngược lên, nhìn chăm chú đôi mắt hai ả, bề ngoài ra vẻ ngoan ngoãn nhưng quả là ác độc ; hắn lắc cái đầu bệt trên khúc cổ yếu ớt. Và bây giờ là giây phút những việc vẫn xảy đến. Chủ gánh hát bước ra, nhưng đàn hát át mọi câu nói, ông ta giơ cao hai tay lạng lẽ, về phía nhà nghệ sĩ như mời gọi ông Trời Xanh hãy nhìn xem tác phẩm của ông ta ngồi trên đồng rạ, hãy ngắm xem người chịu nạn đáng thương này — là người nhịn đói, nhưng thật có một ý nghĩa khác hẳn — nhà chủ nhắc tay người vô địch và ôm đỡ thân hình lép bẹp của hắn một cách hết sức cẩn thận cho thiên hạ biết vật ông đang nâng kia mong manh đến dường nào ; ông ta trả hắn cho hai ả đàn bà, mặt mũi hắn bây giờ xanh như người chết, và khe lay hắn làm hai chân cùng người hắn lão



đào xiêu vẹo. Những giây phút ấy, nhà nghệ sĩ chịu đựng hết; đầu hắn treo lủng lẳng trước ngực như lặn lóc ở trên đó, đầu hắn treo thật huyền bí; thân xác rỗng không, hai chân bước bước; nhưng bản năng tự vệ bỗng khiến hai đầu gối hắn dậm lại, hắn quệt lê hai chân lên đất xem như đó không phải đúng là đất, và hai chân ấy trước tiên lại như đang quờ quạng tìm đất ấy đứng lên, vì thế cả sức nặng của hắn, tuy chẳng là bao, đè nghiêng hắn về phía một chị đàn bà, làm ả vừa cuống cuồng tìm chỗ đỡ, vừa hỗn hển — chẳng phải vì vậy mà ả chịu lên nhận cái việc hân hạnh đó — cô ả vươn thật dài cổ để ít ra tránh cho mặt khỏi chạm phải người nhịn đói; không xong, cô bạn đi cạnh, tốt phúc hơn, không đỡ hộ lại lập cập đưa dùm xương tay của nhà nghệ sĩ tới trước, nên cô ả oà khóc nức nở, vì chẳng có ai đỡ hộ; ả liền được một nhân viên khác kéo ra ngoài, ông ta đứng châu chực công việc ấy đã quá lâu. Tiếp đến là bữa cơm, nhà chủ đút vài miếng cho kẻ thảng cuộc nằm im trong giấc ngủ mơ màng như thể bị ngắt; sau sen đó, là một tràng chuyện tiểu lâm để dân chúng quên cảnh người làm trò nhịn đói; tiếp nữa là buổi chúc rượu và họ ước mong cùng nhà vô địch nâng ly; giàn nhạc vang lừng chúc tụng mọi người bằng chiếc kèn đồng thực lớn; họ chia tay ra về và không ai có quyền bắt măn về cái họ vừa được xem, không một ai, trừ người nhịn đói, bao giờ cũng trừ người nhịn đói.

Hắn đã sống như vậy bao năm tháng dài cùng những lần nghỉ ngơi vẫn và

đều đặn, trong cảnh sắc huy hoàng, hẳn được mọi người xung quanh ca tụng, nhưng giữa những trang sử oanh liệt ấy, hắn cũng sống trong u buồn ngày càng sâu đậm, vì nổi không ai lấy đó làm quan trọng. Và lại, hắn còn muốn người ta an ủi thế nào nữa? Hắn muốn thêm gì nữa? Nếu có người tốt bụng thương, bảo rằng hắn buồn bã như vậy có lẽ vì đói, nhất là vào những ngày chót của cuộc nhịn đói mà nói như vậy thì hắn dùng dùng nổi giận trước sự kinh hãi của mọi người, hắn nắm song cũi giật dữ dội như một con thú. Những trường hợp như thế, nhà chủ sẵn có một hình phạt, và thường sử dụng luôn. Ông ta đứng trước đám người xem hội, chữa lỗi cho người làm trò nhịn đói: đổ tại đói nên giận dữ; sự giận dữ đó rất dễ hiểu đối với những người như khán giả bụng no nê; giận dữ chỉ vì đói nên có thể miễn chấp thái độ ấy của nhà vô địch. Ông ta xoay xở nói chữa lời nhà nghệ sĩ bảo tất nhiên không thể có thể nhịn lâu hơn nhiều, nhưng cũng lại quay về những lý lẽ giống như thế; nhà chủ hoan hô cao vọng, thiện chí và lòng hy sinh chứa đựng trong lời tuyên bố đó, nhưng ông ta lại bác bỏ ngay — thật quá dễ dàng! — bằng cách đem bán cho dân chúng những tấm ảnh chụp nhà vô địch nằm soài trên giường sau bốn mươi ngày, gần chết vì đói lả. Việc bùng bít sự thật đó, nhà nghệ sĩ biết thừa và một lần nữa làm hắn suy nhược thêm; sự bùng bít ấy bây giờ thành quá quắt. Người ta tưởng nhịn đói chỉ là mong tới chỗ chấm dứt cho sớm. Làm sao mà phá nổi những ngăn cách ấy để được cảm thông, làm sao mà vượt cả một đại dương ngăn cách đó? Dĩ nhiên,



bên thành cúi bao giờ hán cũng lắng nghe nhà chủ nói những gì với dân chúng, đến lúc những tấm ảnh hiện ra, hán thường buông song cúi thờ dài, gục xuống đồng rơm, dân chúng vững bụng quay lại, bước tới gần nhìn hán.

Vài năm sau, những người đi xem, nhớ lại chuyện cũ, nhiều người thấy kỳ dị. Vì khoảng bấy nhiêu năm, thời cuộc thay đổi rồi; thay đổi tới gần như bất chợt, có thể vì những lý do sâu xa, nhưng ai để ý mà bói tìm? Người làm trò nhện đối được hoan nghênh nhiệt liệt, bỗng nhiên bị bỏ rơi; dân chúng ham trò điên dại, bây giờ họ đổ vào xem những phương khác. Chủ gánh hát cố đi hết nửa đất Âu dò xem có thấy ở đây, hay ở kia cái thú xưa của dân chúng; chẳng; nhưng mất công. Thiên hạ như hòa nhau, đâu cũng thế người ta đều tẩy chay trò nhện đối. Hiện tượng đó, tất nhiên không thể xảy ra một cách thình lình như vậy; xảy ra rồi, người ta mới ngồi nhớ, à có nhiều triệu chứng báo trước mà trong lúc say sưa với thắng lợi họ quên không để ý tới, không đập đi cho mạnh, bây giờ có chống đỡ cũng muộn rồi. Dĩ nhiên, vào một ngày nào đó, chắc người ta sẽ quay lại trò nhện đối, nhưng than ôi l, đối với người thời bây giờ, nó chẳng phải là trò vui thích nữa. Người nhện đối phải làm chi đây? Chính xưa kia hán được dân chúng xúm quanh tung hô; bây giờ có muốn biểu diễn trong một túp lều nát của một đám hội nhỏ bé, cũng chẳng được nữa; chọn nghề khác, không những đã già cả, mà nhất là vì

đã dẫn thân nhện trong cuồng dại, đắm say. Hán xin già từ ông chủ gánh từng là bạn đường trong sự nghiệp vô song, hán xin vào làm cho một gánh xiếc lớn. Để khỏi mất lòng, hán chẳng nhìn đến giao kèo cũ.

Một gánh xiếc lớn là phải luôn luôn giữ đầy đủ một số người thật đông, súc vật và máy móc thật nhiều, nên họ dùng bất cứ ai, người chuyên nghề nhện đối cũng được; dĩ nhiên hán không được đòi hỏi gì nhiều; trong trường hợp đặc biệt này, người ta thuê công làm, lại thuê luôn được cả cái danh lấy lòng xưa của hán; đó là một cái tài đặc biệt, không mai một với tuổi tác, như vậy thiên hạ không nói được là họ đi xem một nghệ sĩ già thấy tài năng kém cỏi, tìm chỗ nương thân trong công việc vất vả nhàn hạ; ngược hẳn, người làm trò nhện đối quả quyết rằng hán nhện được y như xưa, điều ấy có thể tin được; hán mong mỗi người ta để cho hán tự do, mặc ý mà nhện — việc đó họ hứa cho hán ngay — đến lúc này hán mới ra tay làm cho thiên hạ thực sự kinh ngạc; nơi đứng ra vì thời cuộc đổi thay, lời quả quyết đó nhà vô địch quên khuấy mất trong lúc hăng say, nó chỉ làm cho người sành điệu mỉm cười.

Kỳ thực, nhà vô địch nhện đối không phải là không biết những thực trạng đó; hán thân nhiên bằng lòng cho họ khỏi phải khiêng hán ra giữa sân với cái cúi để làm trò vui nhất trong cuộc, mặc họ đặt hán ngồi ngoài rìa, sát mấy chuồng ngựa, chỗ đi lại khó khăn. Những tấm bảng lớn đủ màu dựng quanh cái phòng con của



hắn; bằng có để rõ là xem gì bên trong. Lúc gánh xiếc tạm nghỉ, dân chúng xô nhau đến giầy chuồng ngựa xem thú vật, cũng khó tránh khỏi chỗ ngồi của người làm trò nhện dơi và dừng lại đây một lúc; khán giả nối đuôi nhau, chẳng hiểu tại sao lại tắc nghẽn trên đường đi về phía chuồng ngựa; nếu họ không đẩy tới, thì dân chúng còn đứng chặn lại ở quang đường chật chội đó. Đây cũng là lý do khiến người hắn run lên, nghĩ đến lúc dân chúng đang tiến về phía hắn; và lại giờ phút đó, hắn thường tha thiết mong dơi vì đây là mục đích của đời hắn, Ban đầu, hắn chỉ đợi một chút là hạ màn tạm nghỉ; nhìn dân chúng kéo đến lòng hắn vui mừng khắp khởi cho đến lúc, và than ơi! nó đến mau làm sao! lúc—dù ngoan cổ đến đâu, cũng phải nhường bước cho thực tế nhân tiên—hắn hiểu ra rằng quả thiên hạ chỉ muốn xem thú ở giầy chuồng ngựa (chẳng vô tình thì cũng hữu ý). Đường xa, trông đám đông đẹp tuyệt, đến gần, họ đứng quanh đây la hét chửi bới ầm ĩ: như vậy, có hai đám người tụ trước cũi hắn: một bên—những người này thì hắn chán ghét ngay—họ đứng nhìn hắn mặc tình thỏa thích, song không tò mò tìm hiểu, mà chỉ háo hức đua đòi; còn phía bên kia, là đám người chỉ chực qua xem giầy chuồng ngựa trước đã. Đám đông lũ lượt kéo nhau đi rồi, bây giờ đến lượt những kẻ muợn màng, lúc ấy dừng lại bao nhiêu tùy thích, song chẳng ai ngó chi tới hắn, họ tất cả bước đi, cho kịp giờ xem thú vật. Phúc bấy mươi đời mới gặp một ông bố tay dắt mấy mụn con, chỉ người làm trò nhện dơi, bảo cho chúng biết cái đó là cái gì, và kể lại rằng xưa kia ông đã có dịp xem

biểu diễn như thế nhưng vĩ đại hơn nhiều; và mấy đứa trẻ nhỏ ấy, trường học cũng như cuộc sống chưa chuẩn bị đủ cho chúng xem những cảnh như thế; chúng đứng ý thần xác, chẳng hiểu gì cả, đúng thế—đối với chúng dơi có nghĩa là gì nhỉ?—nhưng trong ánh mắt tò mò của chúng người ta có thể thấy những điểm của một thế hệ mới, nhân từ hơn. Lúc ấy, người nhện dơi nghĩ rằng ví như cũi của hắn không đặt gần giầy chuồng ngựa, thì may mọi việc trôi chảy hơn một chút. Nguyên chỗ hắn ngồi hiện giờ đủ làm dân chúng dễ bỏ đi, đó là chưa kể nó còn gây bao zhiêu khó chịu khác: mùi trong chuồng ngựa xông ra, thịt sống di chuyển cho dã thú, tiếng gầm hét của thú vật, đều làm đình tai nhức mắt, phát bực mình. Nhưng hắn không dám kêu ca với chủ; cuối cùng chỉ nhờ lũ thú vật, hắn mới có một đám người lũ lượt như vậy; trong đó, may mới thấy lác đác một vài người chủ tâm lại chỗ hắn ngồi. Và ai biết hắn bị vùi dập ở đâu, vì phỏng hắn có muốn làm cho mọi người phải lưu ý đến cuộc đời mình, mỗi lúc đi qua, họ nhớ rằng kỳ thực, hắn chỉ là chướng ngại trên đường về phía chuồng ngựa.

Của đáng tội cũng chỉ là chướng ngại bé bỏng, một chướng ngại ngày càng bé nhỏ đi. Thiên hạ đã quen với những trò kỳ quái trong đám xiếc rồi, vậy mà họ còn tìm cách cho dân chúng để ý tới người làm trò nhện dơi, và việc làm quen của khách hàng cũng là tiếng chuông báo tử. Hắn hết sức nhện—hắn nhện giỏi thực—nhưng chẳng gì đủ quyền lực cứu hắn được; họ đi qua, và chẳng ngó chi tới hắn.



Xin thử tìm cách giải thích nghệ thuật nhịn đói ! Nếu chẳng nghiệm thấy tự bản thân, chẳng ai làm cách gì cho ai hiểu được. Những tấm bảng đẹp đẽ, hãy giờ lấm bẩn, nhoè nhoẹt khó đọc ; người ta xé vút từng mảnh, và chưa ai nghĩ đến việc thay những tấm khác ; tấm bảng con ghi ngày nhịn không được theo đúng nữa ; ban đầu bao giờ họ cũng giữ thật chính, nhưng từ lâu bảng số không thấy thay đổi, vì sau vài tuần nhân viên đã bỏ bê ngay cả việc con con ấy ; và như vậy người làm trò nhịn đói có thể tiếp tục nhịn như xưa hằng mơ ước, hẳn đạt mục đích dễ dàng như đã nói, duy chẳng ai đếm ngày nhịn của hẳn, không ai, ngay cả hẳn cũng không hiểu chức vô địch của mình cao tới đâu, lòng hẳn buồn bã. Một hôm, có thằng ngọc dừng lại chế bảng số để đã quá lâu, và phao là trò bịp bợm, đó là lời vu khống xuẩn ngọc nhất do thói lãnh đạm và bản tính độc ác bày đặt ra, hẳn không phải hạng người đi lừa lọc, hẳn làm ăn lương thiện mà chính thiên hạ lừa bịp hẳn để cướp đồng lương của hẳn.

Dù sao, ngày tháng vẫn trôi qua, và tình trạng này phải đến chỗ kết thúc. Nhân bữa nọ đi qua, viên kiểm soát chợt để ý tới cái cui, ông ta hỏi nhân viên tại sao lại để phí một cái cui tốt bỏ đầy rạ ẩm như thế, chẳng ai biết cả ; trừ một người mãi sau mới chợt nhớ ra người nghệ sĩ, vì ở đây còn tấm bảng ghi ngày nhịn đói. Họ lấy chìa ba khơi rạ lên, thấy người làm trò nhịn đói còn nằm trong đó.

Anh kiểm soát hỏi :

— Bỏ nhịn mãi à ? Liệu bao giờ mới thôi ?

Người nhịn đói thờ hồn hển :

— Xin các ông tha lỗi cho.

Chỉ mình anh kiểm soát ghé tai sát thành cui mới nghe ra như vậy.

— Hẳn rồi, viên kiểm soát vừa nói vừa chỉ tay lên trán bảo cho nhân viên biết tình trạng của người nhịn đói, hẳn rồi, tha lỗi cho anh đấy.

Người nhịn đói nói :

— Bao giờ tôi cũng muốn các ông phải phục tài nhịn của tôi.

Anh kiểm soát ôn tồn bảo :

— Phục lắm.

— Nhưng thôi, người nhịn đói nói, các ông cũng không nên phục làm gì.

— Ừ thế thôi, anh kiểm sát đáp, mà sao lại thôi ?

— Bởi vì, người nhịn đói nói, tôi bắt buộc phải làm như vậy, không còn cách gì khác.

— Ừa, anh kiểm soát nói, sao lại không ?

— Bởi vì, người nhịn đói vừa đáp (vừa ghéch cái đầu bé tí mà nói vào tai anh kiểm soát, miệng hẳn tròn thành chữ o dáng như chực hôn, để không điều nào rớt đi mất), bởi vì tôi không kiếm ra thức ăn vừa ý, các ông cứ tin tôi đi, kiếm được tôi cũng nhét đầy bụng như các ông và như mọi người vậy đó.

Đấy là những lời cuối cùng của hẳn, nhưng trong đôi mắt đã dại, còn loé sáng sự kiên quyết, sắt đá, dù không còn gì kiêu hãnh ; là tiếp tục còn nhịn đói nữa.



— Thôi, bây giờ dẹp bỏ hết thứ ấy đi, viên kiểm soát nói vậy.

Và họ chôn lấp thành nhện đói theo với rơm rạ.

Còn cái cũi thì dùng nhốt một con beo con. Ngay những kẻ ngu ngốc nhất cũng được nhẹ nhõm thấy con beo lờn lộn trong cái cũi bỏ trống không đã quá lâu. Con thú đó, chẳng thiếu thứ gì. Đồ ăn vừa ý lắm, nhân viên coi sóc chẳng ngần ngại gì không mang đến cho

nó ; con thú hình như chẳng luyện tiếc gì tự do. Hình vóc mỹ-miệu kia, no căng đến mực chỉ còn vờ tung, hình như cũng đã mang lấy tự do trong mình rồi, tự do hẳn ở khe kẽ nào trong hàm răng đó ; từ họng phát ra sức vui sống cùng với một ngọn lửa mạnh đến nỗi người xem khó lòng chịu nổi. Nhưng quanh cũi, họ bình tâm, sát cánh bên nhau, chẳng muốn nhích đi nửa bước.

HOÀNG MINH TRÍ

## lời kêu gọi quyển rũ của THÁC

từ thể mộng

Những con số không lần lượt chạy vòng tròn  
 Tôi bỏ trốn những vũng sầu im lặng  
 Trưa Blao rất nhẹ như mù sương  
 Rừng, tôi, và một vùng thác trắng  
 Những dòng nước luân lưu trên mặt ghềnh  
 Bằng những dòng valse lá lướt  
 Rồi nhịp rock quay mau  
 Cuồn cuộn dòng chân của nước  
 Cả tiếng hét dồn lên đầu ngọn sóng  
 Rồi im lìm rất nhẹ dưới triền xa  
 Tôi cuốn hút vào một vùng êm ái  
 Những lời kêu mềm mại vừa bay qua  
 Tôi choáng váng thềm ra đầu ngọn thác  
 Rồi buông tay. Hồn nhẹ bỗng lên cao  
 Thế giới hoang vu, một phút bỗng ba đào  
 Tôi sẽ chết giữa vô cùng xa vắng  
 Tôi chớm ngợp trong nỗi mừng kỳ dị  
 Với một niềm mong ước rất xôn xao :  
 Buông nhẹ hai tay. Ồi thần trí ngọt ngào  
 Tôi sẽ mới giữa khung trời sáng láng  
 Tôi vụt chạy ra khỏi vùng mê sáng.

từ thể mộng  
(trong Giao ca)



# CỬA ĐẤT

Thôi anh, rượu đắng, dừng tay lại!  
Sương khói vờn quanh bờ ly trong  
Lạnh xuống bao ia trong đáy cốc,  
Đề em rót đồ giọt sau cùng.

Đời cũng chợt nghiêng từng giọt xuống  
Nhìn theo ngõ nước mắt trong lòng  
Hào hoa khi phách bàn tay lạnh  
Môi thắm đèn xanh bỗng sượng sùng

Ơ hay trường khói ngang lưng gió  
Tắt ngấm lâu rồi lửa sớm xuân  
Đường đi chợt tối ngang đầu ngõ  
Lạnh theo mi mắt xuống rưng rưng

Thôi anh rượu đắng thôi đừng rót  
Sương khuya chùng lạnh xuống vai em  
Như đời băng giá trong đáy cốc  
Người đi làm rượu đồ nghiêng nghiêng.

H.T.B.N.

# LẦN CUỐI

Cây lá đó ngọn ngành xin của đất  
Màu xanh tươi xin của nắng trời cao.  
Dòng sữa mẹ nuôi con tròn khuôn mặt,  
Non nước này có khoai sắn ngọt ngào

Nuôi những người đời khát cho tự do,  
Cho cây lá ngọn ngành xanh lửa tuổi.  
Đã trót hẹn yêu rồi lòng chẳng đời  
Em chờ mong thao thức buổi anh về

Rừng biên khu gió chiều xao xuyến thời  
Là lời em nhắn hẹn đó anh nghe!  
Hẹn khi về em bung ngày tháng cũ  
Ươm thành hàng nên vườn Nhớ Thương anh.

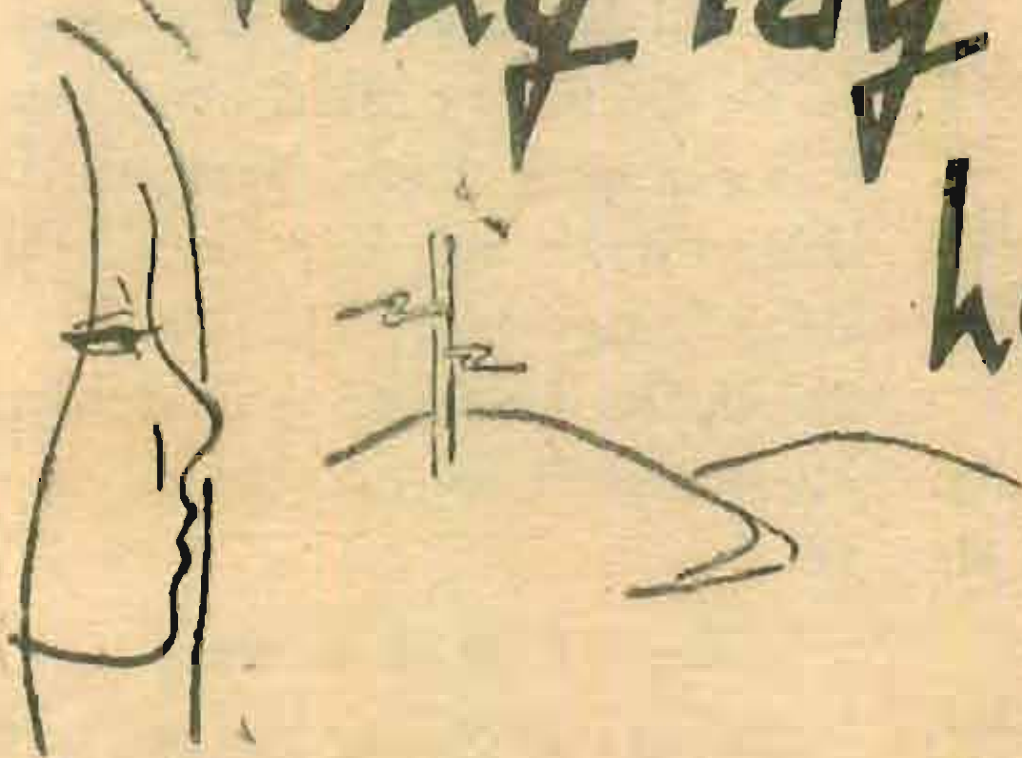
Trời hẳn đẹp : mùa thu ta tình tự...  
Sữa mùa xuân nuôi vườn nợ lộc xanh,  
Đất quê hương nuôi bền vững ngọn ngành  
Mình chăm bón vườn cây khoai sắn đó.

HOÀNG-THỊ-BÍCH-NI



# Vòng tay

## học trò



Truyện dài

HOÀNG-ĐÔNG-PHƯƠNG

(xin xem từ BK 169)

**XUỐNG** hết dốc đồi, Trâm thoáng thấy có bóng học trò lảng vảng trên con đường gần nhà mình. Hấn nhìn lên cửa lầu rồi lại ngóng ra đầu đường. Có lúc cái thân hình nhỏ bé của hấn khuất mất sau những bờ hoa qui rậm lá. Rồi hấn trở ra, đi đi lại lại. Trâm đoán là một tên nào chờ hỏi nàng chuyện gì. Nhưng khi Trâm đến gần, hấn lại đi lướt qua, và lại biến mất đằng sau, một lúc thấy hấn trở lại, chồm vờn như muốn chắn lối. Rồi hấn đứng sững lại trước mặt Trâm, mặt đỏ lên, hai tay xoắn vào nhau, và Trâm chợt nhớ mang máng hấn là một tay đàn trong ban nhạc trường.

— Thưa cô, thưa cô...

— Cậu cần việc gì, nói đi.

— Em nhờ cô giúp một việc. Một việc nhỏ nhưng mà với em thì... vẫn đề sống chết.

— Vấn đề sống chết, tôi giúp làm sao được.

Thằng học trò vuốt mớ tóc ra đằng sau :

— Em đã nghĩ từ sáng đến giờ mà không còn cách nào khác, mà cũng không thể nhờ một người nào được. Em không quen ai cả...

— Tôi cũng không quen cậu bao giờ.

— Nhưng cô có vẻ ít xa lạ với học trò hơn mấy giáo sư khác. Ít xa lạ, mà cũng ít xa cách nữa.

— Sao không nhờ những người thân giúp ?

— Gia đình em ở xa, Saigon kia. Em một mình lên học đây, ở trọ nhà người ta.

Tự nhiên Trâm nghĩ đến trường hợp Minh và chú ý đến tên học trò hơn :



— Em cần gì, thôi nói đi.

— Đêm nay Noël...

Trâm tưởng là nó xa nhà, không thân thích và muốn xin một châu ré-veillon. Nhưng hắn lại đỏ mặt lên, lúng túng một lúc rồi nói phăng ra điều gay cấn nhất :

— Cô cho em mượn một ít tiền. Trâm mỉm cười, rồi không phải tên học trò mà chính nàng thất vọng :

— Tôi chỉ có ngân phiếu thôi, chưa lãnh được vì, hôm nay bưu điện nghỉ.

Trâm nghe hắn kêu nhỏ nhỏ một mình.

— Làm sao, trời ơi, làm sao đây... Nàng muốn biết rõ vấn đề sống chết của hắn ra sao :

— Em cần tiếp gấp, làm gì vậy ? Hắn cúi đầu nói không nghĩ ngợi :

— Đêm nay có « bum » gala của Couvent và Yersin tổ chức. Em có hẹn với một cô bạn. Cuối tháng em mới có tiền nhà gửi lên. Em nhịn ăn cả tháng để có tiền cho đêm nay cũng được. Quà tặng, đi ăn, rồi... Không có tiền thì không đến bum, không gặp ai được. Không đêm nay thì em mất hết không bao giờ nữa...

Theo những qui tắc mô phạm, lẽ ra Trâm khuyên giải hay dượt cho nó một bài học luân lý. « Không, em phải thế này, em phải thế kia »... Và cái việc học trò chặn đầu cô giáo tổng tiền như thế không thể tha thứ được. Vậy nên cho hắn mượn tiền — hay chỉ có ý nghĩ cho mượn — cũng như nói giáo cho giặc. Nhưng vấn đề sống chết của hắn lại làm cho Trâm băn

khoăn về chính mình. Có lẽ ở vào trường hợp hắn, Trâm cũng vậy. Ai trong đời lớn lên ít ra cũng có một đôi lần cảm thấy sự hồi hải trong thoáng thời gian mong manh, trong cơ hội không thể đến hai lần, bây giờ hay không bao giờ nữa, Dù điều đó thật nhỏ bé, tầm thường và có vẻ hư hỏng : Mượn tiền, đi nhảy, đi chơi với người yêu.

— Em cần bao nhiêu tiền.

Hắn mỉm môi lại rồi đột ngột nói :

— Hay là thôi... Cô có biết ai tên Caroline không, Caroline ở Couvent.

— Cô bạn ấy à.

— Hay là thôi... để cô ta đi với người khác...

Thoát một cái, tên học trò vùng chạy như một con ngựa chững vừa hất được cái khối nặng đè trên yên. Trâm còn nhìn thấy vẻ mặt khoắc khoải và sôi nổi của hắn. Và nét mặt đó hiện lên cùng khắp ở sân trường, ở những lớp học, ở trên hè phố, trong các nhà hàng giải khát, những bàn billard, bowling. Niềm ray rứt, chững bắt thường của tuổi trẻ đó như một bệnh dịch rồi sẽ lan đi, sẽ tàn phá hết đời sống của một thời đại. Kẻ điều trị và bệnh nhân vô cùng xa lạ với nhau. Giảng giải lý thuyết áp dụng những nguyên tắc cổ điển sáo hủ. Như người ta lơ dềnh rải lá dâu cho tầm ăn, trong khi tầm đã biến hình thành con nhộng trong cái kén. Học trò cứ ngồi đó, thờ ơ chép bài, lơ đãng nghe giảng, tìm cách này hay cách khác, tiết kiệm những suy tư về học tập, để chín phần mười tâm trí phiêu du theo những thắc mắc riêng tư. Thầy giáo cứ viết,



cứ nói, cứ lập đi lập lại như cái máy hát bị hỏng một điệp khúc nhằm chán về những qui tắc mà chính mình cũng không muốn áp dụng trong đời sống. Những vấn đề đạo đức, những bài học công dân, giáo sư thao thao bất tuyệt, khoác cho mình vẻ đạo mạo của người truyền giáo mà không bao giờ nhận định rằng trong đám người nghe còn phải có cả chính mình. Sự giả dối quen thuộc đến nỗi không ai chú ý đến hiện diện trơ tráo của nó, và vô tình, người mang mặt nạ với kẻ khác và với chính mình nữa.

Trâm vừa vào nhà thì xe Minh cũng về đến cửa. Nàng nhìn ra. Thằng bạn chớ Minh về trông thấy Trâm gật đầu chào rồi ngồi khểnh chân trên chiếc velo chờ đợi. Trâm cảm thấy mấy ngón tay mình run run bám vào cánh cửa, nhưng lúc Minh chạy ủa vào nhà, nàng chỉ lạnh lùng hỏi :

— Em về đó à. Sao không ở lại Saigon cho hết đêm Noël.

Minh đặt một cành mimosa lên bệ lò sưởi :

— Em đã hứa với cô chỉ đi ba hôm và nhất định về trước đêm Noel mà. Trâm nghĩ : « Có hiểu thật, cái bûche de Noël mình làm sáng nay xứng đáng dành cho Minh »...

Tiếng Minh trong phòng vọng ra :

— Thằng Tuấn đâu cô.

— Đêm nay nó xin về nhà.

— Không có ai ở nhà với cô sao... Trâm vuốt nhẹ những chòm hoa mimosa màu nhung vàng, giọng nàng nhỏ và buồn, chịu đựng :

— Không. Em đi chơi đi. Cho vui thật vui, nhé...

Im lặng một thoáng, như Minh dừng lại lắng nghe trong kia. Rồi tiếng cái cái móc áo khô khan dội trên nền nhà. Cánh cửa tú mở ra và đóng sập lại vội vàng. Tiếng giày Minh trở ra. Trâm nhìn lên. Minh lớn hẳn trong bộ complet màu xanh nhạt, mái tóc chải rẽ cẩn thận, và giày đen bóng loáng.

— Ban đêm, em mặc màu sẫm thì hơn. Thất cravate vào chứ. Khuya lạnh lắm, em nhớ đem theo áo len nghe Minh.

Trâm nghe giọng nói mình dịu dàng nhỏ nhẹ và tự nhiên bằng khuôn vô lý. Trâm thấy thương mình, thương vô cùng ; đến nỗi nàng ao ước được biến thành hai để bầu bạn, vỗ về nhau phút đó. Thấy Minh trở về đúng vào chiều Noël sau ba ngày vắng mặt, niềm vui của Trâm vỡ ủa như một dòng suối mát, Trâm không nghĩ Minh sẽ bỏ đi ngay, dù biết không lý do gì để Minh ở nhà đêm nay. Nàng nhớ đến thằng học trò và vấn đề sống chết của nó chiều nay trên đường về, tưởng tượng ra hình ảnh một Caroline tươi mát, mũm mĩm, trẻ thơ của nó. Minh cũng đang hồi hả nhập cuộc, vội vàng như sắp lỡ mất phút giây quý báu chỉ đến một lần trong suốt đời người. Minh cũng đang băn khoăn hay sung sướng theo một vấn đề sống chết tương tự và trong cái « bum » gala trẻ trung và huyền ảo đó đêm nay còn biết bao nhiêu Caroline khác, duyên dáng, yêu kiều, tươi mát như những bông hoa chưa một lần gió mưa vùi dập... Trâm băng-



khuông, sót xa liên tưởng đến hình ảnh một thiên đường huyền diệu mê say, đến cái vũ trụ vô cùng rộn-ràng, vô cùng su yếm mà người vào cửa phải có cái vé độc nhất là tuổi thơ. Tuổi thơ, Trâm đã đánh rơi, mất dọc đường phiêu du từ bao giờ rồi. Giờ Trâm là kẻ ngoại cuộc xa lạ, là người sắp mặt xây lưng lại cuộc đời. Là cái bóng lơ mờ điu hiu của bờ cây nắng xế. Nỗi buồn triu xuống, lê thê và u uất như cơn gió dật dờ sau cỗ xe tang. Trâm muốn níu, muốn kéo một cái gì. Tất cả thật đã xa tầm tay với và nàng như người đứng ở mũi thuyền nhìn xuống con nước âm thầm là đời mình xuôi chảy.

Minh tìm được cái áo len trở ra thấy Trâm đang bứt những nụ mimosa vo nát trong tay. Nhưng thẳng bạn gọi ngoài đường và Minh vắt cái áo lên vai, lui nhanh ra cửa. Trâm gọi mà nghe như không phải tiếng mình :

— Minh... Minh này...

Chân trước chân sau, người con trai quay đầu lại :

— Gì cô ?

— Minh có đủ tiền tiêu rồi chứ ?

— Thừa là khác, mới trước của «tụi nó» mấy nghìn ở Sài Gòn.

Tiếng cánh cửa phòng sau mở ra rồi khép lại. Trâm tưởng một phần thể xác mình bị nghiền nát nơi khe cửa đó. Nàng cúi mặt và dí mũi giày lên những nụ hoa vàng lay lắt dưới chân. Hời chuông hoàng hôn từ tu viện sau đời điu hiu vắng lại. «Đời mình lạnh lẽo và buồn tẻ hơn những người mặc áo chùng đen ở đó sao», Trâm nghĩ qua một tiếng

thở dài rất nhẹ. Khóa cửa trước xong, Trâm quay vào. Ngang qua phòng Minh, tự nhiên nàng dừng lại. Trâm tiến tới một bước. Tấm màn đỏ thắm chạm nhẹ lên mặt Trâm. Phảng phất một mùi thơm xa lạ. Trâm để một bàn tay lên nền vải mượt và lạnh như một lần áo. Rồi Trâm nhìn lên thang lầu đã chìm vào bóng tối. Bốn bề im vắng mênh mông. Trâm nghe ý nghĩ của mình dội lên âm thanh: «Làm gì cho hết đêm nay». Đốt một cây nến hay uống một viên merinax. Trâm vượt nhẹ lên tấm màn rồi rón rén bước lên lầu, như sợ làm kinh động giấc ngủ của một người đầu đó.

Không bật đèn, Trâm tìm một cây nến trắng. Ánh sáng lung linh in hình người đàn bà chơ vơ lên bức tường trống trải. Trâm quì gối trước lò sưởi nhìn lên cây thông Noel và bỗng dừng thềm có đức tin để hướng về một đấng tối cao nào đó. Chúa Trời hay Thượng Đế, Đến đó, Trâm nhận ra rằng chưa bao giờ mình cầu nguyện và linh hồn mình vô chủ lang thang.

Đêm khuya dần dần. Trâm ngồi nhìn nến chảy và bóng mình xiêu đổ trên vách cho đến khi hời chuông lễ nửa đêm rộn ràng thánh thót từ tu viện, từ nhà thờ bên xóm đạo vang về âm thanh chấp chùng đổ xuống một vũng lũng thấp, lan đi khắp những đời, những suối, những ruộng, những vườn mê ngủ trong sương. Trâm mở nút máy thu thanh nhỏ. Nhạc lễ hòa trong thánh ca lướt thướt dật dờ. Giờ này bao nhiêu linh hồn mơ hồ gọi Chúc. Những thánh đường ngồi chói hào quang và đức tin, Những vòm trời sao dẫn lối tới thiên đường. Người ta có nhau, dìu nhau về đó. Một năm



dài u uất trôi qua. Một năm nữa bắt đầu, lạnh lùng và kiên nhẫn. Người hy vọng lại. Niềm vui mới sẽ nhóm lên trong những trái tim cô-đơn. Còn Trâm, Trâm chờ đợi gì, hy vọng gì. Những niềm vui nhỏ giọt, tan tành như ngọn nến. Đèn tàn bắc lụn. Năm canh này qua. Năm canh khác đến. Đốt nến để thấy bóng mình. Hay một viên thuốc ngủ để bớt đi một đêm trần trọc trong chuỗi tháng ngày trống không ghé rợn dằng dặc đau buồn và hối tiếc.

Tiếng gõ cửa dưới lầu dứt mất những ý tưởng của Trâm : « Hay Minh trở về ? Nàng bật đèn cầu thang và chạy nhanh về phía cửa. Nhưng Trâm nhận ra giọng nói nhỏ nhẽ của Loan khi nàng lên tiếng hỏi ai đó :

— Thưa cô, em đây.

Cửa mở. Gió lạnh ủa vài theo vệt đèn pin mờ mờ trong tay Loan :

— Chị vào đây.

— Chúng em mời cô qua với chúng em cho vui.

Mấy hôm trước vợ chồng Chu đã mời Trâm ăn réveillon đêm Noël, nàng từ chối. Vì Minh đã nói sẽ về trước đêm nay, và Trâm đã chuẩn bị sẵn sàng để tạo một thiên đường nhỏ bé trong vũ trụ khép kín của mình. Giờ Minh đang vui chơi ở đâu. Trâm nhìn những vũng tối sâu hút lạnh lẽo sau lưng Loan và tự nhiên thêm khát vui đùa, tàn phá, ở một nơi đông đúc huyền ảo nào đó, tiếng nhạc, tiếng người hỗn độn vang lên. Cho quên lấp, cho người nghỉ cơn sốt bùng lên trong lòng. Nhưng qua bên Loan còn buồn tẻ hơn ở nhà một mình nữa. Ở đó, Trâm lại

phải đóng vai trò của mình khéo léo, cẩn thận. Phải giữ gìn từng cử chỉ tiếng nói. Và điều Trâm bực bội khó chịu nhất là phải nghe những lời mời mọc tán tụng khách sáo, và mình cũng phải đáp lễ bằng cái lối vuốt lưng đó, trong khi tâm trí rối bời những khoắc khoải ưu tư.

— Anh chị mời ai đông không ?

— Dạ không. Chỉ có cô, với mấy người học trò thân của anh Chu.

— Chắc không có ai nữa chứ chị ?

— Không ?

— Vậy tôi qua. Chị về trước, tôi thay áo rồi sang ngay.

Nhưng Loan về rồi, Trâm đứng tần ngần trước tủ áo đến mười phút vẫn chưa biết chọn áo nào. Người đàn bà chung diện là vì kẻ khác — nhất là đàn ông. Nhưng Trâm thường nghĩ — mà nàng không biết thành thật hay giả dối — đẹp là đẹp cho chính mình trước đã. Không cần quan tâm đến người chiêm ngưỡng. Cho nên tuy chỉ qua nhà bên cạnh, ở đó cũng chẳng có ma nào, Trâm vẫn chọn lựa như đi dạ hội. Lần này Trâm chợt cảm thấy có gì khác lạ, không phải đẹp cho mình nữa. Ý nghĩ vô lý cứ lờn vờn trong trí khi Trâm khoác cái áo gấm kim tuyến đen vàng vào người : « nếu Minh về lúc này »... Lâu ngày không mặc, chiếc áo như rộng ra. Trâm cảm thấy cái gì thiếu hụt, mất mát trong đời mình. Trâm ước mướm chân đôi giày cùng màu áo và bỗng nhớ đến lần mới mặc áo này ở Sài Gòn, trong dạ hội ở building của lão Anh - Lý, một trong đám hạn bè « ghê gớm » của Văn



Trâm ngồi trên chân trong ghế nệm đỏ, cốc champagne lóng lánh trên tay, chờ tài xế của Văn đem xe đến đón về. Lão Anh-Lý sụm xuống sàn nhà, trước mặt Trâm như một khối thịt bò mềm nhão, Trâm rùng mình cảm thấy nước mắt tên triệu phú tàu lai nhỏ xuống bàn tay mình. Từng ngón tay lão chói với đưa lên run run « Vợ tôi bị tê liệt nằm ở một bệnh viện Nữ Uớc mười ba năm nay rồi. Tôi chỉ sống có bốn phận. Tôi không biết đàn bà, không... có gì cả. Nhưng người đàn bà tôi gặp ở Mỹ, ở Nhật, ở Ý trong những chuyến đi không khác gì những chiếc bóng, nhưng con búp bê bằng sáp. Nhưng mà cô... Tôi biết ông Văn quý mến cô. Ông ấy lại vừa bị là bạn vừa ân nhân của tôi... Nhưng mà... Có thể là hoàn cảnh hấn đáng thương lòng hấn chân thành, nhưng Trâm cũng tàn ác phá ra cười khi hấn áp cúng đề nghị sẽ đưa nàng sang Ý, hấn có một khách sạn riêng và nhiều cổ phần trong một công ty giấy bên đó. Đến khi hấn nói phăng ra « tôi sẽ ly dị với » thì Trâm không chịu được nữa, đặt mạnh cổ rọu lên bàn và đi nhanh ra phía thang máy xuống lầu. Từ đó mỗi ngày lão Anh-Lý gọi điện thoại ba bốn lần. Trâm không trả lời, và mỗi khi nghe cái tiếng Mỹ lơ lơ tàu đầu dây kia It's you there, miss Trâm ? » Trâm lại buông ống nghe xuống « mấy lão già hời xuân thật tởm ».

Chu nhìn bàn ăn một lượt rồi hỏi nhỏ vợ :

— Sao chậm thế. Hay em nói có Lưu bên này nên cô ấy không qua.

— Không, em không nói. Nhưng

## Chống đối

*Con ngựa vẫn hung hãn  
phóng đại xuống bìa rừng  
chú để mèn khăn giọng  
đôi cánh sắt rung rung*

*Con chó già ghè lở  
bông bỏ chạy lang thang  
lưỡi đỏ đầy nước dãi  
giết thẳng bé trên đường*

*tên ăn mày rất cõ  
van xin chút tình thương  
thấy mọi người quay mặt  
lăn ra chết bên đường*

*Và... thằng người rừng rú  
bông đứng sặc sụa cười  
cầm con dao cùn nát  
chém vào đá liên hồi*

**XUÂN-THAO**

biết đâu nói có ông Lưu đây cô ấy lại sang ngay.

— Không đâu, dạo này hình như cô ta « thay đổi lập trường » rồi.

Lưu ngồi tán phét giữa bọn học trò ở phòng khách hỏi vọng sang :

— Cậu mợ nói xấu gì tôi đó.

— Dận Loan làm thêm thức ăn, nhờ ra anh chặn hết phần của cô giáo...

Tấm màn cửa sau vén sang một bên. Trâm bước vào vùng ánh đèn sáng chói.



Mấy đứa học trò đứng dậy một loạt. Lưu nghiêng đầu chào giả tạo. Cả bọn có vẻ ngạc nhiên thấy Trâm xoa mái tóc vẫn mọi hôm thường vấn cao. Trâm nói với Loan như với mọi người :

— Xin lỗi chị, tôi có vẻ lỗi thời quá, nhưng khuya khoắt rồi làm biếng chải gỡ lắm.

Thật ra đó là « chiến thuật sấu muợn » của Trâm, Trước một đám đông, Trâm thường chọn lựa một thái độ phù hợp với lối trang điểm và tâm trạng của mình lúc đó rồi giữ thế từ phút đầu cho hết buổi. Lúc vào cửa, thoáng thấy Lưu và đám học trò, tự nhiên Trâm buồn rầu và đứng đưng xa lạ với tất cả.

Ngồi vào bàn ăn, cạnh Loan, đối diện Lưu, Trâm yên lặng và kín đáo, trong khi Lưu cười nói huyền thiên bọn học trò phụ họa âm ỉ. Ngồi đây, tâm trí Trâm lạc lỏng nơi nào. Bây giờ Sài Gòn người ta vui chơi, người ta đôi lứa. Bây giờ những người trẻ tuổi vui cười say đắm với nhau. « Bây giờ... em làm gì, em vui với ai đó Minh », Những khuôn mặt quanh bàn ăn lùi xa, lạ lùng và cách biệt, Trâm như cái xác không hồn, im lìm suốt buổi. Nàng ăn, nói, cười, cử động như một cái bóng trên màn ảnh của một phim câm, mơ hồ thấy mình rời khỏi bàn, qua phòng khách, nâng chén trà lên môi và lơ mơ trong đáy nước hai con mắt đen buồn ngơ ngác.

Trâm mang nỗi buồn câm nín đó về trong khuya. Trời lạnh buốt. Từng bước chân đêm lẫm lũi bên bờ cỏ mấp mô. Cánh cửa mở ra vội vàng và thế giới cô đơn im lìm khép lại.

Trâm thay áo, tìm viên thuốc, và nằm xuống bên lò sưởi. Rồi nàng thiếp dần trong tiếng gió rừng ma quái.

Trâm bàng hoàng thức giấc trong vùng ánh sáng vàng hoe từ khung cửa sổ hắt vào lò sưởi. Nghe tiếng chìa khóa lách cách dưới lầu, nàng đoán à Minh về. Rã rời, mệt mỏi, đầu nặng như một khối đá. Trâm cố tỉnh trí nhìn quanh. Mọi vật hình như thay đổi hẳn sau giấc ngủ dài bần bật. Gió sớm lay cánh màn cửa bay phấp phới như những trướng liễn sắp hàng đi theo sau một đám tang yên lặng. Trâm nghe tiếng mấy người làm vườn gọi nhau ới ới dưới ruộng dâu, tưởng mình lún sâu xuống, chơ vơ trong một thế giới nào trống vắng và yên tĩnh. Đột nắng mỏng như màu vàng dịu hiu chạy dài ở một vùng nghĩa trang quanh què nào, soi lên những lớp lá thông tươi tắn giữa sàn nhà. Trâm muốn nhớ, muốn tỉnh dậy, muốn gọi kêu một cái gì. Nhưng con đường trở về đời như chơi vơi xa tấp, không một hình ảnh thân yêu, một bóng dáng quen thuộc nào còn lại vắng nữa. Trâm ngồi bọ gối, gục đầu trên cánh tay và mê thiếp trong những ý nghĩ lơ mơ hồn độn. Cho đến khi một tiếng gọi cất lên, Trâm như từ cõi hồn xiêu phách lạc nào trở về :

— Cô.

Trâm yên lặng nhìn lên, không đổi dáng điệu. Minh đứng khoanh tay ở cửa phòng, tựa lưng vào vách. Mái tóc rừ che vàng trán da mặt trắng xanh, hai con mắt ngái ngủ lơ lơ, Minh như sắp ngã xuống một khoảng trống không nào đó. Trâm nhìn cái cravate lỏng lẻo ở cổ áo Minh, vụt nhớ



lại những phút giây đơn độc ghê gớm mình chịu đựng đêm qua, nhớ đến vẻ hí hửng của Minh lúc ra đi, nhớ đến nỗi bứt rứt khoắc khoải vô lý và đáng thương của mình.

— Suốt đêm, cô không ngủ sao.

Trâm đứng lên mở cánh cửa sổ, không trả lời Minh. Minh đến ngồi bên bàn ăn, nhìn những bánh trái, thức ăn còn nguyên rồi nhìn lại khuôn mặt tiêu tụy buồn rầu và căm lạng của Trâm, nói thật nhỏ :

— Đáng lẽ đêm rồi em không đi.

Trâm cười nhạt. Minh nhìn Trâm lâu hơn và ngạc nhiên thấy trong dáng điệu, thái độ của cô giáo hiền dịu và bình thường mọi ngày có vẻ gì lạ lạ, hay hay. Một cái gì mới mẻ, rộn ràng và kín đáo như thứ tình cảm không tên vừa nhóm lên trong lòng Minh phút đó. Trâm tự nhiên cảm thấy vừa căm tức vừa đau đớn không đâu, nhìn đăm đăm ra vùng trời bao la, khuôn mặt sáng rỡ trong nắng.

Minh vuốt một bông hoa đỏ thắm trong bình, thoáng băn khoăn :

— ... Cô giận em điều gì phải không.

Trâm lơ đãng :

— Không. Tôi giận và ghét tôi. Cũng không hiểu tại sao. Em về sớm vậy.

— Mười giờ sáng rồi.

— Thật à. Tôi ngủ quên không biết gì nữa.

— Cô lại uống...

— Merinax.

— Cô...

— Nói gì thì nói ngay đi, đừng gọi tôi như vậy.

Minh gục đầu lên cánh tay trên bàn. Giọng Trâm gay gắt :

— Vui chơi cũng mệt nữa sao ?

— Em đi chơi với mấy thằng bạn mà.

— Hay chưa, em đi chơi đâu, làm gì, với ai, mặc em chứ, việc gì phải khai với tôi.

Hai con mắt đen của Minh nhìn lên chời chời :

— Cô không hiểu gì em cả.

Trâm hét lên.

— Hiểu, hiểu gì. Tôi cũng không hiểu tôi nữa là người khác. Thôi em đừng nói gì hết. Tôi mệt, buồn ngủ. Em xuống nhà để tôi yên một mình.

Thoát một cái, Trâm cảm những cánh gaieul đỏ thắm trong bình bẽ đôi ném qua cửa sổ. Rồi giọng nàng bất ngờ dịu xuống :

— Minh đi đi.

Tiếng giày Minh rời rạc trên thang

Sách THỜI MỚI vừa phát hành

● **NHỮNG HẠT CÁT**

tập truyện đầu tay của một nhà văn trẻ : **THẾ UYÊN**

● **NGƯỜI CUỒNG MÃ LAI**

truyện của tác giả Stefan Zweig do **TRẦN ĐÌNH KHẢI** dịch



lầu. Trâm lại ngồi trong vũng nắng trước lò sưởi.

«...Rồi mình sẽ là thần thánh trong địa ngục, cuộc đời hay quỷ sứ ở thiên đường của mình? » Dưới phòng Minh có tiếng tách nhẹ nhàng của cái bát lửa, rồi tiếng rơi mỗi một của thân hình xuống đệm. « không, mình sẽ

không là gì cả. Cuối cùng rồi cũng giương đôi mắt xa lạ, ngơ ngác, lạc lõng lên nhìn đời, cũng dại khờ, cô độc như con Gelsomina bị người bỏ quên, chết mòn trong nắng... »

(còn tiếp)

HOÀNG ĐÔNG PHƯƠNG

## XA NHAU

1

thôi tôi dừng bước lãng du  
bốn phương dăng dặc sương mù về đâu  
nhớ em đêm tủi ngày sầu  
ơ con đường sắt chuyển tàu về không

2

bao giờ bao giờ em đi  
rượu cay còn thú điên mê đập vùi  
trái tim tôi đã hủi cùi  
van em dừng lại những lời đón đau

3

xa nhau úp mặt quên đời  
tương lai vẫy cánh theo người bỏ đi  
bây giờ tôi còn còn chi  
đòng xưa chiếc lá xuôi về về đâu  
môi hon héo ngậm lời sầu  
trang thư tình cũ phai màu dấu yêu  
ơ em nắng đã về chiều  
bờ xưa khóc dấu thủy triều ngàn xưa  
cho tròn một kiếp bơ vơ  
con đò về bến hư vô tủi hờn  
hoang vu ốc đảo linh hồn  
bóng em mờ nhạt dậm mòn thời gian

NGUYỄN-THỊ-HOÀNG

1964



## BÁCH KHOA ĐÔNG TẬP

- Một tập tài liệu phong phú về mọi mặt : chính trị, kinh tế, văn học, nghệ thuật, giáo dục, quân sự v.v...
- Một tập tác-phẩm đã in và sẽ in thành sách : Xây dựng tác phẩm tiểu thuyết, Lược khảo văn học, Tiểu thuyết hiện đại, Tìm hiểu Hội Họa, Vườn Mây, Hòa Âm, Cái bong bóng lợn, Vượt thác, Mùa xuân trên đỉnh non cao, Mưa đêm cuối năm, Đêm xuân trắng sáng, Già từ, Thư nhà, Lá vẫn xanh v.v...

## BÁCH KHOA ĐÔNG TẬP

- Mỗi năm : 4 tập 24 số : 260 \$
- 7 năm : 20 tập 168 số gồm có :
- 8 tập (1957-60) mỗi tập 12 số (giá 1 tập 110 \$)
- 12 tập (1961-63) mỗi tập 6 số (giá 1 tập 65 \$)

## BÁCH KHOA ĐÔNG TẬP

*Có bán tại các hiệu sách và tại tòa soạn Bách Khoa*

*160, Phan-Dinh-Phụng Sài Gòn*

QUỐC-TẾ CÔNG THƯƠNG XÃ

**INTRACO**

**Sản xuất đồ hộp thượng hạng**

**CÁ HỘP TINH KHIẾT, THỊT HỘP THƠM V.V...**

*Xin liên lạc tại Văn Phòng số 148/1 Góc Nguyễn-Minh-Chiêu*

*Trương-minh-Giang — Saigon — Gia-Định.*



# SINH HOẠT

## Giáo sư Đoàn-Văn-An trình luận án tại Nhật Bản

NGUYỄN-NGU-Í thuật



Ông Đoàn-Văn-An, Giảng sư Đại-học Văn Khoa Sài-gòn và Huế cũng là Thượng Tọa Thích Thiện-An tác giả những bài về « Triết lý Zen » trên tạp chí Bách Khoa trước đây, đã thuyết trình luận án và được cấp bằng Tiến sĩ Văn-chương (Doctor of Literature) tại Viện Đại Học Waseda, ở thủ đô Nhật-Bản. Ngày 16-3 vừa qua. Ông Đoàn-văn-An qua Nhật du học từ năm 1954, đã đậu bằng B.A. năm 1957, bằng M.A. năm 1959. Tới năm 1962, sau khi đệ trình luận án Tiến sĩ, ông hồi hương và giảng dạy tại Đại học Văn-Khoa Saigon. Tháng 3 vừa qua, ông trở lại Nhật-Bản để thuyết trình luận án và được cấp bằng nói trên đây về ngành Triết học Đông-Phương thuộc ưu hạng. Sau thế chiến (1945) đây là lần đầu tiên Viện Đại Học Waseda cấp một văn bằng Doctor of Literature và người được vinh-

*Ông Đoàn-Văn-An trong cuộc lễ phát văn bằng tiến sĩ văn chương tại Nhật dự lãnh văn bằng đó tại Viện Đại Học này lại là người Việt-Nam, nên các báo chí ở Thủ đô Nhật cũng đều có nhắc tới tin này.*

Trong buổi nói chuyện tại đài phát thanh Nhật (N.H.K.), giờ « tiếng nói Việt-Nam tại Nhật », Ông Đoàn Văn-An, sau khi cảm ơn các vị trong Giáo Hội Phật-Giáo Việt-Nam đã giúp ông du học, có « nguyện sẽ đem hết khả năng mình để phục vụ quốc gia qua các ngành văn hóa, giáo dục ». Ông Đoàn-Văn-An đã về nước ngày 16-4-64.



## Góp ý kiến về môn âm nhạc trong kỳ thi THPTNC sắp tới

PHẠM THẾ MỸ

Mấy năm gần đây môn âm nhạc ở học đường đã được chú ý. Những ông chủ trường các Trung-học Tư-thực đã vui lòng bỏ ra một số tiền để trả lương cho các giáo-sư âm-nhạc. Các học sinh cũng đã ý-thức được sự ích của môn học này. Đó là những điều đáng mừng.

Nhưng bên nỗi vui mừng đó chúng tôi — những giáo sư âm-nhạc — đã gặp không biết bao nhiêu là chuyện đáng buồn trong những kỳ thi T. H. Đ. N. C vừa qua...

Lần đầu tiên (61 62) tôi được Bộ chỉ định cho công-tác giám-thị và giám-khảo tại Đà-Nẵng (1).

Tôi gặp một đồng nghiệp ở Quảng Ngãi ra. Tôi hỏi :

— Năm nay các thí-sinh vẫn hát một bài cho giám-khảo chọn trong 5 bài họ mang tới phải không ?

— Chớ đòi gì nữa !

— Không hỏi lý-thuyết hay nhạc sử à ?

— Hỏi hay không tùy mình !

— Thế những câu lý-thuyết nhạc sử bọn mình soạn gởi về Bộ để làm gì ?

— Bết à ! Mà hỏi lý thuyết chỉ cho mệt. Hát lệ cho rồi. Tính đầu ăn tiền mà. Mỗi đứa 6đ «như xưa».

Rồi anh tiếp :

— Gì thì gì, có đi chấm thi bọn học trò nó mới nê !..

Mấy môn thi chính lần lượt nối nhau qua. Còn lại ba nhiệm-ý : vẽ, nữ-công, âm-nhạc.

Buổi chiều cuối cùng Ông chủ-tịch trung tâm (N. T. H) gặp tôi :

— Hai anh (tôi và anh bạn ở Q.N.) chiều nay lo dùm môn nhạc (ông cười). Hối nhạc đã vui lại dễ ăn tiền (!) Nghe ! Hai anh lo dùm đi !

Tôi hỏi :

— Thưa Ông, tôi cố phải trình cho Ông xem những bài xướng âm do tôi soạn không ?

Ông lắc đầu :

— Thôi ! không cần. Các anh tự lo lấy. Tôi còn biết bao nhiêu việc phải làm (!)

Tôi đứng lên lại bên anh bạn đồng nghiệp :

— Anh cho tôi xem những bài xướng âm do anh soạn để trao đổi ý kiến thêm. Tôi sợ anh ra khó mà tôi ra dễ thì tội cho các thí sinh.

— Anh quan trọng quá ! Ông chủ tịch nói sao cũng được mà !

Nói xong, Anh đứng lên đi thẳng đến phòng thi.

Đến nơi, anh rút ra trong túi

(1) Chỉ một giám khảo ở lại thành phố nhà — dù là môn nhạc — là một thiếu sót của nhà hữu trách.



áo « vét » một xấp nhạc... đã cũ. Tôi hơi nghi nên chú ý nhìn kỹ hơn. Nốt nhạc và khóa Sol đúng là lối viết của anh bạn tôi — giáo sư âm nhạc ở Đà-Nẵng.

Tôi nghĩ thầm :

— Đúng là hai « ông » này đòi bài cho nhau đề học sinh của họ trúng tủ đây !...

Ra về, tôi lại gặp một giáo sư Toán chặn lại :

— Tao biết gì nhạc mà cũng bắt tao hỏi nhạc ông chủ tịch trung tâm thấy bộ giáo tao có vẽ « nghệ sĩ » nên « bắt cóc » kệ ! Trung tâm P.C.T. toàn nữ sinh cả. Dại gì ! Nhạc mà !

Nỗi buồn đó lẫn lộn với ít nhiều tủi nhục của nghề nghiệp rồi cũng trôi qua...

Năm sau (62-63) tôi được đi chấm ở Nha-Trang. Tình trạng cũng không sáng sủa gì hơn năm ngoái. Vẫn những con người cũ, vẫn lối làm việc cũ... (giáo sư toán, vạn vật... hỏi nhạc, chọn 1 trong 5 bài, « xướng âm » tùy giáo sư mang đến...)

Về Đà-Nẵng tôi định viết một bài nói về sự làm việc cầu thả và vô ý thức của những ông chủ tịch trung tâm đòi với các môn nhiệm ý (2) mà tôi đã gặp, sự gian lận của hai đồng nghiệp năm ngoái... nhưng nghĩ đi nghĩ lại tôi lại thôi. Tôi nghĩ : thiếu gì việc phải nói, đáng nói hơn mà có ai chịu nói đâu ! Mà dù có nói

ra thì có ai thêm đề ý tới !

Hôm nay, dưới chính thể mới, tôi tin tưởng rằng tất cả chúng ta — dù không phải là giáo sư âm nhạc — đều mong ước sao lối làm việc vô ý thức, vô trách nhiệm của những con người cũ — dưới chế độ cũ — sẽ không còn tái diễn trong kỳ thi T.H.Đ.N.C. sắp tới.

Với ý thức đó — góp tiếng nói xây dựng chung cho nền giáo dục nước nhà — tôi xin trình bày ra đây những đề nghị sửa đổi lề lối khảo thí về bộ môn nhạc đề nhà hữu-trách cứu xét hầu mong tránh được những khuyết điểm mà chúng tôi nêu ra ở trên...

— Bỏ hẳn lối thi hát 1 trong 5 bài do thí sinh mang tới (nếu không thì học sinh không cần học nhạc lý, nhạc sử ở lớp mà vẫn thi nhạc được như thường. Tôi có cảm tưởng — mỗi lần chấm thi — là tôi đang chấm vòng loại thi bán kết hoặc chung kết gì đó về một cuộc thi tuyển lựa ca sĩ chớ không phải đang khảo hạch những thí sinh có một trình độ nhạc lý, nhạc sử khá vững vàng qua suốt 4 năm học ở trường — theo chương trình của Bộ soạn gần đúng chương trình của Pháp : « cours complet d'éducation musicale et de chant choral en quatre livres »).

— Thí sinh chỉ cần phải thi phần

(2) Về bộ môn vẽ, tôi mong sao các giáo sư hội họa góp thêm một tiếng nói đề sáng tỏ thêm vấn đề này.



xướng âm (3) và trả lời các câu hỏi về nhạc lý hay nhạc sử do các giáo sư âm nhạc soạn, có bài giải, và gửi trước về Bộ — như các bộ môn khác — để tránh sự bất công — người hỏi dễ; các giáo sư bị « bắt cóc » nhờ gì hỏi nấy, người hỏi khó; các giáo sư chuyên nghiệp hỏi theo chương trình — hoặc để tránh sự gian lận, gửi gắm — như tôi đã gặp và đã trình bày ở trên.

— Đề thi gồm có hai bài xướng âm — mỗi bài từ 8 đến 16 trường canh (mesure), và 10 câu hỏi về nhạc lý, nhạc sử...

— Bộ chọn lấy hai đề do các giáo sư âm nhạc soạn gửi về làm đề bài thi chung cho toàn quốc. (Như thế mỗi trung tâm có bốn bài xướng âm và 20 câu hỏi về nhạc lý nhạc sử...)

— Mỗi thí sinh xướng âm 1 bài và trả lời bốn câu hỏi, hai câu nhạc lý, hai câu nhạc sử.

— Điểm thi cho tối đa là 18. 9 điểm xướng âm, 9 điểm nhạc lý, nhạc sử.

— Đề thi được xé trước 15 phút tại phòng họp mỗi trung tâm. Các giám khảo — chuyên nghiệp, hay không chuyên nghiệp — họp nhau thảo luận cho thông suốt các câu hỏi và các câu trả lời trong đề thi đã được in sẵn.

— Một giám khảo chuyên nghiệp trình bày qua một lần cho ban giám khảo nghe những bài xướng âm,

— Tất cả các giám khảo được chỉ định phải được thông qua hội đồng trung tâm trước một ngày để các giám khảo có thì giờ chuẩn bị (như tìm mượn Âm xích La; La Diapason...)

— Càng nhiều giám khảo càng tốt (để tránh sự tập trung của các thí sinh vào một nơi làm ồn ào, mất trật tự).

Đó là những ý kiến hoặc những đề nghị theo thiên ý của chúng tôi. Nhà hữu trách, các giáo sư các trường Q.G.Ă.N, các bạn đồng nghiệp... nếu thấy còn những điểm nào thiếu sót hoặc chưa được xác thực, xin quý vị bỏ chút ít thì giờ vàng ngọc góp thêm ý kiến đề kỳ thi T.H.Đ.N.C sắp tới, môn thi âm nhạc sẽ được chú ý hơn, và thu lượm được nhiều kết quả hơn.

Đề kết thúc, tôi xin ghi lại những ý nghĩ mà tôi vừa bắt gặp:

— Không hiểu chúng tôi có quan trọng hóa môn thi nhiệm-ý này không? và không biết nhà hữu trách có thì giờ để đọc bài này không?

Chúng tôi xin chờ vậy.

PHẠM-THẾ-MỸ

(3) Nếu khá nhạc lý và có căn bản thực hành ở lớp thì chỉ cần hát một hay hai câu là có thể biết ngay trình độ của thí sinh đó, không cần phải hát hết một bài dài, đã mất thì giờ, đôi khi lại còn gặp phải những thí sinh có bộ mặt non choẹt trình bày những bài ca ủy mị, lằng mằng — dù đã có thông-tư cấm — với những điệu bộ thật dị-dòm, khó coi...



## Kỷ niệm Nguyễn Du (1765-1820)

NGUYỄN TRẦN HUÂN

Ai đã là người Việt-Nam đọc qua tiểu sử và tác phẩm của Nguyễn Du, chắc cũng thường nhớ đến hai câu thơ chữ Hán của nhà đại văn hào để lại :

Bất tri tam bách dư niên hậu.

Thiên hạ hà nhân khấp tổ như...

Chúng ta, tuy không có hi vọng gì sống đến năm 2065, nhưng trái lại được may mắn sống trong cuối thế kỷ thứ 20 này, chúng ta có dịp để tưởng nhớ đến Nguyễn-Du trong năm 1965 sắp tới (vừa đúng 200 năm sau năm sinh của thi nhân). Tưởng nhớ không phải là đề « khốc Tố Như », mà chính là đề mừng chung cho chúng ta có một thi bá nổi danh trên hoàn vũ. Năm 1964 cũng chỉ còn quá nửa. Còn năm Giáp Thìn thì « thiếu quang chín chục, đã ngoài sáu mươi ». Với cái đà thời gian, chả mấy chốc sẽ đến năm 1965.

Ở các nước bên Âu-Mỹ hay Nhật-bản, Trung-Hoa, kỷ niệm một thi sĩ có danh lừng quốc tế, tất nhiên phải là một « quân quốc trọng sự » và do các cơ quan hữu trách như Viện-Hàn-Lâm, Nha-Văn-Hóa, Hội-Nhà-Văn, v.v... đảm nhiệm và lập chương trình từ mấy năm trước. Tôi tin rằng về vấn đề kỷ niệm Nguyễn-Du, sang năm 1965,

trong toàn cõi Việt-Nam, chắc đâu đâu cũng sẽ có những tổ chức những ủy ban được thành lập để làm lễ kỷ niệm một cách xứng đáng. Việc đó thật là một việc đáng mừng.

Riêng chúng tôi, một vài ba anh em Việt kiều trong ban Nghiên Cứu Việt Học trường Đại Học Paris, bên Pháp, chúng tôi cũng muốn kỷ niệm Nguyễn-Du trong phạm vi và theo phương tiện hẹp hòi sẵn có của chúng tôi. Chúng tôi thiết nghĩ rằng Paris tuy là thủ đô của nước Pháp nhưng chính cũng lại là một trung tâm văn hóa Việt-Nam, không những thế, trụ sở của Tổ Chức Liên Hiệp Văn hóa Quốc Tế (UNESCO) cũng ở Paris và tên tuổi cùng sự nghiệp Nguyễn-Du cũng đã được Tổ chức Unesco biết đến từ lâu. Cũng vì những lẽ đó, chúng tôi có ý kiến rất thô thiển là sang năm sẽ cho xuất bản tại Paris, một « tuyển tập » gồm các bài khảo cứu, tài liệu, tranh ảnh, có liên quan mật thiết đến Nguyễn-Du và các tác phẩm của Nguyễn-Du. Vì thế tôi xin thay mặt ban Nghiên Cứu Việt Học Paris, đề nghị cùng với các văn hữu quốc nội có ý kiến gì mới lạ, hay muốn viết về Nguyễn-Du, hoặc có tài liệu nào đặc sắc, làm ơn gửi bài hay tài liệu sang cho tôi ngay từ bây giờ. Trong nhóm nghiên cứu chúng tôi (đứng đầu có giáo sư M. Durand, chuyên khảo về văn hóa Việt-Nam) đã có một ủy ban đứng ra để thu thập các văn-cáo, bản thảo, tài liệu



và đề ấn định những bài khảo cứu hay sáng tác nào nên đăng. Tuy nhóm Nghiên Cứu chúng tôi trực thuộc Đại Học Đường Paris, nhưng không phải vì thế mà chúng tôi có đủ « kinh-tài » để « thù-lao » các bạn nhà văn. Cho nên, đối với các bậc cao minh bên quốc nội có lòng thác ái gửi bài đến cho chúng tôi, chúng tôi sẽ không dám có « tiểu tâm » là in trả tiền nhuận bút ! Sự đó, dĩ nhiên là không thành vấn đề, và đối với các tác giả có bài đăng, chúng tôi sẽ xiu gửi biểu một số bản in riêng (tirage à part) của bài đó, gọi là để trân trọng cảm tạ sự đóng góp quý hóa của những văn hữu đó. Còn về việc ấn loát và phát hành tuyển tập này, chúng tôi may được một viện khảo cổ Pháp đài thọ tất cả các chi tốn, với một tinh thần tương trợ hoàn toàn khoa-học, và không có một mảy may tính cách chính trị nào cả. Sự thật là như vậy, tôi xin trình một cách thanh sở để yên lòng những vị nào còn thắc mắc. Còn nhớ cố nhân thường nói : « Sào ngôn lệnh sắc, tiểu hỹ nhân ». Máy lời bực bạch, vì thế tưởng cũng không phải là thừa vậy.

Ngoài ra, cũng tự biết « phạm mông cánh chuồn » (!) chúng tôi không bao giờ nghĩ rằng công việc của chúng tôi dự định, có thể có một tính cách « ganh đua » với các tổ chức văn hóa nào trong nước cả (kể từ Ai Nam-Quan, đến Mũi Cà-Mâu) ! Để tránh mọi sự hiểu

lầm, tuyên tập chúng tôi sẽ cho in bằng tiếng Pháp, và các bài gửi đến, nếu viết bằng tiếng Việt, chúng tôi sẽ mạn phép dịch ra Pháp-văn, trừ trường hợp các các giả viết thẳng bằng tiếng Pháp thì lại càng tiện cho chúng tôi hơn nữa. Sở dĩ chúng tôi cho in bằng Pháp văn ngoài mục đích nói trên, cũng còn có cái lẽ « lợi ư hành ». In bằng chữ Pháp ở Paris, đầu tiên là rẻ hơn và dễ dàng hơn là in bằng tiếng Việt. Hai nữa dù ta yêu nước đến đâu chẳng nữa, ta cũng phải công nhận là hiện thời Pháp ngữ vẫn phổ biến hơn Việt ngữ trên thế giới và là một trong bốn thứ tiếng được thông dụng ở Unesco (Anh, Pháp, Nga và Y-pha-Nho). Chúng tôi chỉ tiếc là chưa đủ tài và phương tiện để phát hành bằng tiếng Anh, Nga hay Y pha-Nho mà thôi. Cũng vì vậy, theo thiếu kiến, việc dùng Pháp văn cũng rút cục lại chỉ là một lợi khí, hay nói cho đúng hơn một công cụ nhất thời giúp ích cho chúng tôi.

Tiện đây tôi xin trình bày sơ lược bản dự thảo «Kỷ-Niệm Nguyễn Du », do anh bạn trẻ trong nhóm chúng tôi là Tạ-Trọng-Hiệp biên soạn. Bản dự thảo này viết bằng Pháp-văn, tôi xin trích dịch để đọc giả hiểu rõ đại cương :

### I) Khảo về kinh tịch.

a) ghi chép các bài khảo cứu về Nguyễn Du và tác phẩm Nguyễn Du trong tất cả các thứ tiếng (Việt,



Anh, Mỹ, Bỉ, Trung Hoa, Nga, Pháp v.v...)

b) Riêng về truyện Kiều: ghi chép và làm bản thống kê tất cả các bản thảo, (bản nôm, bản quốc ngữ) các bản dịch (Pháp, Anh).

**2) Các tài liệu đặc sắc, về Nguyễn-Du chưa từng nói đến.**

a) Các nguồn gốc truyện Kiều:

1) Nguồn gốc trong văn học Trung Hoa: Thanh tâm tài nhân...

2) Ảnh hưởng của các truyện nôm và dân ca (Bắc Ninh, Nghệ Tĩnh...)

b) Khảo về Ngữ học trong «Kiều».

1) Ấn hành 1 bản Kiều «bị khảo» đầy đủ nhất, với các chú thích và hiện đính thích đáng và hoàn bị.

— Lập những bản «sách dẫn» như «sách dẫn» của trường Đại học Harvard-Yenching bên Mỹ. (Sách dẫn về âm vận, về điển tích v.v...)

3) Khảo về ngôn ngữ truyện Kiều.

4) Lập một bản dịch ra Âu-Văn, căn cứ vào những tài liệu và khám phá kể trên.

c) Ảnh hưởng truyện Kiều:

— Trong các truyện nôm đương thời và về sau.

— Trong dân ca và tục ngữ.

— Ảnh hưởng về phương diện xã hội và tín ngưỡng (tỉ dụ: Bói-Kiều)

— Ảnh hưởng trong thi ca, kịch

(tỉ dụ: Tập Kiều, Lầy Kiều, Ấn Kiều).

— Các bài tựa truyện Kiều từ xưa đến nay.

d) Tranh ảnh: Minh họa, Văn-họa... (Tỉ dụ: Tập «Văn-họa, Nguyễn-Du» phát hành thời tiền chiến)...

Hiện giờ chúng tôi đã nhận được sự hưởng ứng của các giáo sư Pháp-Bỉ, Anh, và của các nhà nghiên-cứu Việt-Nam trong nước cũng như ở bên Pháp như quý vị Giáo-sư: Hoàng-Xuân-Hãn, Nghiêm-Toản, Nguyễn-Đặng-Thực, Nguyễn-Hiến-Lê, Lê-Thành-Khôi...

Các văn hữu muốn biết thêm chi tiết bản dự thảo, hoặc muốn gửi bài, có thể nhờ tòa soạn Bách-Khoa chuyển giao, hay viết thẳng sang Pháp, đến địa chỉ của tôi:

**DR. NGUYỄN-TRẦN-HUÂN**

51 Rue Geoffroy St Hilaire,  
Paris V<sup>e</sup>-France.

**LỄ GIỖ TỔ**

NGUYỄN-NGU-Í thuật

«Cây có gốc mới nở ngành xanh ngọn,  
Nước có nguồn mới bề rộng sông sâu.  
Người ta nguồn gốc từ đâu?  
Có ông tổ trước, rồi sau có mình».

Câu ca dao truyền tụng dân gian từ thuở xa xưa này, mãi đến năm



nay — 1964, sau khi nước nhà long trọng tuyên bố với thế giới mình là một Quốc-gia độc lập, theo chính thể Cộng hòa, đã được chín năm — mới được thực hiện.

Trong suốt chín năm dưới Ngô-triều, anh chị em cầm bút không ngớt nhắc nhở nhà cầm quyền nên lấy ngày Giỗ Tổ Hùng-Vương làm ngày Quốc lễ, khi thi khoa học (như bài « Chim có tổ, người có tông » đăng ở *Ngôn-luận*, ngày 9-4-1957), khi thi văn học (như bài « Tại sao ngày 10 tháng 3 âm lịch, ngày giỗ Tổ, không được chọn là Quốc lễ? » đăng trên *Thời-luận* ngày 9-3-1958, lúc thi thiết tha (như bài *Cây = Cội, Nước = Nguồn, Người, ?* trên

*Bách Khoa* cũng năm 1958, số 33, ngày 15-5). Nay ngày Giỗ Tổ đã thành Quốc-lễ!

Ý nghĩ càng thiêng liêng biết bao khi cuộc thống nhất dân tộc được đặt ra cấp bách và thiết tha hơn bao giờ. Và hai tiếng « Bắc tiến » được tung ra, được bàn đi, xét lại.

Cho nên lễ Giỗ Tổ kéo dài trong suốt cả tuần, mở đầu với cuộc nói chuyện của giáo sư Đỗ-Trọng-Huê, tại trụ sở Quốc hội cũ, ngày 15 tháng

4, về việc tìm kiếm những dấu vết của Hùng-Vương. (1) Rồi từ thủ đô cho tới các tỉnh, những cuộc thịnh diễn thể thao đề mừng ngày Giỗ Tổ đã được tổ chức trọng thể. Riêng ở Sài-gòn, thi nào bóng cầu, bóng bàn, bóng rổ, bơi lội, điền kinh, kiếm-thuật, nhu đạo, đua xe đạp...

Rồi đến ngày giỗ, mừng 10 tháng 3 âm-lịch nhằm ngày 21 tháng 4, các chùa chiền, đền miếu, thánh thất và nhà thờ đều làm lễ và cầu nguyện cho quốc thái dân an. Đặc biệt là ở nhà hội Thương tế Bắc-Việt, cuộc lễ đã cử hành theo đúng nghi lễ cổ truyền.

Tại vận động trường Cộng-Hòa, từ 19 giờ, trước hai vạn thỉnh giả, có làm lễ đốt lửa thiêng và trộn đất thiêng.

Và như dịp này, Văn hóa vụ tổ chức những cuộc thi Văn nghệ cho đủ các bộ môn.

Những cuộc hoạt động thể thao và văn nghệ này đã đánh dấu cuộc lễ giỗ Tổ đầu tiên được nhận làm Quốc lễ.

NGUYỄN-NGU-I

(1) Bài này sẽ đăng trong số tới.

Mùa thu 64

sẽ phát hành

**BẮT LẠI CƠ SỞ TƯ TƯỞNG**

của BÙI GIÁNG

Địa chỉ liên lạc 80/44 Trương-Tấn-Bừu Sài-gòn





*Đức Cờ Hộ Pháp Phạm-Công-Tắc*

## 2 giờ với vài vị chức sắc

### ĐẠI ĐẠO TAM KÌ

### PHỔ ĐỘ

NGUYỄN-NGU-I

(tiếp theo Bách Khoa 175)

**Đ**ẾN Lại-viện, ông giáo sư Ngọc-Mi-Thanh tra lại tài liệu trong các hồ sơ, cho biết :

Trước 1945, số tín đồ được trên một triệu. Nay số tín đồ hội Thánh kiểm soát được trên một triệu, và số không kiểm soát được, cũng chừng ấy ; vậy số tín đồ — riêng của phái Tây-Ninh — độ khoảng dưới trên hai triệu rưỡi. Mười một chi phái khác, không được rõ tín đồ là bao.

Số thánh thất ở miền Nam tự do : 257.

Ở Bắc, Hải-Phòng có một ; Hà-Nội có hai.

Nơi nào có từ 500 tín đồ trở lên, mới có một thánh thất. Theo

thống kê ngày 7-1-1964, thì tỉnh Tây-Ninh là tỉnh có nhiều đạo hữu nhất : 149.305 người. Các tỉnh Định-Tường, An-Giang, tin đồ cũng nhiều. Miền Trung, tỉnh Bình-Định đông tín đồ nhất.

Ở tòa Thánh, đạo hữu hiến thân công quả : 303 ; vị chức sắc hiến thân : 143 vị.

Chúng tôi đi vòng sau tòa Thánh để đến nhà ăn. Một gian nhà rộng, trống, một phần chứa trấu. Ông lễ sanh giải thích : « Trấu để nấu cơm. Nhà này vốn là nhà ăn cho phái nữ. Trước, có đến ngàn người ăn, nam một nhà, nữ một nhà; dưới Ngô triều, còn có khoảng 500, nên ăn chung một nhà cho tiện.



Ba chúng tôi là những người đến dùng cơm trưa sau rớt. Cơm, ba món ăn đầy sẵn dọn trên những chiếc bàn dài, cho bốn người một. Chúng tôi dờ chén đầy ra : rau răm bẻ nhỏ, tương hột, mít kho. Bớt cơm xong, ông lễ sanh đi đâu trở lại, trên tay một tô đồ ăn nhỏ. Tôi nhìn ông. « Mua thêm một món để đãi khách đường xa. — Ở đâu bán ? — Ban nhà bếp. Họ nấu bán thêm để kiếm chút tiền vặt. — Bao nhiêu tô này ? — Ba đồng.»

Đồ nấu ít để bán có khác đồ nấu nhiều để đãi : Vị dịu hơn.

Mấy ca-rê khít chúng tôi, nam nữ ngồi lẫn lộn.

Một chị ngồi gần tôi, nói như phân trần. « Chúng tôi ở trong phái đoàn hội Nhơn sanh kiểm soát sổ sách chi tiêu của hội Thánh. Về trẻ, nên ngồi ăn luôn cho nó tiện ». Rồi hỏi ông lễ sanh : « Hai ông đây »... — ... là nhà báo ở Sài Gòn lên thăm tòa Thánh, muốn biết cơm nước trường chay của chúng ta mùi vị ra sao. — Máy ông nhà báo cái gì cũng muốn biết : ngon muốn biết đã đành, mà dở cũng muốn biết ! Máy thuờ máy ông lên đây, mời thêm món phụ này ». Rồi chị đề qua ca-rê chúng tôi một chén đồ kho có lẽ do chị nấu. Một chị khác cách chúng tôi một ca-rê cũng đứng dậy, đi mua biếu chúng tôi một tô đồ kho nữa, kèm theo hai tiếng « gọi là »... Thành ra « mâm » cơm chúng tôi, thịnh soạn hơn tất cả.

Bữa ăn xong, một chị hỏi tôi : « Các anh ăn ngon chớ ? » Tôi gật đầu. Chị tỏ vẻ hơi ngờ. Nhưng chị biết đâu : Khi người ta đói...

..

Tòa Thánh cách tỉnh lỵ Tây-Ninh năm cây số. Xe lỏi lúc nào cũng có ở ngoài cửa chánh tòa Thánh.

Chúng tôi phải chờ ; ông tân tỉnh trưởng đang bận tiếp khách. Đến phiên chúng tôi, chót hết.

Xem thư giới thiệu xong, ông vui vẻ :

— Ông anh tôi đã có lời giới thiệu, thì mình xem nhau như anh em một nhà. Hướng chi ta là người đồng lứa. Vậy anh miễn cho những tiếng gọi : thiếu tướng, tỉnh trưởng, mà xin gọi nhau bằng anh cho nó thân mật.

Con nhà tướng thời loạn mà mặt ông chẳng tỏ chút « sát khí đảng đảng » nào, mà hiền hòa, có phần nho nhã. Cảm giác ban đầu : không kiêu, mà mẫn. Người thiếu tướng có thiệt thời, nhưng người tỉnh trưởng được lợi.



Với thiếu tá Tỉnh trưởng :  
ông Lê-Van-Tát



— Hai anh đừng bĩa với tôi nhé. Mùa này mà hai anh đội nắng từ Tòa Thánh ra đây, thì phải giải khát trước hết cái đã.

— Xin anh cho chúng tôi nước ngọt.

Rồi cuộc đối thoại bắt đầu, thật sự.

— Tôi vừa thăm miệt dưới. Đồng bào thấy Chánh phủ bỏ đời ông tỉnh trưởng Hòa-Hảo thì tỏ vẻ ngại ngùng... Chắc đồng bào Tây-Ninh đối với anh, cũng thế.

Ông gật đầu :

— Đồng bào đây cũng đã hoang mang, lúc đầu. Vì ai mà không nghĩ: tỉnh trưởng là người Cao-Đài, thì phải có cái gì khác, mà cái gì khác đó là lo cho người đồng đạo hơn là đồng bào. Tôi đánh tan dư luận ấy ngay. Có lẽ khi bỏ nhậm tôi, Chánh phủ nghĩ đến đạo Cao-Đài trước hết. Nhưng tôi nhận chức với danh nghĩa là người công dân Việt hơn là người tín đồ Cao-Đài-giáo, và tôi đã nói rõ với đồng bào : cùng là dân trong tỉnh, đồng bào được nhà cầm quyền giúp đỡ đồng đều như nhau, đó là lẽ công bằng, nhưng tôi, tôi sẽ quan tâm, sẽ giúp đỡ người dân Cao-Đài ít hơn là người dân ngoại đạo ; vì người đồng đạo của tôi vốn sống kham khổ quen rồi, thì có chịu thiệt thòi thêm chút nữa, cũng chẳng sao, để tránh lời dị nghị. « Đó, tỉnh trưởng Cao-Đài, thì đạo Cao-Đài lên chơn được ưu đãi, được đặc quyền... Chỉ là cái vòng lẩn quẩn ! »

— Còn nhân viên giúp việc...

— Anh em này cũng hoang mang, lo ngại. Không biết mình bị đời, hay bị cho nghỉ việc ngày nào. Tôi trấn an anh em liền: « Thời mới, anh em nên làm việc với tinh thần mới, sao cho những tiếng : vì dân, vì nước không còn là những tiếng ở đầu môi chót lưỡi. Anh em nào lỡ có những sai lầm, thì xin xét lại mình mà sửa chữa ngay. Thì anh em vẫn giữ nhiệm vụ mình như cũ. Còn như anh em hành động ngược lại đường lối mới, để đồng bào kêu ca, thì tôi phải buộc lòng có biện pháp cứng rắn.

— Anh đi vắng bảy năm nay...

—... nên việc trong nước, tôi đâu am tường bằng anh em ở nhà. Bởi thế, tôi luôn luôn dò hỏi, và nhờ sống độc thân, ngày nghỉ tôi dành cho bạn bè muốn giúp tôi hiểu thêm người và việc trong tỉnh, và cho đồng bào gần, xa đến góp ý hoặc tỏ bày nguyện vọng cùng thực trạng chốn hương thôn.

— Đó là anh ngồi một chỗ để nghe...

— Tôi cũng biết thế chưa đủ. Thành ra tôi cũng đi để thấy. Tối, tôi hay mặc đồ thường, để sủng trong người, rồi len lỏi chỗ này chỗ nọ. Vài bạn thân biết được, la tôi : « Mày làm vậy, bữa nào chúng giết mày, chẳng ai hay ».

— Từ đó...

— Từ đó, tôi vẫn chứng nào tật ấy. Có lẽ vì là quân nhân, tôi không sợ dao găm, súng lục như người thường ; có lẽ vì người có đạo, tôi



xem cái chết không quá nặng như người không tin ngưỡng. Tôi trả lời các bạn thân ấy như sau : « Muốn tròn nhiệm vụ, mình phải đi sát dân, phải hiểu dân, thì chỉ báo cáo, tường trình, hồ sơ, kinh lý... thôi chưa đủ. Nên tôi làm thế. Rủi có chết thì người khác thay mình, cuộc đời tiếp tục. Chớ tưởng mình chết, không ai thay được, rồi cứ lo bảo vệ mạng sống, nghi ngờ tới cái bóng của mình, là điều tôi kị nhất ».

Tôi hỏi về đoạn đời lưu vong trên xứ Chùa Tháp.

— Tôi trốn sang bên ấy trước, rồi về tổ chức đưa đức Hộ Pháp đi. Lên trên ấy, tôi sống bằng nghề dạy ngoại ngữ. Một phần bị nhà cầm quyền Cam-Bốt nghi kị, một phần bị Việt-cộng phá, anh em lưu vong nói chung sống cũng vất vả. Phần tôi mấy năm gần đây, nhờ bắt được liên lạc với em tôi, Lê-Trung-Nghĩa, được em tôi giới thiệu tiếp tế thường xuyên, nên đỡ được phần nào.

— Đức Hộ-Pháp mất, có trời gì cho đạo hữu không, anh ?

— Lúc ấy, tôi ở xa nên không được rõ.

— Còn số binh sĩ lưu vong...

— Lăn lăn, anh em tìm cách về gần phân nửa. Còn độ tám trăm anh em, về sau ngày 1-11 năm rồi.

— Anh có định lập một bộ đội riêng với số anh em ấy không ?

— Một số anh em đã quá tuổi, một số giờ thích trở lại đời sống dân thường. Độ một nửa muốn cầm súng lại. Nhưng tôi không muốn lập

lại lực lượng võ trang như trước mà hội Thánh cũng chủ trương thế. Người trong đạo vô quân đội quốc gia hay bước ra sân khấu chánh trị, là với danh nghĩa một người công dân chớ không phải với danh nghĩa một tin đồ.

« Tôi lại có khách. Chắc anh và chú em lên đây lần đầu, chưa quen biết ai, thôi, tối nay, làm khách tối vậy. Tối, chúng ta nói chuyện thêm ».

..

Bước chân vô nhà người thầy cũ ấy — mà có người cho là lý thuyết gia của đạo Cao - Đài — tôi thấy ngay hình ảnh của thanh bần, của đơn giản, của đời và đạo hòa nhau. Tôi nhìn đầu bạc của thầy trước mắt, mà sao lại quên đi số tuổi chất chồng trên đầu mình, nên « vùi » thầy như thỏ còn ngồi trên băng nhà trường, nghe thầy giảng về tiếng mẹ, lúc còn hai bảy cái xuân xanh.

— Thầy cho em được dùng cơm với thầy. Sao em nhớ cơm chay quá !

— Tưởng em đòi cái gì ! Nhưng mà ăn cơm gạo lúc đấy.

— Thấy chớ ngại. Em cũng từng nhai cơm tù và nuốt cơm nhà thương thì.

— Nói thế, chớ cơm gạo lúc nay không phải cơm gạo lúc Côn-Nôn đâu. Ngâm hai giờ đồng hồ rồi mới nấu.

Ăn cơm chay, mà hỏi việc đạo với người thầy mình qui mến (trong



đạo thì từng làm Khâm mạng, hiện làm phối sư ; ngoài đời thì hoạt động chánh trị chống Pháp mà bị tù đầy, rồi làm giám đốc Dân huấn vụ, làm bộ trưởng bộ Nghiên cứu Cải cách, và vốn xuất thân trường Sư-phạm Hà-Nội, nay lại dạy ở trường Sư-phạm Sài-Gòn), tưởng không còn gì thích hợp hơn cho bằng. Và tôi được biết ;

Đức Thượng-Đế đã mượn tên là « Cao-Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát » mà mở đạo ở nước ta. Ngài đã chọn ông phủ Ngô-Văn-Chiêu, người tỉnh Chợ-Lớn vốn thích tu tiên và thường lập đàn cầu cơ. Năm 1920, khi ông dời ra đảo Phú-Quốc, Ngài cho ông Chiêu thấy Thiên nhân, bảo họa thờ, và dạy kêu ngài bằng Thầy ; rồi lần lần truyền đạo cho ông tu. Năm 1924, ông phải dời về Sài-Gòn và vẫn tiếp tục tu. Vào khoảng trung tuần tháng 7 năm 1925, có một nhóm công chức ở sở Thương-Chánh Sài Gòn thường họp nhau xây bàn tròn thỉnh vong linh các vị đã khuất về làm thơ họa vịnh.

Vong linh những người chết vì tình hay về xưng họa với họ, có người chỉ mã mình, và họ tìm ra, như trường hợp cô Vương-Thị-Hiền, mà chôn ở Phú-Thọ. Khiến họ càng tin thần linh học (spiritisme). Sau, các Tiên, Phật giáng, rồi sau cùng, có một vị Tiên ông xưng là A. Æ. Æ. Đêm 24 rạng ngày 25 tháng chạp năm ấy, vị A. Æ. Æ. mới cho biết mình là đức Ngọc-Hoàng Thượng-Đế, từ đây lấy tên là Cao-Đài để mở đạo tại phương

Nam. Ngài thâu các vị hầu đàn làm đệ tử và giao cho trọng trách truyền bá đạo Trời ; các vị này là các ông Phạm-Công-Tác, Cao-Huỳnh-Cư, Cao-Hoài-Sang, Cao-Huỳnh-Diêu, Trương-Hữu-Đức, Nguyễn-Trung-Hậu, và sau, ngài lại thâu ông Lê-Văn-Trung, cựu nghị viên Hội đồng Quản hạt và Hội đồng tư vấn của chính-phủ Nam-Kì.

Tôi xin phép ngắt lời người thầy mà nhiều người cho là « lí thuyết gia » của đạo Cao-Đài.

— Ông Lê - Văn - Trung vốn là người không mấy tốt về đường đạo đức. Ông chơi bời có tiếng, lại còn nghiện thuốc phiện. Một người như thế mà đức Chí-Tôn chọn làm đệ tử nòng cốt để truyền bá Đạo lúc sơ khai, rồi lại phong làm quyền Giáo tông, thì người đời có thể bắt bẻ, hoài nghi...

— Quả ông Trung đã có một thời « bê bối » như em nói, điều mà người đồng thời chẳng lạ gì. Nhưng từ khi ông được đức Thượng-Đế chọn rồi, thì phép lạ bắt đầu. Ông sửa đổi tánh tình, bỏ hẳn thuốc phiện. Đó cũng là một cách để đức Chí-Tôn chứng tỏ phép màu của mình, và cái căn tu của ông Trung. Như thề mặt gương, bị bụi bặm làm lu mờ, nhưng được lau chùi, thì sáng tỏ.

« Tôi trở lại nguồn gốc Đạo. Sau khi thâu ông Lê-Văn-Trung làm đệ tử, đức Ngọc-Hoàng Thượng - Đế dạy, lớp đệ tử thiên phong ấy họa Thiên-nhân để thờ. Các ông này không hiểu sao lại thờ Thiên-nhân,



nên rất phân vân. Đức Cao-Đài mới dạy họ phải tìm đến « người anh cả » là ông Ngô-Văn-Chiêu, thì biết rõ. Nhóm ông Tác chưa hề biết mặt ông Chiêu. Khi tìm gặp, các ông kia mới tỏ tự sự, ông Chiêu cho biết việc họa Thiên-nhãn đề thờ là điều chính lí, và chính ông đã được đức Cao-Đài dạy thờ thế đã lâu rồi. Và ông cho các ông này xem hình Thiên-nhãn ông thờ.

— Từ đó, hai nhóm đệ tử thiên phong này hiệp nhau làm một, theo lệnh đức Cao-Đài, đề đề bề lo việc phổ độ nhân sanh. Ngài lại dạy : « Mọi việc phải do nơi Chiêu là anh cả. »

« Đạo bành trưởng mau lẹ quá... »

— Chắc các ông Trung, Tác... không quên việc xin phép đề khỏi bị lỗi thời ?

— Chính ông Trung lo việc ấy. Ngày 7 tháng 9 năm 1926, ông đưa đơn cho nhà chức trách Pháp — tức là Thống đốc Nam-Kì — xin lập đạo, có chữ kí của hai trăm bốn mươi bảy tín đồ và hai mươi bảy vị cầm quyền đạo. Rồi đến ngày 18 tháng 11 năm 1926 (1), lễ khai đạo cử hành trọng thể trong ba tháng trời tại Từ-Lâm tự, tục gọi là chùa Gò-Kén, ở Tây-Ninh.

— Thưa thầy, sao lại làm lễ khai đạo tại một ngôi chùa... của Phật ?

— Chùa này, mới tạo tác, hòa thượng Giác-Hải cho mượn tạm đề hành lễ mở đạo. Lúc ấy, đạo chưa có tòa Thánh. Tòa Thánh lúc ấy còn là một khu rừng hoang. Hàng vạn người đến cầu đạo : hội

Thánh ra đời.

— Ông Ngô-Văn-Chiêu là người đầu tiên được đức Cao-Đài độ, trước các ông Phạm-Công-Tác, Lê-Văn-Trung đến năm năm, mà sao sau này, một ông được phong làm Hộ pháp, một ông được phong làm quyền Giáo tông, còn ông Chiêu lại tách ra mà lập một chi phái riêng. Không liên lạc gì với tòa Thánh Tây-Ninh ?

— Em muốn nói đến Chiêu-Minh-Đàn ở Cần-Thơ. Trường hợp ông Chiêu là một trường hợp đặc biệt. Ngay buổi đầu, ông Chiêu được thọ chơn truyền và được ở yên một nơi để luyện kim đơn. Xen lộn vào chỗ đông người, thì sao khỏi nhiễm phần ô trọc, nên ông nhường lại việc độ dẫn đại chúng cho những ông Tác, Cư, Sang, Trung... Sự thật ra ngay lúc đầu Đức Thượng-Đế Cao-Đài có cho bút như sau : « Nhứt phật tức là Chiêu đó các con » và định phong ông làm Giáo-tông. Nhưng ông không nhận và xin trở về tu đơn mà thôi. Ông Chiêu thuộc hạng xuất thế việc đời gác bỏ ngoài tai. Một số ít đạo hữu hoặc chức sắc công quả viên mãn rồi, chẳng còn bị ràng buộc bởi nợ thế nhi, lòng trần rửa sạch, thì được các đấng thiêng liêng cho vào tịnh thất luyện kim đơn hầu được siêu phàm, thoát tục.

— Chẳng biết có vị nào đang tịnh luyện, mà vì đời nỡ chừng bỏ dỡ... »

(1) Âm lịch : 14 tháng 10 năm bính-dần.



— Có, em à. Chính đức Cao-Đài muốn tin đồ mình lo lập công bồi đức, phò độ nhơn sanh, còn khoa tịnh luyện, hãy đề thư thả. Tôi có biết một vị chơn tu thuộc phái Tiên-Thiên, đã dày công sưu tầm chơn kinh và đang nhập tịnh tu đơn, bỗng được một bài thơ của đảng Thiêng-Liêng dạy phải ngưng việc ấy lại đề ra giúp đời. Vị này liền xuất tịnh và đã vì đạo vì đời mà vào sanh ra tử, vào tử ra tội mấy phen : vị này tức là ông đốc học Nguyễn-Bửu-Tài, đạo hiệu là Thiện-Pháp, làm đầu phái Tây Tông Vô Cực (Bến-Tre) chuyên lo việc tu đơn.

— Xin thầy cho biết bài thơ đã thay đổi hẳn một cuộc đời.

— Bài thơ ấy như vậy :

*Quân tử sao an một chữ nhàn ?  
Nhàn sao nước mất với nhà tan ?  
Tan tành ra sức dày công đắp,  
Đắp điểm cho ra cuộc trị an.*

— Đạo Cao-Đài bắt nguồn từ cơ bút tức là từ đạo Tiên. Nhưng tại sao khai đạo được một năm, hội Thánh lại cấm cơ bút? Và chỉ có sáu vị chức sắc thiên phong được quyền làm đồng tử (1) ?

« Thưa thầy, như thế có điều gì lỗi thời trong nội bộ như người ta đồn chằng ?

— Chẳng có gì lung củng cả. Hội Thánh xét chằng phải ai cũng làm đồng tử được cả. Ta trong sạch chơn thành thì Thần, Tiên, Thánh Phật vui lòng về trò chuyện. Còn như ta phần ô trọc còn nặng thì tà

ma quỷ mị dễ nhập vào người của ta lắm. Vì đề tránh điều bất lợi này mà hội Thánh cấm tin đồ cầu cơ.

Thấy tôi có vẻ còn thắc mắc, ông nhìn tôi, đôi mắt hỏi dò.

— Em nghe có một dư luận về việc này, xin thưa thầy rõ : Một số người bảo rằng cơ bút lắm khi chua xót cho cảnh nước mất nhà tan, và gọi tình yêu đồng bào đất nước. Các vị chức sắc thiên phong hầu hết là những người cộng sự với Pháp, có địa vị to, nên chẳng dám đề tin đồ cầu cơ mãi. E rồi mình bị khó dễ, và đạo bị cấm cũng nên.

Ông cười :

— Tôi cũng có thấy đôi cuốn sách gọi nhóm đệ tử đầu tiên của đức Chí-Tôn là những nhà chí sĩ. Cũng như dư luận trên, lời xưng tụng sau này quá đáng. Chắc em cũng nghe dư luận cho rằng những người truyền bá đạo lúc đầu mượn đạo để làm chính trị ?

Tôi công nhận.

— Sự thật không phải vậy. Cầu cơ thịnh tiền lúc đầu có ba hạng người : hạng cầu xin mạch thuốc, cầu lời an ủi vì đang bệnh nặng hay gặp cảnh đau thương; hạng ưu thời mãn thế nhờ thần tiên cho biết vận mạng nước nhà, hạng nhà thơ nhà văn lấy đó làm môn tiêu khiển thanh cao. Hạng sau này thuộc nhóm xây bàn đường Bourdais (bây giờ là đường bác sĩ Cal-

(1) Tức các ông : Phạm-Công-Tác, Cao-Huỳnh-Cư, Cao-Hoài-Sang, Cao-Huỳnh-Điều, Trương-Hữu-Đức và Nguyễn-Trung-Hệ.



mette) của các ông Phạm-Công-Tác, Cao-Huỳnh-Cư, Cao-Hoài-Sang... Ban đầu, vong linh những người thân thuộc về, kể đến vài vị thiêng liêng thuộc phái yếu cho biết cái chết vì tình bí đất của mình, có vị chỉ cả mồ mình, và theo lời chỉ qua cơ bút, họ tìm ra được, khiến họ càng tin, nhất là họ là những người thích cảm kì thi họa...

— Tức là cũng thuộc nỗi tình, nên thương người đồng điệu?

Ông cười

— Tôi đọc cho em nghe một bài thơ của một vị xưng là Đoàn-Ngọc-Quế (vào năm 1925):

*Nỗi niềm tâm sự tỏ cùng ai,  
Mạng bạc còn xuân ưỡng sắc tài.  
Nhưng ngờ trao duyên vào ngọc  
các,  
Nào ngờ phải nợ xuống tuyến đài.  
Dương sanh cam lỗi tình sông núi,  
Tơ tóc thôi rồi nghĩa trúc mai.  
Đôn dập tương tư oằn một gánh,  
Nỗi niềm tâm sự tỏ cùng ai.*

« Rồi sau đó, đức Cao-Đài mới giáng đàn, với tên mượn là A.Á.Á».

— Nhưng thế nào cũng có những nhà cách mạng hoặc những nhà chánh trị tìm cách lợi dụng phong trào đàn tiên, và đạo lúc ban đầu?

— Điều này, có. Và chính một người anh của tôi cũng định mượn đạo mà hoạt động cho chánh trị. Một số người — không đông mấy — cựu học có, tập học có, muốn lợi dụng quần chúng của phong trào này để mưu đồ việc lớn. (À, tôi còn nhớ, có lần tôi gặp hai ông bạn

Tạ - Thu - Thâu, Phan-Văn - Hùm, trong một đàn tiên ở Xóm-Chiếu.) Có những người được các đấng Thiêng-Liêng cho thơ nói rõ sự tình, khiến họ hết sức thán phục. Rồi các đấng này nói rõ điều lợi của con đường sắt máu mà họ chọn và khuyên họ đổi đường đi, và một số đã nghe lời. Trong số đó, có ông anh tôi vừa nói đó. Đức Lí-Thái-Bạch có cho bài thơ sau đây để trả lời ít vị thuộc hạng này. Một bài thơ khuyến cáo mà cũng là một bài thơ sấm.

*Mạnh yếu đôi đành thấy hiển nhiên,  
Đôi mươi năm nữa nước nhà yên,  
Bên lòng giữ vẹn chờ cơ hội,  
Chớ vội gây nên cuộc đảo huyên.*

— Thầy còn nhớ bài thơ này, Lí-Thái-Bạch cho năm nào?

— 1926. Em thấy đó: 1926 — 1946, đúng hai mươi năm.

« Chánh phủ Liên hiệp quốc dân ra đời, năm 1946. Tuy sau đó, người Cộng sản lợi dụng tinh thần yêu nước và chống xâm lăng của đồng bào ta mà lái một phần dân tộc vào đường lối khác, khiến nước nhà chẳng yên, lệ thuộc vào người, nhưng chánh thức, nước Việt ta thật sự độc lập từ 1946.

— Vậy thì đức Chí-Tôn có ý khuyên chúng ta không nên làm cách mạng, chỉ đi tu?

Ông gật đầu và nói: « Phần đông không có duyên với chính trị nên đóng vai anh hùng vô danh lo tu mà tạo phước đức cho giống nòi là hơn.





Hình tượng hộ pháp Phạm-Công-Tác.

« Đấng Chí-Tôn có dạy : « Các con yếu, nhưng các con mạnh ». Mạnh, là mạnh về tinh thần, Vì nếu toàn người Việt đều thực tâm tu hành, thì khối hai mươi lăm triệu đồng bào sẽ thành một lực lượng tinh thần đủ sức thay đổi vận mạng mình. Lối tu này không phải lối tu ích kỷ mê tín, mà là lối tu thực tế, chuyên dạy bảo nhau cho được thượng hòa hạ mục là diêm chính.

— Thầy nói thế, chẳng hóa ra những cuộc khởi nghĩa đẫm máu, những phong trào xã hội, từ ấy đến ngày toàn dân đứng dậy, chẳng là hoàn toàn vô ích lắm sao. Và phần thầy, trên hai mươi năm trước, khi thầy cùng một số người đồng đạo gia nhập Liên đoàn ái quốc, dựa người Nhật để toan lật đổ người Pháp, rồi việc không thành,

thầy lãnh cái án bị đày ra Côn-Đảo, hẳn lúc ấy, thầy cũng thấy rằng ngoài con đường tu, còn có con đường hành động để đổi thay vận mạng nước nhà đã quá điêu linh.

Tôi giật mình, thấy mình đã quá hăng, quên mất nơi mình ngồi, và người mình đang nói chuyện. Tôi toan có lời xin lỗi, thì người thầy tóc bạc như bông ấy đưa tay ra như ngăn lại, rồi, với nụ cười hiền hòa.

— Em quá bốn mươi mà còn hăng say như thuở đôi mươi, thầy mừng cho em mà cũng lo cho em. Thầy hiểu nỗi bất bình đè nén của em, nhưng càng đi sâu vào đạo, càng đi tới trong đời, thầy thấy không phải ai muốn làm chính trị, muốn làm cách mạng, đều được cả. Cần phải có *căn*, có *duyên*, có *thiên mạng* mới được. Nếu không thì sẽ hại cho mình, thiệt cho đạo, cho toàn dân mà thôi ! Những bậc tiền bối tuy không thành công nhưng cũng thành nhân. Nhưng vì không có thiên mạng mà công việc đều hỏng cả.

Thấy tôi có chiều nghĩ ngợi, ông nói tiếp :

— Không phải người tu chúng tôi muốn cho toàn thể đồng bào cùng « lim dim » tu hết, phó mặc chuyện đời hay dở mất còn. Chúng tôi muốn nói rằng : chỉ làm cách mạng, nhưng nhà có tài kinh luân, biết người biết ta, biết thời, biết thế, biết cơ ; nói tóm lại là những người có *sứ mạng thiêng liêng*



nhìn xa thấy rộng, biết tiết kiệm xương máu đồng bào thì mới nên làm; chớ không phải để cho những kẻ phiêu lưu đem dân chúng lừa vào lò sát sanh, lấy máu xương đồng bào để làm trò thí nghiệm. Nếu không thì phần đông đồng bào nên đóng vai anh hùng vô danh, tu hơn tích đức để tạo nền móng âm chất cho dân tộc. Về vấn đề này, các đấng Thiêng Liêng có nói rằng: *tiên hơn phước đức bất tu, lễ thứ đạo huyền đồ thân nan kham!* (người xưa không có tu phước đức, cho nên dân chúng điên đảo khổ sở không kham nổi). Và thần tiên lại khuyên: *«Vọng Ngọc-Đế thi ân xá tội, tảo phục hườn cựu nghiệp; chúng sanh cảm đức vô biên, nguyện tác phước tích thiện, cải ác tùng lương đoái tội, thực hình, dĩ trừ tiền hơn chi quá.»* ngày hôm nay, người Việt ta nên: cầu Ngọc-Đế ban ân bỏ tội, sớm cho hồi phục lại nghiệp xưa, chúng dân mang đức của Ngài khôn cùng, nguyện làm phước chữa lành, sửa điều dữ theo điều hay, ăn năn tội lỗi, chuộc lại hình phạt, lấy đó trừ giảm những tội lỗi của người xưa.)

« Các chức sắc lẽ tự nhiên là phải phế trần hành đạo, nhưng nếu một chức sắc nào được toàn dân cho là cần thiết và đòi hỏi chức sắc ấy ra giúp việc nước, thì trong Đạo cũng vui lòng cho vị ấy xả giới để ra phụng sự Tờ quốc. Chớ còn những người nửa đời nửa Đạo, thì chẳng ích chi cho Đạo, mà cũng chẳng lợi chi cho đời, vì làm việc nửa chừng.

« Một lần nữa, chúng tôi xin nhắc lại rằng; « *Dục tu tiên đạo, tiên tu*

*nhơn đạo. Nhơn đạo bất thành, tiên đạo viễn hi!* » (Muốn tu đạo tiên, trước phải tu đạo người. Đạo người không trọn, thì đạo tiên ắt xa vậy).

—Thưa thầy, thầy có thể cho biết duyên cớ khiến thầy hoạt động chánh trị năm 1942.

Lại một nụ cười nửa dịu dàng, nửa như e thẹn :

— Lúc đó, tôi độ bằng tuổi em bây giờ. Tóc còn xanh. Một Thiếu tướng Nhật trách chúng tôi: «Trước kia chúng tôi ở ngoài sân, các anh ngủ, chẳng nói làm gì. Nay chúng tôi đã vào nhà rồi, mà các anh cũng còn ngủ nữa ư?»

Thầy trò cùng cười.

— Em xin hỏi thầy một việc cũ. Đáng lí ra năm 1946, thầy giữ chức Chủ tịch Mặt trận quốc gia liên hiệp, nhưng thầy không nhận, nhường cho ông Huỳnh-Phú-Sổ. Chẳng hay thầy cớ gì không ưng ý?

— Sự thật như thế này; ngày 22-4-1946, hai mươi một đoàn thể kháng Pháp trong Nam cử tôi làm chủ tịch. Tôi không hay gì hết. Sau Vũ-Tam-Anh, một học trò cũ, nói lại. À, cũng là bạn cùng trường với em đó; em, Khê học bên A, Vũ-Tam-Anh học bên X. Lúc đó, tôi bị Pháp kêu hai chục năm khổ sai, hai chục năm biệt xứ, gia sản bị tịch biên, lại ở trong đoàn thể Cao-Đài, nên đại biểu hai mươi một đoàn thể mới đồng cử tôi. Tôi đang ăn náu ở miệt Long-Thành, anh em kiếm không ra; mà mặt trận Liên hiệp chẳng thể thiếu người chủ



tịch trong ban chấp hành, nên sau cử ông Huỳnh-Phú-Sồ thay thế tôi.

— Thế là thầy mất một dịp để đi vào lịch sử !

Hai thầy trò lại được dịp cùng cười.

— Em có nhắc, tôi mới nhớ lại lời này của các đấng Thiêng Liêng thường dạy, về vấn đề phục quốc : « Cuộc đời nay trả, đừng vay » — càng đi sâu về đường đạo thì càng sợ luật nhân quả vừa cho mình mà vừa cho giống nòi nữa.

— Em chưa hiểu...

— Chúng tôi hiểu như vậy : trước kia, tổ tiên ta đã gây nhiều oan trái cho nên đời sau con cháu phải chịu cảnh lâm than, tủi nhục. Đó là trả nợ. Còn đừng vay là đừng gây thêm cảnh máu sông xương núi một cách vô ý thức nữa.

Chúng tôi cùng im lặng. Đêm đã về khuya, mà bên nhà in có tên « Nam-Trung-Bắc » khít nhà này, tiếng máy in còn chạy.

— Nguồn gốc đạo, như thế cũng đủ cho em rồi. Tôi nói sơ qua về phần giáo lý. Hẳn em cũng đã nghe những người công kích đạo Cao-Đài cho là đạo xà bần, và người Pháp cũng từng gọi là đạo tạp hóa (religion de bazar). Vì thấy sao : thờ Phật, lại thờ Chúa, thờ Khổng, lại thờ Lão... Nhưng đó là cảm tưởng ban đầu khi ta đứng ở ngoài nhìn vô... Nhưng một khi tìm hiểu cội nguồn, thì đạo Cao-Đài là tổng hợp giáo lý các Đạo, và tuy ra đời sau, nhưng tương lai nhiều hứa hẹn.

« Đại đạo tam kỳ phổ độ vừa là một tôn giáo tổng hợp, vừa là một

tôn tôn giáo.

« Về mặt tổng hợp, đạo Cao-Đài có mượn một ít chi tiết của Thích giáo, Lão giáo, Nho giáo, Cơ-Đốc giáo, cũng như về phần triết lý...

— Xin thầy nói rõ về điểm sau này.

— Đạo Cao-Đài mượn ở Phật-giáo : luật nhân quả, lòng từ bi, thập nhị nhân duyên, tứ diệu đế, bát chánh đạo, khoa tham thiền nhập định ; mượn ở Lão giáo : tam bửu, ngũ hành, vũ trụ quan, phép tu đơn ; mượn ở Nho giáo : nhơn, trí, dũng ; mượn ở Da-Tô giáo : lòng bác ái, đức tin, đức khiêm nhường, đức khoan dung và sự vong kỷ vị tha.

— Còn phần riêng biệt ?

— Về nghi tiết, thì có : việc thờ Thiên nhân, sự tổ chức hội Thánh, cách sử dụng thiên phục ba màu xanh, đỏ, vàng... Ngày lễ đức Kim-Mẫu, tức là Mẹ Chung, khi hành lễ, các vị chức sắc thường cũng như chức sắc thiên phong, chức việc cũng như đạo hữu nam, nữ đều ăn mặc như nhau : y phục trắng, khăn đen, ý nghĩa về tinh thần bình đẳng được biểu lộ rõ rệt. Điểm đặc biệt nhất của đạo là cách kiến trúc đền Thánh Tây-Ninh gồm có ba đài, và do đức Lí Giáo tông giáng cơ ra kiểu. Các chức sắc đại thiên phong sau khi « qui vị » được liễm ngồi trong liên đài (quan tài hình bát giác).

« Về mặt triết lý, phần riêng biệt : nhận đấng Chúa tể Càn khôn là vô



hình. Đức Cao-Đài là đức Thái-Cực Thượng-Đế, hay là Ngôi Thái-Cực. Ngôi này bao trùm Vũ trụ và không bao giờ mượn xác phàm. Ngài từng dạy :

« Nếu không có Hư vô và chi khí thì không có Thầy. Nếu không có Thầy, thì không có chi trong Càn-khôn Vũ trụ. Còn chư Tiên, chư Phật, Thầy hỏi các con ai tạo ra các đấng ấy ? Rồi tự Ngài trả lời : « Ấy là Đạo ».

— Xin thầy cho biết một ít luật đạo về phương diện tu hành.

— Về đạo hữu thường, tùy sức mình mà theo lục trai hay thập trai (lục trai ăn chay sáu ngày : mùng 1, mùng 8, 14, rằm 23, 30 ; thập trai ; ăn chay mười ngày mỗi tháng) hoặc trường trai (ăn chay hằng ngày), và giữ năm điều cấm.

1. là không làm hại sự sống của nhân loại và thú cầm thảo mộc.

2. là không phóng đảng trộm cướp.

3. là không ăn thịt uống rượu say sưa để mất trí khôn và làm việc tội lỗi.

4. là không lấy vợ hoặc con cái của người một cách thãm vụng.

5. là không nói dối để gạt người lấy của và hại mạng người.

« Còn với các chức sắc, lễ sanh phải giữ thập trai, các giáo hữu trở lên các vị thiên phong phải phở trần hành đạo, nghĩa là phải hiến thân trọn đời cho hội Thánh, thừa lệnh hội Thánh đi truyền giáo và chấp chương cơ quan đạo các nơi. Từ phối sư trở lên, cho chức sắc

được luật vào hạng thiên phong và chỉ ở tại tòa Thánh mà thôi.

— Có ngoại lệ không thầy ?

— Trong vài trường hợp đặc biệt một chức sắc có thể được hội Thánh cho ra giúp đời một thời gian và được giữ thập trai để dễ bề hành sự.

« Riêng với các bậc tối thượng nhất thừa — hạng này rất ít — thì được các bậc Thiêng Liêng cho vào tịnh thất luyện kim đơn hầu được siêu phàm thoát tục ».

— Thầy cho biết đạo truyền bá ra nước ngoài . . .

— Đạo khai sáng chẳng bao lâu thì truyền sang Cao-Miên, rồi Ai-Lao. Trước thế chiến, nhiều vị chức sắc đã được lệnh hội Thánh đi truyền giáo ở Hoa-Nam (Trung-Quốc), và ở bên Pháp. Ngay tại Paris, có nhiều chức sắc Pháp đại diện cho hội Thánh Tây-Ninh, sốt sắng nhất là ông Gabriel Gobron (1895-1941), tác giả quyển « *Histoire et Philosophie du Caodaïsme* ». Nhật-Bản trước kia và nhiều nước khác sau này, như : Phi-Luật-Tân, Hiệp-Chủng-Quốc, Ấn-Độ, Thụy-Sĩ đã đề ý đến đạo Cao-Đài. Đặc-biệt là tín đồ người Thụy-Sĩ xin phép hội Thánh được ăn chay với sữa và trứng (lacto-ovo-végétarisme).

— Thầy còn nhớ đôi người Pháp nào ở đây vô đạo ?

— Tôi còn nhớ hai ông. Ông Abadie, luật sư, là một giáo hữu trong đạo. Ông Latapie, một nhân viên sở Đoan Sài Gòn, là một giáo



sư trong đạo. Ông sau này vì vô đạo Cao-Đài mà bị Tây ghét, cho về hưu non. Khoảng 1934 - 1935, ông đau nặng, nằm nhà thương Grall, sắp chết. Có vị linh mục vô, rửa tội. Ông từ chối, bảo mình vốn là tín đồ Cao-Đài giáo.

Thấy tôi có vẻ nghi ngờ, ông nói :

— Em cũng biết tôi là người của khoa học, thế mà tôi theo đạo đã ba mươi lăm năm nay. Tôi đã thấy nhiều cái huyền diệu trong đạo. Một ví dụ. Tôi hoạt động chánh trị và bị tù đầy vài năm trước khi bị bắt. Cơ bút đã tiên tri, mà lúc bấy giờ, tôi nào có biết. Tôi còn nhớ lời của Lí-Thiết-Quải :

« Q. hành đạo đến khi ngồi tù mới hay, nghe ! ».

Và đức Quan-Thánh cũng từng báo cho tôi biết trước :

« Chia bày rẽ bạn chít chiu,

« Nhìn quanh ngó quắt quanh hui  
                                trung thần.

« Thấy vậy nên lão tổ phân,

« Thân tu thân đặc nhân dân bơ  
                                thờ.

« Dầu cho ra chồn pháp tràng,

« Trái thân vì đạo, cơ hàn vì  
                                dân . . . »

— Có người nghi rằng đạo Cao-Đài với tánh cách đại đồng của nó, có « tham vọng » tiêu diệt các tôn giáo khác để một mình một cõi.

Người đối diện tôi cười :

— Đạo Cao-Đài không hề nuôi

## Sách Mới

*Bách - Khoa đã nhận được :*

— **Phép làm thơ** : của Diên-Hương do Nhà sách Khai-Trí xuất bản và gửi tặng. Sách dày 450 trang, in lần thứ hai, bản đặc biệt không hề giá.

— **Vietnamese legends** : của Lê-Huy-Hạp do nhà sách Khai-Trí xuất bản và gửi tặng. Sách dày 138 trang, in lần thứ hai, giá 35đ.

— **Chất ngọc** : tập truyện của Vũ-Hạnh do Cảo-Thơm xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 150 trang, gồm 8 truyện ngắn đặc sắc của nhà văn Vũ-Hạnh, trình bày mỹ thuật, bản đặc biệt không hề giá.

— **Người cuồng Mã-Lai** : truyện của Xtê-Phan-Vai, bản dịch của Trần-Đình-Khải, do Thời-Mới xuất bản và gửi tặng. Sách dày trên 170 trang, gồm 3 truyện dịch, giá 50đ.

— **Bơ vợ** : truyện dài của Minh-Đức Hoài-Trình do Sáng-Tạo xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 216 trang, bản quý không hề giá.

— **Tin Shell** : Đặc san tân niên của hãng dầu Shell.

Trân trọng cảm ơn các tác giả, nhà xuất bản trên đây và xin ân cần giới thiệu cùng bạn đọc.



cái « tham vọng » ấy. Đạo chỉ mong qui nguyên tam giáo, hiệp nhất ngũ chi, về phương diện tinh thần mà thôi bằng cách gôm lại một mối những điểm chính của giáo lý các tôn giáo lớn. Đạo Trời mở ra cũng dựa vào các tiêu ngữ : bình đẳng, công bình, từ bi, chớ chẳng dùng võ lực mà ép người phải theo mình. Nói cho cùng mà nghe, dầu đạo chúng tôi mà muốn làm như thế nữa, các tôn giáo khác thà chết chớ chẳng thể bỏ đạo, thì té ra chúng tôi đem lại sự chia rẽ, chớ nào phải sự hiệp nhất đâu.

— Cao-Đài có Việt-Nam phục quốc hội. Hòa-Hảo có Việt-Nam dân chủ xã hội đảng. Em nghe đâu một số tín đồ Phật giáo và Cơ-Đốc giáo cũng định lập đảng, vì tình thế đặc biệt của nước nhà đòi hỏi. Thấy nghi Đạo với Đời có thể tách riêng nhau chẳng ?

— Không Đời làm sao có Đạo, mà thiếu Đạo, Đời sẽ ra sao ?

« Nhưng ý em về vấn đề tín đồ các tôn giáo ra làm chánh trị như thế nào ?

— Em nghĩ các vị chức sắc, giáo phẩm thì có thể chỉ lo phần Đạo, nhưng tín đồ thì có bổn phận làm chánh trị, nhất là ở nước ta, trong lúc này đây. Nếu chánh trị đồng nghĩa với gian xảo, bịp lừa, tàn bạo, mà kẻ theo Đạo cứ ngồi đó, khoanh tay, thì ít nhiều gì cũng là đồng lõa với bọn cầm đầu ma quỷ. Ra làm chánh trị với cái hướng từ bi, cái đường bác ái, cái lượng bao dung, lấy thành thật và ngay

thẳng thay cho mưu mô, thủ đoạn, đó chẳng phải là một lối hành Đạo sao ? Em cho sức mạnh tinh thần không, chưa đủ. Lúc cần nói lên một tiếng, lúc cần làm một cử chỉ, lúc cần bắt tay với những sức mạnh tinh thần khác để không tán thành, để phản kháng, để chống đối, mà miệng chẳng mở, mà tay buông xuôi, thì theo em — những kẻ tu như thế đã phụ lòng Giáo chủ của họ và đồng bào của họ.

Tôi thôi nói, hớp miếng nước trà, nhìn người tu sĩ.

Ông cũng nâng li nước lọc, dịu dàng :

— Tôi nghĩ có lẽ giống em. Tu, chẳng phải là mình chỉ biết có cái « đạo » của mình, còn chung quanh mình, nước mình, đồng bào mình, « sống chết mặc bây ». Các vị chức sắc thì không nên vừa hành đạo vừa làm chánh trị. Rồi ra chẳng vẹn bề nào. Những vị nào muốn làm chánh trị, thì phải giải giới, nghĩa là hoàn lại chức tước cho hội Thánh, rồi tự do « nhập thế cuộc » với danh nghĩa cá nhân của mình. Còn các đạo hữu thì nên tham gia chánh trị với tư cách là công dân đối với Tổ quốc khi hữu

*Đã phát-hành*

**VĂN-HÓA. NGUYỆT-SAN**

Số 2 — 3

Nội-dung phong-phú

Đầy 176 trang, giá 12 đ.



sự, nhưng luôn luôn hành động theo cái nếp muôn đời của các tôn giáo : vị tha, chân thành, hòa bình.

phải một vì sao lấp lánh trên mảnh trời khuya. Một câu thơ của Nguyễn-Nhượng-Pháp từ đâu về lại trên môi :

..

Tôi nhìn người thấy già nhưng chưa yếu ấy đẩy mạnh cánh cửa sắt, cúi đầu chào, rồi quay mặt ra đường lớn. Vô tình, mắt tôi chạm

« Thương ai sao biếc thăm rơi lệ... »

Giờ Tò, Giáp-Thìn 64

NGUYỄN-NGU-Í

## ĐÍNH CHÁNH

B.K. số 175, trong bài « Hai giờ với vài vị chức sắc Đại đạo tam kỳ phổ độ ».

Trang 87, cột 2, dòng 6 : « phái Thanh », xin đọc : « phái Thánh » ; trang 88, cột 2, dòng chót : « uy tư », xin đọc : « suy tư » ; trang 90, cột 1, dòng 30 : « cửa viện », xin đọc : « cừu viện » ; trang 92, cột một, dòng 4 : « tức Lí-Thái-Bạch », xin đọc : « đức Lí-Thái-Bạch » ; trang 94, cột 2, dòng 10 : « từ đây », xin sửa : « từ đây » ; dòng áp chót : « Tôi là người tục », xin đọc : « . . . . . tu ».

B. K. số 174, bài « Vài kỷ niệm về Lê-Văn-Trương » :

Trang 94, cột 2, dòng 19 : « Bảy năm về trước », xin sửa : « Mười năm »... ; trang 95, cột 1, dòng 19, và trang 96, cột 1, dòng 10 : « Nguyễn-Hữu-Tiêm », xin sửa « Vũ »..

## ĐÓN COI :

# MƯA ĐÊM NAY

## thơ trường anh

do thi-sĩ VŨ-HOÀNG-CHƯƠNG đề tựa

Gồm những thi bản đăng trên mục THƠ VÀ THI NHÂN (1960, 1961, 1962) và mục TÂM TƯ THỜI ĐẠI (1993, 1994). Và một số thi bản khác chưa hề đăng trên báo nào.



**Bách khoa đã nhận được:**

Âm thanh tình người (Thành-Tôn)  
 Vào đời (Nguyễn-Văn-Lực) Con  
 chim non (Nguyễn-Hữu-Thái).

Lo âu (Nguyễn-Phan-Thịnh) Đêm  
 và con người... (Lê.T. Đài-Trang)  
 Hy vọng (Vũ-Ngọc-Hải) Tuổi trẻ  
 (Lan-Hương) Quê hương chúng  
 mình (Phan-Nghĩa) Tiếng chuông  
 chùa (Từ-Quyên) Những bóng thơ  
 gầy (Ng. Dã-Thảo) Vượt lên  
 (Nghieu-Trang) Lăn về biển (Lê-Văn  
 Hà-Nội) Ngõ tối em về (mây-trùng-  
 dương) Ngắm nhìn hiện tại (Minh-  
 Viên) Tiếng trẻ khóc đêm (Xuân-Bích)  
 Phẫn bội lòng anh (Thanh-Dạ-Hoài-  
 Nhân) Trở về quê hương (Trần-Văn  
 Hoa) Hóa thân (Lan-Hương) Khi  
 em về (Sa-Băng) Chuyện con trai  
 (Huyền-Mộng-Trân) Sầu thế kỷ (Lê-  
 Văn-Phước) Khóc Nhất-Linh (N.  
 Thế-Giác) Khoát biệt (Ngô-Việt-  
 Đức) Ga đêm (Lê-Thi Vy-Ly) Để  
 lại cho người sau (Trầm-Mi) Đọc  
 hành (Chế-Vương-Hằng) Thêm tình  
 bằng hữu (Nhật-Lệ) Mẹ (Hoàng-  
 Huân) Âm ảnh (L. Đ. Phạm-Phú)  
 Đọc thoại (Mai-Tiến-Thành) Tiếng  
 hờn trong gió... (Đỗ-Bình-Minh)  
 Thân phận (Mai-Lê-Văn) Cửa buổi  
 khuya (Viễn-Hà-Nhân) Phận chúng  
 mình (Hà-Thảo-Yên) Chiều mưa  
 giăng (Lê-Phương-Đình) Lời người  
 thú tội... (Hàn-Lê-Thủy) Vườn  
 mộng (Đặng-Đức-Côn) Ly cách  
 (Trương-Khanh) Chờ đợi mùa xuân  
 (Tường-Phong) Thao thức (Thương  
 Đy) Tưởng niệm N.N.S.M (N. M)  
 Tình hoang (Hoa của rừng) Bài thơ

Đài Trang (Lê-Thị-Đài-Trang)  
 Thi thăm (Thanh-Thuyền) Tình quê  
 hương (Ngọc-Trai-Hương-Rừng)  
 Về em nhé (Khánh-Sơn) Nửa đêm...  
 (Nguyễn-Vũ-Vũ-Ngự-Chiêu) Mang  
 mang—Nhìn lại (Mây Trùng Dương)  
 Em nghĩ gì (Mặc-Duy-Thanh) Giới  
 thiệu (Nguyễn-Hiến-Nguyên) Manh  
 áo hai chế độ (Liểu-Hồ) Chỉ là một  
 cái cờ (Vĩnh-Tân) Tổ chức quân  
 pháp tại Việt Nam (Nguyễn-Ngọc-  
 Lam) Con bờ câu lạc (Hương-Nhân)  
 Triều xưa (Huỳnh-Thanh-Tòng)  
 Nghĩa đời (Hoài-Diễm-Từ) Ý nghĩa  
 sau cùng (Mặc-Duy-Thanh.)

**Anh Luân-Hoán.** Có trả lời  
 thư L.H.(bức thư dài) mà sao không  
 nhận được? Bỏ hết những thắc mắc  
 đó, sẽ thấy nhẹ mình. Vì sợ lạc  
 thư nữa nên phải nhấn trên. H.T.

**Anh Nguyễn-Xuân-Huy.**  
 Đã nhận được thư anh và thơ của  
 Bửu. Cảm ơn anh và mong sẽ có dịp  
 nói chuyện nhiều.

**Anh Yển-Nguyên-Thanh**  
 Đâu có giận và phiền. Sẽ có dịp bàn  
 thơ anh. Số này có đăng một bài nhỏ.  
 Sẽ góp ý về các bài khác.

**Anh Uyên-Hà.** Nhận được  
 thư của Hà, nếu có gì mới cứ gửi về  
 sẽ góp ý sau trong thư riêng.

**Anh Vũ-Hân.** (Huế) X.H. có  
 viết thư cho anh mà không thấy trả lời.  
 Nếu có viết gì mới xin anh gửi về.  
 Anh còn nhuận bút ở B. K. nếu anh  
 gửi bài gì thêm sẽ gửi anh luôn thể.  
 Chúc anh vui mạnh.

X.H.



**25-4-1964** Ngày tạm biệt. Tặng nhau gì ?

Hãy mua và gửi cho nhau thi phẩm :

# THIỆT THA

thơ BÙI KHAI NGUYỄN

Một tập thơ của tình yêu, cách mạng mà ấn bản đầu 1960 bị coi như một tác phẩm văn chương đen, cấm lưu hành, tàng trữ.

LỮ HỒ trình bày phụ bản, bìa

**Đại Nam Văn Hiến Xuất Bản Cục**

Hộp thư Sài Gòn 1123

*hàng tuần đọc*

# sinh viên

- Nghị luận
- Văn nghệ
- Thông Tin

*Do sinh viên Saigon chủ trương.*

*Tòa Soạn : 4 Duy Tân Saigon*

D.N. 25628

TRIỂN LÃM TRANH SƠN DẦU

**ĐINH CƯỜNG ● TRỊNH CUNG**  
**TÔN NỮ KIM PHƯỢNG**



tại Phòng Thông Tin, 165 Tự Do — Sài Gòn

**từ 9-5 đến 17-5-1964**



# TỦ SÁCH PHẬT HỌC VIỆT-NAM

*Truyền bá những sách có giá trị nghiên cứu về Phật-Giáo*



**I. — Kinh Viên Giác.** — Quyền kinh cao siêu nhất trong kho tàng kinh luận của Phật Pháp. Do Huyền Cơ dịch. In lần thứ ba, có kèm bản dịch sang Pháp văn của giáo sư Tuệ Quang.

**II. — Kinh Lăng Nghiêm,** bộ kinh danh tiếng ở Việt Nam và Á-Đông do Tuệ Quang dịch và giải thích.

**III. — Phật Giáo** của giáo sư Tuệ Quang bộ sách đầy đủ nhất về đạo Phật từ lý thuyết đến thực hành.

**IV. — Căn bản của Tín Đồ Phật giáo** của Huyền Cơ, một quyển sách trình bày cả kho tàng giáo lý vĩ đại của Phật giáo được kết tinh thành một hệ thống rõ ràng, theo lối hỏi đáp cho ai nấy đều hiểu những điều căn bản của đạo Phật.

**V. — Bộ « căn bản Phật Pháp » Duy-Thức-Học « Nhân Minh-Học »** của Huyền Cơ tập khảo cứu công phu, thu gồm tinh hoa năm Đại Tạng, cả kho tàng kinh luận vào một nền tảng chắc.

Kinh trên đây đều phát hành tại Chùa Từ Quang 584/1 Phan-Thanh-Giản Sài Gòn; Giác Minh 578 Phan-T-Giản Sài Gòn; Long Vĩnh 394 Trương-Minh-Giảng Sài Gòn; Chùa Ấn-Quang; Nhà sách Khai-Trí Sài Gòn

MỘT TRĂM ĂN PHẨM LOẠI ĐẶC BIỆT

## MÂY BÀO

● *Tiểu thuyết* NGÔ-THẾ-VINH

● *NGHIÊU - ĐỀ* trình bày

**CÓ BÁN TẠI TÒA SOẠN BÁCH KHOA**

*Giá đã trừ 30% : 70\$*



THAI BANKING SERVICES IN SAIGON

# Bangkok Bank Ltd.

**SAIGON BRANCH**

*44, Nguyễn-Công-Trứ, 44*

**S A I G O N**



**HEAD OFFICE** *Plapplachat, Bangkok.*

**OVERSEAS BRANCHES:**

**LONDON** *Barrington House 59-67 Gresham Street, London, E C. 2*

**TOKYO** *No. 1, 2-Chome Muromachi Nihonbasht, Chuo-ku, Tokyo*

**HONGKONG** *60, Bonham Strand West.*

**CENTRAL DISTRICT** *Shell House, Queen's Road.*

**KOW'LOON** *580 A. Nathan Road Kowloon.*

**SINGAPORE** *64 South Bridge Road*

**KUALA LUMPUR** *14 Ampang Street.*



**TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY  
HỎA HOẠN**

TAI HẠI GÂY BỞI CHÁI NỔ  
VỐN : 1.500 TRIỆU PHẬT LĂNG  
C<sup>le</sup> d'Assurances Générales contre  
l'Incendie et les Explosions  
Capital 1.500.000.000 Frs.

---

**TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY  
TAI NẠN**

GIAN PHI — HÀNG HẢI — RỦI RO  
VỐN : 3.000 TRIỆU PHẬT LĂNG  
C<sup>le</sup> d'Assurances Générales Accidents  
Vol — Maritime — Risques Divers  
Capital : 3 Milliard[de] de Frs.

---

**CÔNG TY BẢO HIỂM PHÁP Á**

**BẢO HIỂM MỌI NGÀNH**  
: 8.750.000.000 PHẬT LĂNG  
Assurance Franco Asiatique  
Assurance Toutes Branches  
Capital : 288.750.000 000 F

---

**NHỮNG CÔNG TY BẢO HIỂM LỚN NHẤT  
VÀ ĐÃ HOẠT ĐỘNG LÂU NĂM NHẤT CỦA PHÁP**

**CHI NHÁNH TẠI SAIGON**

26 đường Tôn-thất-Đạm (tên cũ Chaigoese)

Giấy số : 21.253 — 23.913



# B. N. C. I.



## BANQUE NATIONALE pour le Commerce et l'Industrie

S. A. au capital de : 120.000.000 F.F.  
siège social : 16 Bd des Italiens Paris 9<sup>e</sup>

### SAIGON

36 Rue TÔN-THẮT-ĐẠM  
135. Đai-lộ NGUYỄN-HUỆ  
(ex Charner)  
Téléphones : 21.902 — Lignes  
22.797 — B.P.E. 6

### PHNOM-PENH

*Moha Vithei Preah Bat Norodom*  
(ex Doudart de Lagrée)  
Téléphones : 385 et 48  
B.P. 122

### Succursale de Hongkong

*Central Building Queen's Road Central*

Tel. 35.601

P.O. Box n° 763

La B. N. C. I. et ses filiale possèdent plus de 1.350 sièges en France dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A. O. F. A. E. F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main Bureau de Représentation, en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban B.N.C.I « A » ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba Bureau de Représentation BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN ; à Londres, Lagos, Apapa, Kane, Ebute Matta British and French Bank ; à Bâle Banque pour le Commerce International) ; à Mexico Banco del Atlantico ; à Panama Panama Trust Co. Inc.



hơn 50 năm tại Việt - Nam

